

VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ



SỐ TÂN NIÊN 1989

SỐ 38, THÁNG 3 NĂM 1989

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Trần Sa: Người làm nở hoa Quỳnh, truyện trang 1 * **Trần Sa:** Thơ trang 9 * **Hoàng Khởi Phong ghi :** Vài suy nghĩ của người sáng tác (kỳ 2), trang 12 * **Phạm văn Kỳ Thanh:** Lạc âm thiếu, trang 24 * **Phạm Duy :** Hồi ký trang 32 * **Thế Uyên :** Bể dâu trong tiếng Việt (3), trang 38 * **Thơ Thường Quán :** trang 47 * **Thơ Như Chi :** trang 49 * **Hàn Song Tường :** Khu rừng cháy, thơ trang 52 * **Trịnh Gia Mỹ :** Xa quê, ngồi nhớ Nguyên đàn xưa, thơ trang 53 * **Ngô Nguyên Dũng :** Một đoá bất ngờ, thơ trang 54 * **Nguyễn Tất Nhiên :** Tâm chung, thơ trang 55 * **Thơ Hoàng Xuân Sơn :** trang 56 * **Tường Vũ Anh Thy :** Mộng đặc tình liên tại hương thủy hải, thơ trang 58 * **Ngu Yên :** Biết làm sao bây giờ, thơ trang 59 * **Nguyễn Ý Thuần :** Tật nguyên, truyện trang 65 * **Lưu Đình Vong :** Bốn nét chân dung, thơ trang 82 * **Bùi Vĩnh Phúc :** Đêm và ngày, và Phạm công Thiện...trang 86 * **Nguyễn Hưng Quốc :** Kiệt Tẩn, nụ cười tre trúc, trang 97 * **Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến, Nguyễn Xuân Hoàng :** Những ý kiến về một bài báo đăng trên Đoàn Kết, trang 106 * **Bùi Ngọc Đường :** Quanh những sáng tác của nhà văn Nhật Tiến, chào mừng đối thoại, trang 116 * **Bài nhận được, sách mới :** trang 130.

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quỳn Di, Võ Đình Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập Định Nguyên, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quán Nguyễn văn Sâm, Nhật Tiến, Trương Năng Tiến Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tẩn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở và điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác

Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Đại diện Văn Học ở Âu châu : Mr Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone : 45831912

Đại diện Văn Học ở Úc châu : Nguyễn Khắc Phú

5/25 George Street, Yagoona, N.S.W. 2199 Australia.

Phone : (02) 7711770

Thư từ tiền bạc xin gửi về : Văn Học

10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA 92643 USA

Phone : (714) 832.8445

Trân Sa

Người làm nở hoa Quỳnh

Lời Toà soạn : Sau khi giới thiệu loạt thơ của Trân Sa trên những số trước, Văn Học nhận được nhiều ý kiến tán thưởng vui mừng từ phía bạn đọc, giống như những ý kiến vui mừng dành cho thơ Nguyễn Việt Thường và truyện của Trần thị Kim Lan Văn Học đã giới thiệu với bạn đọc trong năm qua.

Vì vậy, trên số này, Văn Học xin trân trọng giới thiệu thêm một truyện ngắn đặc sắc và những bài thơ khác của Trân Sa, một cây bút nữ hiện sống tại Canada.

*"Regret, remorse, repentance - they're all former joys, reversed."
André Gide — The Immoralist*

Toronto, ngày.....tháng....năm

Anh Thạch,

Em đã hứa với Quỳnh sẽ không cho anh đọc thư nó viết cho em. Mạ cũng nói đùa mô có cảnh đời đùa nấy, không thay đổi được chi mô. Nhưng mạ không hiểu chi về Quỳnh, mạ không biết chi về Quỳnh. Anh cũng không biết chi về hoàn cảnh sống của nó cả. Chỉ có mình em biết thôi. Khổ cho em.

Em không thể cất mãi những lá thư Quỳnh trong ngăn tủ tối tăm chật hẹp của em. Em nghĩ chúng thuộc về anh mặc dù người nhận là em.

Giữa em và anh đều có một món nợ lớn với Quỳnh. Riêng em thì khổ sở và bối rối không biết làm sao để trả, dù Quỳnh sẽ không bao giờ đòi. Anh biết tính Quỳnh hơn em, phải không?

Mạ dạo ni hay xiu bắt tử làm ai cũng lo. Ba đã về hưu, không còn làm việc ở hãng bảo hiểm nữa rồi. Càng lúc ba càng có vẻ buồn và nhớ

quê. Có lần ba nói tau ước chi được chết ở Việt Nam cho gần ôn mẹ. Nghe thật buồn. Biết làm sao.

Đọc thư Quỳnh xong cho em biết anh nghĩ gì.

TY.

Bern, ngày....tháng....năm

Ty,

Lâu lắm không nhìn thấy bồ. Nhưng trong những lá thư của bồ vẫn lãng vãng nhiều kỷ niệm giúp cho tôi nhớ lại. Trí nhớ tôi nhiều năm nay tồi tệ quá đáng. Tôi tệ cách bất thường. Tôi không nói láo đâu. Có khi tôi không còn nhớ tôi đã sống thế nào trong ba mươi năm qua. Tuổi ấu thơ của tôi là một khoảng không trắng đục. Tôi chỉ còn nhớ một cách lơ mờ về vùng biển nơi tôi đã sinh ra và lớn lên.

Tôi ngờ ngác, loay hoay, lục tìm lại trong trí óc những cái tên đường, những cái tên chợ, hình ảnh những nơi chốn tôi đã đi qua lại hít thở và hòa nhập vào suốt thời gian sống ở quê hương. Cái bản đồ đơn giản nhất của thành phố chúng ta như đã bị một lưỡi dao độc ác nào đó rọc, xé, phá nát, đã tan tành, đứt lìa, đũa đoạn.

Có khi tôi như người mù hoảng hốt tìm về khoảng đời cũ mà hai con mắt vẫn còn nhìn thấy ánh sáng. Tôi xổ tung tất cả những dĩ vãng, quá khứ của mình, bày biện ra trước mặt; và bàn tay tôi run lên khi vội vàng sờ rờ rẫm, sờ soạng vào bất cứ mảnh nhỏ nào tôi cảm thấy quen thuộc, cho trái tim bật lên tiếng reo đau xót. Như đứa trẻ nhỏ đang chơi hình puzzles, tôi ghép từng mảnh quá khứ rời rạc ấy lại với nhau để mong nhìn thấy lại một bức hình rõ ràng, trọn vẹn.

Những cái thư của bồ làm tôi mơ hồ nhớ ra những con đường nào dẫn đi từ căn nhà ván lợp tole nóng bức và ngột ngạt tiếng gậy gõ chửi rửa của cha mẹ tôi đến căn nhà lầu có cửa sắt kiên cố giữ gác hạnh phúc ấm êm của gia đình bồ ở phía bên trong. Và như trong giấc mơ, những bước chân mộng du của tôi đã có thể đến đó để đi lại cái cầu thang uốn cong đất lên căn phòng nhỏ của anh bồ. Tôi đã có thể ngồi ở mép giường, cầm lên bao thuốc lá bạc hà của anh vẫn còn để lại và hít lấy mùi thuốc lá hăng hăng thoảng thời gian ảm mốc. Mắt tôi nhìn chăm chập vào bức tranh sơn dầu có đứa bé ở trường ngồi vọc đất bên vũng nước đọng của anh bồ đã vẽ. Và tôi tan đi. Tan đi vào cái trống không hun hút đìu hiu của một người không còn lại gì nữa cả.

Tại tôi chợt nghe lại tiếng cười của tôi trong vắt vang lên từ một ngăn kéo nào đó còn đóng khóa và bám đầy bụi bặm. Đứa bé trong bức tranh hình như không nghe thấy gì, và cũng không biết rằng tôi đang hiện diện. Nó vẫn ngồi một mình. Trước mắt nó vẫn là vũng nước mưa còn đọng lại một trăm năm.

Cái thân xác mệt mỏi của tôi mà phần tư thế kỷ đã quất lên không biết bao nhiêu đường roi tím ngắt, ngồi đó, và nhớ lại, bằng phép lạ, tất cả những cảm giác hạnh phúc và dư vị đắng cay. Từng tế bào khô

khan của thịt xương tim óc tôi run lên như những tiếng đàn mạnh và thấp nhất, khi tôi thoáng nghe những cái hôn xưa lướt qua đôi môi trơ trọi của mình.

Tôi nhớ lại. Hay là tôi sống lại, hở Ty, mùa Xuân, cái Tết, năm mười tám tuổi khi mà trái tim tôi chỉ mới vừa mở hé ra như một búp hoa mỏng mảnh dễ choáng váng vì gió mạnh. Một búp hoa Quỳnh chỉ nở có một lần, thành khăn và nguyên vẹn, trong căn phòng vôi trắng này. Tất cả cuộc đời tôi chỉ sống và chết thực sự trong những tháng ngày ngắn ngủi ấy, trong khoảng không gian yên tĩnh nhất sau cánh cửa khóa kín không ai đã được phép mở ra và khuấy động.

Tôi vẫn tin rằng không ai còn đụng đến cánh cửa ấy sau khi cánh hoa quỳnh đã tàn. Khi tôi đã bước ra vì căn phòng đã trống. Không còn ai trong đó ngoài chút gió đang chết. Tất cả đã vùi vã ra đi. Tôi chạy mãi miết mà không đuổi theo nổi bước chân của một người đã vì yêu hoa Quỳnh quì đời suốt đêm Xuân.

Con đường đầy rác rưởi tả tơi. Thành phố đã ngập đầy xe tăng, súng đạn và màu cờ đỏ chói. Còn tôi đã lạc mất người tình và sẽ mất hết những gì còn lại. Tôi đi thất thểu lang thang theo cơn lốc cuốn tung những thùng giấy, những bao ny lông, những bộ quần áo lính. Súng nổ ầm ầm chung quanh, lay chuyển những vách nhà bỏ hoang. Rồi những đoàn người đi qua mặt tôi, tung hô khẩu hiệu và mang băng đỏ trên cánh tay.

Tôi không hiểu gì nữa. Và đột nhiên tôi không còn trí nhớ.

Ty,

Căn nhà bỏ sau đó chỉ toàn người lạ. Vậy mà lần nào trở về thành phố tôi cũng mon men đến trước cửa nhìn vào. Không ai biết tôi là ai. Người ta lắc đầu khi tôi hỏi những cái tên.

Lần nào tôi cũng đứng đó, ngơ ngẩn rất lâu, cho đến khi cánh cửa bị kéo sầm lại và âm thanh của sắt tàn nhẫn khô khan dội vào não bộ, tôi mới lặng lẽ bỏ đi. Tôi không nhận được bất cứ một tin tức nào về gia đình bỏ. Tôi nghĩ rằng con thuyền đưa gia đình bỏ ra đi đã chìm lìm ở một khoảng biển nghiệt oan nào đó. Tôi không tin nổi có điều gì ngoài cái chết có thể chia ngăn nổi tôi với anh bỏ. Tôi khóc không nguôi khi nghĩ anh bỏ đã chết và không bao giờ còn nhìn lại bức tranh người đã vẽ, bỏ đã chết và không bao giờ mặc lại chiếc áo vàng rực rỡ kiêu kỳ đứng trong ánh sáng nắng vẫy gọi tôi bằng nụ cười đẹp nhất sân trường.

Những mùa Xuân sau đó vô cùng lạnh. Nhất là ngoài bãi biển, nơi mỗi lần về thăm nhà tôi đều đến ngồi mỗi ngày, cho tới khi chiều xuống hoang tàn, cho tới khi đêm trở về rải một đường trăng lóng lánh thật thẳng thật dài trên mặt biển sẫm đen. Có khi tôi nhắm mắt và để lòng tôi bước đi trên đường trăng vàng đó ra tận giữa biển khơi, nơi tôi tưởng người tôi yêu thương suốt một đời yên ngủ thiên thu.

Và khi mở mắt ra. Tôi biết mình vẫn còn lại niềm hy vọng.

Ty,

Bồ đã đi rất xa không còn có thể thấy được những ngày bão xuống với những cuộn sóng xám khổng lồ thịnh nộ đập vào bờ cát trông dữ dội tàn bạo đến thế nào. Sóng đã đe dọa tôi, đã báo cho tôi biết những gì thảm khốc chúng có thể mang đến cho tôi. Nhưng tôi không còn gì để sợ hãi.

Có những buổi chiều tôi với vài người bạn lang thang ngoài biển và hứng đỡ, chịu đựng tất cả cái lạnh kinh người khi gió thốc về tung cát bay mù mịt. Sóng gầm thét từ xa rồi tung lên thật cao trước khi hung hãn đổ ầm xuống trước những con mắt hoang mang của chúng tôi. Trái tim của từng đứa tôi cũng nát tan theo những đợt sóng cuồng điên ấy. Chúng tôi đứng lại, tóc rối tung rũ rượi và thịt da tê tái. Mặt chúng tôi căng thẳng như sắp nứt tung với những mất mát riêng tư và niềm khổ đau chung. Đám người trẻ tuổi đứng như những pho tượng buồn thảm nhất trần gian nhìn tất cả những ước mơ, kế hoạch và dự định một đời người đã bị sóng biển man rợ cuốn đi.

Tất cả. Cùng với tình yêu duy nhất của tôi.

Ty,

Ở bàn viết của tôi suốt mấy năm trước khi ra đi có một bức chân dung bằng than chì tôi đã vẽ bằng tất cả trí nhớ nghèo nàn què quặt của mình. Tôi đặt cho nó cái tên "Người Làm Nở Hoa Quỳnh". Tôi vẽ lại vì tôi không có một tấm hình nào của người để nhìn ngắm mỗi khi cơn nhớ ào tới, mãnh liệt và dữ dội, tàn phá tôi đến mức kiệt cùng ngã quỵ, không phương chống đỡ. Với bức tranh đó, tôi sống như một loài rêu bám hờ vào đá. Chết khô đi và chết khô đi. Có khi tôi hoàn toàn không còn suy nghĩ, không còn lý trí, tôi không còn là tôi. Tôi đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, cười khóc như một cái xác man dại hồn không còn với phách. Tôi thử tự hủy vài lần nhưng không lần nào tôi được chết hẳn. Có lẽ cái bản năng sống hoang dã tự nhiên vẫn còn giữ tôi ở lại; trong lúc cuộc đời với những gì đã xảy đến không hề được chọn lựa thật không còn đáng sống.

Ty,

Bản năng sống đó mà tôi đã ví như một cọng cỏ cũng có thể đã chết tàn đi rồi theo những ngày trời hạn ở quê hương; nếu tôi không biết rằng người tôi yêu vẫn còn sống ở vùng đất tự do kia.

Tôi đã theo được dấu chân người cũ, đã dẫm từng bước chân nôn nao, nghiêng ngã, trên con đường trắng vàng, trên biển tôi. Để lại những người bạn còn lang thang trên bãi cát như những con dế tràn tội nghiệp suốt đời sống trong tuyệt vọng hoang mang. Để lại bức tranh vẽ một chân dung nơi chiếc bàn gỗ nhỏ, một thời tôi nhìn ngắm ngày đêm, đôi mắt và nụ cười.

Chuyến đi bắt tôi đánh đổi nhiều quá. Tôi đã trả cho nó cái giá thật đắt mà không bao giờ tôi có thể tưởng tượng tới. Chuyến đi mơ ước đã bắt tôi gánh tất cả những đau đớn mà không ai có thể gánh nổi.

Ty ơi, cái chết cũng đã nằm trong dự tính giúp cho tôi bình thản chấp nhận nếu chiếc ghe nhỏ sẽ chìm dần và nước ủa vào ôm tôi kéo tôi nhận chìm tôi xuống. Cái bản năng sống của tôi làm được gì với sức hút kinh khủng và lạnh đięng của bể sâu?

Ty,

Nhưng chiếc ghe nhỏ đã không chìm dần. Và tôi cũng đã không được chết một cách bình thản!

Tôi vẫn sống và đến nơi đây. Thượng đế, nếu có, hẳn là rất mâu thuẫn vì ngài vừa yêu tôi nồng nàn vừa ghét tôi cay đắng. Yêu nên ngài cứu cho tôi sống. Và ghét nên ngài bắt tôi phải chịu đựng mãi trò chơi tàn khốc mà ngài đã vắn vẽ đặt tên cho nó là Định Mệnh.

Tôi đã đến bờ bến tự do. Nhưng tôi vẫn cô đơn héo hắt như tôi đã, khi chưa bước chân qua đường trắng vàng để từ giã cuộc sống không khác gì tù ngục. Chỉ là một cái nhấc tay tôi đã có thể tìm đến bên người-đã-làm-nở-hoa-quỳnh, người tôi đã phăng biển đi tìm.

Nhưng tôi không thể nào làm nổi công việc đó, Ty ơi!

Tôi không còn sức để chơi tiếp trò chơi rượt bắt của thượng đế đã dành cho hai chúng tôi. Tôi sẽ không bao giờ còn gặp lại anh bồ. Tôi không còn nắm được trong tay cái khả năng làm cho hạnh phúc đời tôi lại nở hoa thêm một lần nữa cho sự sống thôi là cái chết hàng ngày.

Tôi đang run rẩy, sợ hãi, bơ vơ trước mấy mươi mùa Xuân còn lại. Những mùa Xuân chậm rãi lê thê đến như vô tận. Cọng cỏ có tiền kiếp hoa Quỳnh sẽ không bao giờ còn xanh trở lại. Và một ngày nào đó khi tuyết hững hờ rơi xuống, nó sẽ không bao giờ còn muốn vươn lên từ đất đen với giấc mơ hóa kiếp không bao giờ thành sự thực.

Tôi yếu đuối quá phải không Ty?

Tôi không mạnh nổi đâu Ty.

Lịch sử tàn bạo đã phủ phàng tàn phá những gì tôi có. Nó đã đốt cháy tuổi trẻ tôi. Đã tước đoạt tình yêu tôi. Đã móc tim tôi ra.

Đã chặt lia tứ chi tôi đi mất rồi!

Tôi chỉ là một chút thịt xương còn lại, Ty ơi. Tôi rách nát, tôi tả tnh cùng.

Tôi là con sao biển rụng cánh!

Tôi còn có mặt ở đời sống này để làm gì tôi không biết nữa. Có lẽ để làm chứng nhân cho một lịch sử lỗi lầm. Làm bức tranh vẽ lại một tình yêu đẹp và nguyên vẹn nhất đã bị bóp nát thê thảm trong bàn tay dã thú của con người.

Làm một Quỳnh Hoa không còn nở cho ai.

Ty. Tôi không biết sẽ còn tiếp tục viết lá thư nào nữa cho Ty. Bảo trọng.

QUỲNH.

*

* *

Thoạt đầu lòng Thạch nảy sinh một mối phản kháng về lá thư của đứa em gái. *Giữa anh và em đều có nợ với Quỳnh. Chẳng nghĩ tôi không có nợ gì cả. Tôi đã yêu Quỳnh và đã quên Quỳnh. Tất cả đều tự nhiên như lửa sẽ tắt nếu không còn không khí. Cả tôi và Quỳnh đều đốt lên ngọn lửa ấy, không chỉ riêng một ai. Hoàn cảnh và thời gian đã dập tắt đi ngọn lửa, không hằn lổ của tôi. Tôi không tin Quỳnh còn yêu tôi. Nàng chỉ yêu kỷ niệm. Có lẽ nàng đang cô độc. Sĩ cô độc có màu xám. Và nàng chỉ đang sơn phết màu mè lên kỷ niệm để cuộc đời bớt tẻ nhạt.*

Quỳnh tự ví bản năng sinh tồn của nàng cũng chỉ giống như một con cỏ úa. Thật là vô lý nếu cảm giác ấy phát khởi từ một mối tình không trọn vẹn. Thật đáng thương hại cho những ai nghĩ rằng họ sinh ra để sống và chết cho chỉ một người và chỉ một tình yêu. Trái đất thì bao la. Con người thì sa số. Mỗi con người là một cái đẹp và xấu riêng của vũ trụ. Ai cũng có cái đáng yêu và cái đáng ghét. Làm sao mà Quỳnh lại tự gieo vào lòng nàng sự quyết đoán rằng nàng suốt đời chỉ thể yêu một mình tôi. Như thế chẳng khác nào Quỳnh tự bịt mắt, để đi theo sự dẫn dắt của trái tim mù lòa của nàng. Con người không thể chỉ sống thuần theo hoặc trái tim hoặc lý trí mà không gây ra tác hại và tự tác hại. Quỳnh viết làm chi lá thư ấy. Nàng hiểu sự gặp lại đã muộn màng. Nàng biết rằng tôi đã ngưng hy vọng vào sự gặp lại gần như là ảo tưởng để yêu thương một người khác.

Nhưng Thạch đã không thể nào không giữ hoài lá thư của Quỳnh trong túi áo. Sự phản kháng yếu dần và Thạch yếu dần. Thạch không nhớ mình đã đọc thư Quỳnh bao nhiêu lần. Lá thư nhàu nát đầy lằn xếp. Những dòng chữ viết tay của Quỳnh càng ngày càng in vào trí. Trong lúc làm việc ở sở, buông điện thoại xuống, Thạch lại móc túi lấy lá thư ra xem. Giờ ăn trưa, nhai chưa xong mẩu bánh mì, Thạch hấp tấp tìm lá thư ra đọc lại. Cứ như thế, Thạch lẳng đàng, lẩn thẩn, nói trước quên sau, đi đứng vào bàn, đá vào ghế, gây rạc người đi chỉ trong một thời gian ngắn.

Thạch nghe lui nghe tới một bài hát. Mỗi ngày trên đường lái xe đến sở và lúc trở về nhà. Người nữ ca sĩ Mỹ gào lên.

*"Take back your love
Say NO to love
Don't show your love
To me..."*

Thạch nghĩ mối tình cũ giống như một thứ trái kỳ diệu mà hai người chỉ vừa mới cắn miếng đầu tiên đã bị giựt phắt ra khỏi tầm tay. Cả hai chỉ là những đứa trẻ sơ sinh mới vừa nếm được vị sữa ngọt ngào đã bị kéo phăng khỏi vòng tay ấm êm hơi hướm của mẹ.

Và Thạch không thể chống cự lại sức hút nhiều ma lực khi nghĩ về trái cây kỳ diệu ngày nào, không thể không nghe lại tự tâm trí mình tiếng khóc ngăn ngạt của đứa trẻ con xưa.

Mỗi ngày những cái chỗi tay xô đẩy của Thạch càng yếu dần đi.

Bây giờ thì cái vé mỏng tanh và những giờ bay tưởng như dài vô tận đã đem Thạch đến thành phố có Quỳnh. Chàng đứng trước cửa nhà Quỳnh, bàn tay gỗ cửa run lên. Chàng tưởng tượng những ngón tay thon và trắng của Quỳnh đang tỳ kéo bên kia cánh cửa. Tưởng tượng đôi mắt nâu đen buồn bã của nàng ửng lên và từ đó sẽ rơi xuống những giọt lệ trong như thủy tinh. Thạch sẽ kéo đôi vai gầy yếu của Quỳnh sát lại và mặt nàng úp vào vai chàng khi nước mắt đã chảy xuống đôi môi. Thạch sẽ hỏi *Quỳnh có khổ lắm không trong những năm qua*, như một lời xin tha thứ...

Nhưng mà người mở cửa chỉ là một người đàn bà da trắng đứng tuổi với nét bất an trên mặt. Thạch bối rối hỏi *Quỳnh có nhà không*. Người đàn bà vui lên *Anh là bạn của Quỳnh à, thật quý hóa để đến thăm bạn, Quỳnh rất đáng thương, rất cô đơn, anh đến chắc cô ấy mừng lắm*. Rồi bà hấp tấp quay đi. Những cây hồng trĩu búp trong nắng. Bãi cỏ xanh mướt. Chàng sẽ nói với Quỳnh *sao khôn thế, lựa đất nước của Rousseau, Hesse, Jung...mà đến, ở đây tha hồ ăn phô-ma và nho. Nhưng nhất định Quỳnh sẽ thêm mắm ruốc và bún bò, những thứ đã đi vào trong tim óc máu huyết của Quỳnh*.

Khi Thạch quay lại vì tiếng động phía sau lưng, chàng có cảm giác lão đảo như vừa bị ai đánh rất mạnh vào đầu. Hai mắt Thạch tưởng chừng như đang rách đi và toàn thân tê cứng. Gió lốc từ bên ngoài cơ hồ như bão.

Gió thổi tung tóc Quỳnh vì nàng không màng vuốt chải. Thạch không có ý niệm gì nữa cả. Người con gái đang ngồi trên chiếc xe lăn, tay phải khuỳnh ra và bàn tay níu chặt trên vành bánh xe. Tay trái của nàng không còn! Và cả đôi chân! Chỉ là ba ống vải lưng thụng nằm oặt xuống.

Nàng mỉm cười kỳ lạ. Nụ cười vừa thê thảm vừa đắc thắng làm Thạch rợn người. Đôi mắt nhìn chàng vẫn nguyên vẹn đường nét đẹp. Nhưng ánh nhìn dịu dàng âu yếm ngày xưa đâu mất rồi. Đâu mất rồi! Cái nhìn trừng trừng tuyệt vọng đến man dại của Quỳnh làm Thạch bước lui nửa bước.

Vâng, Quỳnh đó. *Tôi ước gì tôi đã chết đi để không còn thấy lại Quỳnh như thế này. Và tôi ước gì nếu không đã chết đi trước khi gặp lại thì cũng có thể chết ngay lập tức trong lúc này để không còn cảm thấy trái tim tôi đang vỡ đi từng mảnh nhỏ và lý trí của tôi không là gì ngoài một khối đặc ngu xuẩn trước vẻ tang thương của người con gái ngày xưa từng đẹp hơn cả hoa Quỳnh*.

"Thạch đó à. Thạch không thay đổi gì lắm..."

Giọng nói Quỳnh nhỏ và mơ hồ lướt đi trong khoảng không gian lạnh lẽo. Thạch bất giác ngồi sụp xuống trước mặt Quỳnh cầm lấy chắc lấy bàn tay nàng và dấu mặt mình trên đó. Quỳnh giựt tay nàng ra, giọng nói trở thành lạnh lẽo.

"Thạch ngồi chơi. Uống gì để Quỳnh đi lấy"

"Không uống gì được đâu Quỳnh..."

Thạch ngăn để chàng không khóc. Ngăn cho những giọt nước mắt chưa bao giờ chảy sẽ không rơi xuống mặt chàng nghĩ là dị hợm của mình.

"Tại sao lại như thế này hả Quỳnh..."

"Thạch muốn biết tại sao không? Ai cũng hỏi câu ấy. Có khi Quỳnh nghĩ nếu Quỳnh tự mở nhà triển lãm để du khách khắp nơi đến xem sự tàn phế của mình có lẽ cũng kiếm được rất nhiều tiền bố thí. Người ta đang chuẩn bị lắp ráp chân tay giả cho Quỳnh. Đến lúc đó thì không còn ai thương hại mình nữa. Mình phải vội lên..."

Quỳnh lại mỉm cười nhưng nàng không còn nhìn Thạch nữa. Đôi mắt và giọng nói xa xăm như nói với chính cái bóng của nàng.

"Đó là kết quả của ba thứ, Thạch à. Tình Yêu, Tự Do và Định Mệnh. Quỳnh đi tìm hai điều đầu tiên và bắt gặp cái cuối cùng. Thuyền đã đến gần bờ Phi Luật Tân và ai cũng reo hò nhảy múa với ảo ảnh. Rồi chỉ trong vài phút, sáu mươi ba người đều trở thành những cái xác chết mắt trợn trừng, miệng há hốc, bụng sinh nước biển. Những người còn sống như Quỳnh hai phần ba trở thành phế nhân. Tại sao lại có vụng nước xoáy kia để hút con thuyền chứa 83 đàn ông đàn bà và trẻ nhỏ quăng tung vào thuyền chở gỗ của người Phi, tại sao người ta không ngờ đến điều ấy. Có lẽ câu trả lời phải dành cho Thượng Đế. Thạch có tin vào Thượng Đế không? Quỳnh cũng tự hỏi nhiều lần như thế. Bây giờ thì Quỳnh tin rồi. Quỳnh đã thấy tận mắt những thanh gỗ như những cây roi tàn bạo của Thượng Đế đập không thương tiếc vào những con người chưa hề biết mình đã phạm tội gì thực sự. Ngoài tội làm con cháu của hai con người phạm tội yêu nhau. Thượng Đế ghét Tình Yêu, ghét Tự Do, chắc thế. Nếu không thì Thánh Kinh cũng chỉ là sản phẩm bịa đặt của những người ghét quyền-tự-do-yêu-thương-nhau của đồng loại."

Cánh cửa đóng lại. Thạch bước đi và không biết sẽ đi đâu. Cái vé khứ hồi ba tuần trong túi và giấc mơ đã trở thành vô cùng tàn nhẫn. Quỳnh đã dứt khoát bảo chàng về đi. Quỳnh đã kiên quyết không chấp nhận cho chàng ở lại. Người đàn bà da trắng đứng tuổi rướm rướm nước mắt bảo chàng phải nghe lời Quỳnh đừng gây thêm quá nhiều xúc động cho thần kinh yếu ớt và hỗn loạn của nàng.

Thạch đã hiểu lá thư của Quỳnh và những dòng chữ chàng ngỡ rằng có tính lãng mạn văn chương.

"Người ta đã chặt lìa từ chỉ tôi đi mất rồi..."

Tôi chỉ là con sao biển đã rụng cánh..."

Tôi làm cánh hoa Quỳnh không bao giờ sẽ còn nở cho ai..."

Người-Làm-Nở-Hoa-Quỳnh đứng gục đầu vào một cột đèn và khóc.

Trần Sa

Thơ Trần Sa

Kể chuyện con ốc

(Kính tặng Ba)

*có một con ốc
nằm chơi dưới trời
chung quanh gió thổi
nhạc đời tịch nhiên*

*một hôm cô độc
hoá thành dã tràng
lang thang chạy rong*

*hoá thành con cá
tung tăng giữa dòng*

*hoá thành con người
nhập vào đám đông*

*hoá thành ngọn sóng
vỗ vui vào bờ*

*hoá thành con tàu
đi tìm giấc mơ...*

*thấy còng hoài công
thấy cá đuổi cá
thấy người giết người
thấy sóng hung nộ
thấy những con tàu
vùi trong biển sâu...*

*ốc về làm ốc
lòng còn băn khoăn
chung quanh gió nổi
đâu là bình an?*

*ốc chết thành Phật
chối từ quyền năng.*

Rượt bắt giữa mơ hồ

*người đến
cầm theo trái tim nghịch ngợm
rủ tôi*

chơi ruợt bắt
giữa cuộc đời
chạy loanh quanh
ôi bàn chân rất mỏi
người khúc khích cười
tôi thở chẳng ra hơi.

người đứng lại
nhỏ nhẹ lời xin lỗi
tặng một nhành bông trắng xoá
lưng đời
mấy con mắt nhìn nhau
chưa kịp nói
chưa kịp vui
người đã bỏ đi rồi.

chỉ còn mình tôi
buồn rưng buồn rờ
như trẻ nhỏ khóc oà
không ai dỗ
nước mắt đỏ
từ sớm mai
đến tối
từ sơ sinh
đến bạc tóc
xanh mờ.

bãi cỏ xưa
còn lại ngọn đời khô
bờ biển cũ bây giờ
thành sa mạc
tôi đã chết
xác vùi trong đất cát
thịt da nuôi cành hoa
trắng không ngờ.

người có về không
lại rất tình cờ?
nhìn hoa trắng
tim-hồn-nhiên có nhớ?
có lắng tai
nghe từ trong tiếng gió
nhịp chân tôi
đuổi bắt giữa mơ hồ.

Rừng loài người

*thôi đừng đánh thêm
những cú đấm vô tình
lên xác thân tôi đã rách nát tả tơi*

*tôi chấp nhận
làm loài dơi không bay xa như chim trời
làm lục bình không giống với bông sen
làm cỏ rối mờ lu trong vườn cúc...*

*tôi vẫn sống trong cùng trái đất
nuôi mãi giấc mơ buồn
về một hành tinh không có thực
nơi không ai so sánh
không ai chê bai
không hiểm khích tranh giành
cho tôi đến
trồng cây hạnh phúc.*

*thôi đừng làm con người mang đao-phủ-thủ
trong linh hồn
đừng dao sắc loáng ánh mắt
đừng độc dược tẩm môi cười
đừng phán quyết tanh lời nói
thôi đừng giấu kho tàng gian dối
vào trái-tim-trốn-tránh-gương-soi.*

*thôi đừng tranh chỗ đứng trên cao
rải xuống lòng thương hại
thôi đừng giả vờ quên
thương hại chính mình.*

*tôi nhìn cô đơn vào thảm kịch
có rừng-người-mù-loà nguyên rủa một thằng cầm
có rừng-người-câm xua đuổi một tên què...
đám-khán-giả-diên vỗ tay cười nắc nẻ*

*cho tôi sống bao dung
đừng làm tôi tuyệt vọng
đừng dứ lên những cú đấm điên cuồng.*

Hoàng Khởi Phong ghi

Vài Suy Nghĩ Của Người Sáng Tác

**ĐÌNH NGUYỄN * HOÀNG KHỞI PHONG * NGUYỄN
MỘNG GIÁC * NGUYỄN XUÂN HOÀNG * NHẬT TIẾN**

Phần Hai: Nhật Tiến và Mồ Hôi Của Đá

Tiếp theo bài "Vài suy nghĩ của người sáng tác" trong số trước, lần này Văn Học tiếp tục ghi lại phần nhà văn Nhật Tiến và tác phẩm Mồ Hôi Của Đá. Vì Nguyễn Văn bản việc, số này nhà văn Hoàng Khởi Phong ghi thế phần nói chuyện trên.

Trong số tới chúng tôi đi tiếp phần ba nói về Nguyễn Mộng Giác với Bèo Giạt và Nguyễn Xuân Hoàng với Tự Truyện.

VH

NHẬT TIẾN: Cuốn *Mồ Hôi Của Đá* khởi sự viết vào tháng Sáu, 1980 ở Songkla, khi mà đầu óc còn đầy áp những tư tưởng của một người cầm bút sau năm năm bị gò bó, không được viết ở quê nhà. Trong hoàn cảnh đó nhận thức bị đóng khung trong các cảm nghĩ thu nhận được khi định cư ở Mỹ, sau một năm lo ổn định đời sống, không có cơ hội viết tiếp tác phẩm. Trong ba, bốn năm sau chỉ có điều kiện sáng tác những truyện ngắn in trong *Tiếng kèn*. Đến 1988, trong một chuyến nghỉ phép ở Portland mới có dịp viết nốt tác phẩm bỏ dở. Như thế có thì giờ suy nghĩ lại những nhận thức đã ghi nhận, những tâm tình, tin tức ghi nhận ở quê nhà, do đó khi viết lại tâm trạng có khác hơn tâm trạng trong năm 1980. Nói chung *Mồ Hôi Của Đá* định viết về tâm trạng của một số người ở Việt Nam sau 1975. Những con người đó xuất xứ từ nhiều phía, có người ở Sài Gòn trước 75, có người hoạt động trong khu, có người đến từ miền Bắc. Nói chung đó là những người hiện diện ở Sài Gòn vào thời điểm sụp đổ 1975. Và qua tác phẩm

này, tôi muốn phản ánh trung thực về những ước vọng sâu kín, hay những tâm tư của những con người đó khi họ có cơ hội tiếp xúc trao đổi, gặp gỡ và cũng qua đó tôi muốn nêu một câu hỏi: “Liệu những con người ấy đến từ nhiều phía đối nghịch nhau sau khi nhận chân được thực chất của chế độ Cộng sản chỉ đem điều tàn, thì những con người đó liệu có thể ngồi với nhau để tiến hành một công cuộc đấu tranh mới, trong đó thể hiện những ước mơ chung của mọi con người và xây dựng một quê hương trải dài từ Bắc tới Nam, và trong một xã hội mà con người được sống xứng đáng như những con người, và trong tư tưởng tự do, hạnh phúc con người được tôn trọng.

Đó là ước mơ của tôi được thể hiện trong truyện *Mồ Hôi Của Đá*
NGUYỄN MỘNG GIÁC: Khi anh Nhật Tiến đặt tên cho truyện là *Mồ Hôi Của Đá* thì ý anh muốn nêu ra cái gì?

NHẬT TIẾN: Cái tên *Mồ Hôi Của Đá* tôi chỉ nhắc đến một lần duy nhất trong tác phẩm. Tôi muốn nói đến xã hội Việt Nam, những con người đã trải dài 30 năm trong cuộc chiến, hoặc bên này hay bên kia, nhất là những người bên kia, đã chịu đựng biết bao khổ cực, biết bao tang tóc, chia lìa thì có nghĩa đời sống của con người trong quê hương mình nó nhọc nhằn, khổ cực đến độ *đá ở trong hoàn cảnh đó cũng đổ mồ hôi*, và con người Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh cũng khổ cực như vậy.

Nặng Quá!

NMG: Cảm tưởng chung của tôi khi đọc xong cuốn này là tôi thấy nó nặng quá. Tôi không biết độc giả khi đọc xong có cảm tưởng như vậy không? Nó nặng bởi vì gần như các nhân vật sống hoàn toàn bằng lý hơn bằng tình. Nhân vật chính là cô Nguyệt. Những đối thoại giữa Nguyệt với Vũ người yêu cũ, Nguyệt với ông Năm Tỏa, đối thoại giữa Toàn và ông Hồng Phát: Cứ mỗi lần hai nhân vật gặp nhau, họ chỉ toàn lý luận mà thôi. Tôi không biết như thế phần lý của *truyện* có ít phần *tình* quá nhiều không? Và cái *yếu tính tiểu thuyết* có bị ảnh hưởng gì không? Đây có phải là *chủ ý* của anh hay đây chỉ là do xếp đặt không quân bình giữa tình và lý trong tác phẩm này?

NT: Tôi đồng ý là tác phẩm này rất nặng. Đó là cái *nặng cố ý*. Tôi không chú trọng đến khía cạnh *tiểu thuyết* của tác phẩm này. Bởi vì các nhân vật trong truyện đến từ nhiều phía, nhiều môi trường xã hội khác nhau. Ngay cả nhận định về đời sống, những nhận thức về xã hội về quan điểm đạo đức chính trị cũng hoàn toàn khác biệt. Khi họ đụng chạm lẫn nhau thì phải có giải tỏa hoặc trao đổi.

Xuyên qua tác phẩm, tôi muốn trình bày với độc giả biết sự nhận thức của mỗi con người như một *sản phẩm của xã hội*. Muốn như thế thì không thể nào khác hơn là lý luận. Và lại tác phẩm này gần như một tác phẩm luận đề. Tôi muốn đưa ra một giải pháp, một hướng

cho con người hiện nay ở quê nhà. Thành ra cái nhu cầu cấp thiết giữa các con người đó là những *nhận thức* chứ không phải là những *tình cảm*. Vì muốn trình bày hết những cảm nhận, suy nghĩ của những con người đó nên bắt buộc phải *lý luận*.

Đó là điều tôi *cố tình chọn lựa*. Vì tôi muốn trình bày hết những ý nghĩ từ mọi *phía*.

HOÀNG KHỞI PHONG: Có một điều tôi nhận thấy: Trong sự *gặp gỡ* của con người đến từ nhiều *phía* đó, để có thể *đồng ý* làm một chuyện *chung*, chọn một con đường *chung*, thì phải có sự *thuyết phục*. Tôi thấy tính chất thuyết phục chưa đủ để cho người ở một *phía* khác đồng ý. Nghĩa là anh chưa vẽ được một con đường rõ để cho mọi *phía* hội ở một điểm. Tôi chưa thấy anh bật ra được điều này.

NT: Về quan điểm này tôi không thấy một *lý luận* nào đủ có thể thuyết phục bên này hay bên kia. Ngay cả mở lý luận của Năm Tỏa, hay của Toàn, đại diện cho miền Nam cũ, hai bên không ai có thể thuyết phục ai. Và trong thực tế cũng chẳng ai thuyết phục nổi ai. Nhưng điều có thể thuyết phục được mọi người chính là *thực tế xã hội*: Những cuộc ruồng bắt, “đánh” tư sản. Những thực tế đó nó làm nền tảng chung cho những con người muốn đi với nhau qua một con đường, đi đến nhận thức là *Xã hội chủ nghĩa không mang hạnh phúc đến cho con người*.

HKP: Cái đó tôi đồng ý. Họ chỉ có chung với nhau những cảnh khổ, họ cùng chống đỡ với những cảnh khổ *chưa* có nghĩa là họ sẽ cùng đi một đường, cùng nhắm một cái đích.

Họ cũng có thể nhắm *một cái đích*, nhưng họ sẽ có *nhiều con đường*. Bởi vì khả năng thuyết phục trong này chưa đủ.

NT: Tôi viết quyển này ở trong môi trường xã hội hải ngoại. Bầu không khí ở đây rất *cực đoan*, thành thử phải viết rất là *nhẹ*. Đây chỉ là một phác họa đơn sơ về một xã hội tốt đẹp hơn trong tương lai.

Chỉ là một gợi ý

HKP: Như vậy đây chỉ là một gợi ý?

NT: Gợi ý là đúng nhất, chứ không phải tôi đã vạch ra một *con đường* để đi đến đó. Chưa đến thời điểm đó. Ngay khi tôi viết cuốn này tôi cũng *tự chế* rất nhiều.

Tất cả tác phẩm này chỉ là một gợi ý. Đã đến lúc mọi *con người Việt Nam* dù đến từ *phía* nào, hoàn cảnh nào phải ngồi lại với nhau cùng thực hiện một ước mơ, mọi người, dù bên này hay bên kia, đã *áp ụ*. Nhưng thực hiện theo cung cách nào, biện pháp nào, chính sách nào thì tôi chưa đề cập đến. Đây chỉ là một *gợi ý tập hợp*.

HKP: Như vậy gợi ý này là mời mọi phe phái, đoàn thể, mọi người hãy ngồi lại với nhau: trước tiên là đối phó với những *nghịch cảnh* trước mắt, sau đó có thể đi xa hơn.

NT: Cái gợi ý thứ nhất theo tôi: Muốn giải quyết vấn đề Việt Nam hiện nay ở quê nhà đầu tiên là phải *thay đổi đầu óc con người*.

Khi con người trong hoàn cảnh bần cùng, khổ cực đến đâu mà còn chấp nhận thân phận *nạn nhân* thì không thay đổi được điều gì.

Muốn thay đổi đời sống *chính trị và xã hội* thì phải thay đổi lối *suy nghĩ* của mọi con người. Họ phải biết họ là *nạn nhân*, nay nếu có sự thay đổi, cởi mở thì đừng coi cái đó là sự *ban ơn*. Họ phải thấy đó là *quyền sống* của họ bị cướp đi, bây giờ phải đòi lại.

HKP: Anh có cho rằng anh bắt tác phẩm anh *xốc vác* quá nặng không?

NT: Tôi chưa nói hết ý tôi. Như thế sự *thay đổi đầu óc con người* là nhu cầu đầu tiên. Những cán bộ, những chiến sĩ, đoàn viên hay nhân dân.v.v...thấy rằng mình phải thoát khỏi cái thân phận nạn nhân. Phải *đòi lại* cái mình mất chứ không *xin* những ân huệ. Để thực hiện những nhu cầu này, có giải pháp đem một đoàn quân giải phóng. Đó cũng là một cung cách phục quốc. Nhưng theo quan điểm của tôi: Để cho cái công cuộc giải phóng đó nó có kết quả cụ thể hoặc có thể thực hiện được thì phải thay đổi đầu óc con người. Và nếu thay đổi được đầu óc thì cái chiến trường ở Việt Nam không phải chỉ là chiến trường *súng đạn*, mà chúng ta phải đánh Cộng sản ở khắp mọi cơ quan xí nghiệp, đoàn thể. Những tác phẩm tuyên truyền, những luận điệu khôi phục quyền làm người đã được nẩy nở ở tất cả mọi nơi. Khi mọi người cùng nhận chân được điều đó, thì sẽ có một chất keo gắn bó mọi người tạo nên một sức mạnh lớn.

Biểu kiến

NGUYỄN XUÂN HOÀNG: Đọc *Mở Hời Cửa Đá* nhận xét đầu tiên của tôi là thấy *quen* về một số *đối thoại*, bởi bất cứ ai ở lại Việt Nam sau 75, khi tiếp xúc với những người gọi là “*làm cách mạng*” thì cái ngôn ngữ, lý luận ấy đầy áp trong tác phẩm này của anh. Nhưng tôi lại nhận thấy thêm một điều này nữa là ngôn ngữ của các nhân vật do anh Nhật Tiến bắt được, giữ được, phản ánh được, trong những tiếp xúc đó là những *ngôn ngữ ấy không thật*. Tức là họ mang *mặt nạ* với nhau trong khi nói. Cái cách lý luận, thuyết phục hay chấp nhận lý luận của người kia, hai bên đều là *giả* hết. Do đó khi đọc tác phẩm của anh Nhật Tiến tôi thấy là *nặng* hết như cảm nghĩ của Nguyễn Mộng Giác.

Nếu nó phản ánh được một giai đoạn lịch sử của Việt Nam sau 75 thì sự phản ánh đó chỉ là phần *biểu kiến*. Đứng về mặt tiểu thuyết mà nói thì nó chỉ mới là cái bề mặt, chứ không phải là phần *thực* của tiểu thuyết.

Anh Nhật Tiến đã nói đây là một tác phẩm luận đề thì tôi không dám có ý kiến thêm. Nhưng đứng về mặt người đọc thì tôi thấy cái

thực của ngôn ngữ nó chưa bao gồm được cái thực của tiểu thuyết. Mà đó là lý do khó thuyết phục người đọc cảm thấy được tác giả dẫn dắt từ đầu đến cuối để nói lên một luận đề, một tuyên ngôn, một cương lĩnh, một hành động, một thái độ đối với sự kiện lịch sử. Tôi có cảm tưởng như anh Nhật Tiến nói hơn nhân vật nói. Mặc dù ngôn ngữ đúng là ngôn ngữ của cô thành đoàn, đúng là của ông cán bộ ở Mặt trận về.... Nhưng cái chiều sâu của sự kiện nằm ở phía dưới đáy hồ kia nó là bùn, là rong rêu hay là có cá rô, cá trê... thì tôi chưa thấy. Có lẽ tôi đọc chưa kỹ lắm chăng? Đứng về mặt người đọc tiểu thuyết luận đề, tôi thấy như vậy.

NT: Tôi thấy nhận xét của anh rất đúng, rất sâu sắc. Sâu ở chỗ là quả ở Việt Nam có hai *đời sống* khác biệt nhau. Đời sống tâm tình lẫn ở dưới, còn đời sống giao tiếp, xã hội bên ngoài nổi ở trên. Khi con người ở bên này hay bên kia khi gặp mặt cũng có lúc họ tâm tình. Đó là những ngôn ngữ tiểu thuyết đầy tình cảm. Nhưng mà cũng có những cuộc gặp gỡ mà mỗi người tự nghĩ là đại diện cho phe này hay phe kia, trước khi đi đến sự kết hợp, cả hai phía bắt buộc phải lý luận để biện minh cho cung cách, cho con đường của họ. Đó là xã hội Việt Nam hiện tại, đúng như anh nhận xét tôi mới chỉ đưa ra cái phần *biểu kiến* của xã hội Việt Nam.

Dùng chữ *biểu kiến* thì thật đúng, tôi không viết một tác phẩm về *đời sống thật* tâm trạng thực, hay những tình tiết nhỏ của con người. Những điều này tôi cũng định viết một tác phẩm khác như *Thềm Hoang* sau 75, đi hẳn vào đời sống. Nhưng trên đó vẫn là một cái *màng*, cái *màng* này có thật, rất dày bao phủ *đời sống*. Có điều trộn lẫn hai điều này quả là quá khó. Tôi định viết một luận đề chính trị nặng hơn là một tác phẩm tiểu thuyết. Thành thử bắt buộc phải bỏ bớt phần kia. Cái phần bỏ kia tôi cũng đã ước ao viết, như đã thấy ước vọng của Bà Năm trong tác phẩm *Tiếng Kèn*, suốt ngày định tai nhức óc về một cái loa. Đó là những hình ảnh thực, nhân vật thực.

Nếu các anh đã có dịp sống ở Saigon vào thời điểm đó thì anh sẽ thấy khi những con người từ mọi phía gặp gỡ thì việc đầu tiên chính là *lý luận*. Tôi lấy ngay kinh nghiệm của tôi, khi tôi gặp lại các anh em ruột thịt của tôi ở Bắc vào. Trong một, hai năm đầu anh em tôi gặp mặt là chỉ có lý luận.

Tôi hết sức bình vực cái con đường tôi theo từ mấy chục năm ở miền Nam. Mấy ông anh cũng đứng đại diện cho miền Bắc. Hai bên đầy lý luận, tất nhiên sau những lý luận hai bên lại trở về đời sống tâm tình, thăm hỏi.v.v...

Sự kiện đó có *thật*, nhưng nó *đúng* là *đời sống biểu kiến*, nó đầy đặc, ngay cả đến phạm vi giáo dục, các thầy giáo, cô giáo học tập chính trị v.v... Nó là phần *biểu kiến*. Nhưng nó có *thực*. Nó là hai cái *màng* đi song song với nhau.

Lựa chọn phần *biểu kiến* là chấp nhận sự lý luận. Toàn tác phẩm

của tôi, tôi dùng những *nhân vật* như những *cái đinh để móc những nhận thức* của các nhân vật ở mọi *phía* mà họ đại diện.

NXH: Tôi thấy anh Nhật Tiến đã phát biểu như vậy thì quả tình tính cách chính trị của quyển sách này có lẫn át tính chất tiểu thuyết. Cho nên theo tôi, thay vì lý luận, mình có thể đưa một số hành động của các nhân vật vào. Mà những hành động này cũng có thể là một cách nói khác để đáp lại một lý luận khác.

HKP: Thật không thể phủ nhận tính chất chính trị của tác phẩm này đã lẫn át tính chất tiểu thuyết.

Bất Ổn!

ĐỊNH NGUYỄN: Ý kiến tôi khi đọc *Mở Hôi Cửa Đá* của anh Nhật Tiến, tôi không bàn về mặt tiểu thuyết, nhưng nói về khía cạnh chính trị. Tôi đồng ý khía cạnh chính trị nó bao trùm. Nhưng tôi cảm thấy một nỗi bất ổn. Tôi thấy anh Nhật Tiến đề cập đến những gợi ý để có thể ngồi lại với nhau tìm một giải pháp chung. Nhưng anh Nhật Tiến đã trình bày sự chọn lọc của anh. Điều bất ổn làm cho tôi có cảm giác hoặc là tôi không viết cuốn này bởi vì tôi không nói được hết những điều muốn nói. Tôi cảm thấy anh cũng biết sự bất ổn này. Tới đó anh khựng lại anh không mô tả tiếp nữa bởi vì anh biết sẽ có những phản ứng, trở ngại. Tôi không giải thích được sự bất ổn này. Nhưng tôi không cảm thấy hài lòng về chuyện đó. Tôi nghĩ rằng tôi là một *nhà văn* và tôi có *quyền nói*. Nghe là quyền của độc giả. Ai muốn nghe thì nghe, ai không muốn nghe thì thôi. Khen và chê là quyền của độc giả. Tôi nhắc lại tôi là *nhà văn*, tôi có *quyền nói*. Tôi cảm thấy *bất ổn*, khó chịu vì tôi chưa tìm được ra cái điều tôi muốn tìm. Đó là điều hết sức cảm tính, tôi không nói tới tiểu thuyết chủ đề hay không chủ đề.

NT: Tôi muốn góp ý với anh Định Nguyên chứ không bào chữa. Nếu chỉ viết một tác phẩm để mình thích thì tôi đồng ý với Định Nguyên là cuốn này chưa nên viết trong lúc này bởi vì mình chưa đủ điều kiện để viết hết những điều muốn nói. Nhưng tham vọng của tôi không phải chỉ viết một tác phẩm mình thích. Dùng chữ của Hoàng Khởi Phong, tôi muốn cống hiến những suy nghĩ của mình cho đến đám đông trong sự gợi ý, để sự gợi ý đó có được tính thuyết phục phần nào. Trong giai đoạn này hết sức khó khăn thì mình phải tiết chế. Tương lai có lẽ sẽ dễ hơn. Sự tiết chế đó tuy bất lợi cho mình, nhưng dẫu sao nó cũng làm rung động được mặt ao, mặt hồ, hoặc mình ném một vật nhỏ nhặt vào trong một mặt nước đã đóng văng. Nếu *nói hết* có khi sẽ có *tác dụng ngược*. Không biết bao lâu nữa mình mới có thể viết hết. Tôi chỉ mong gợi ý cho mọi người thử *suy nghĩ* vấn đề đó. Tôi không mong đóng góp được một điều gì lớn lao. Nếu quyển sách này nẩy ra trong lòng người đọc những nhận thức mới hay có một ý hướng phá bỏ cái cũ nhìn theo một chiều hướng mới. Như vậy đã đủ rồi. Sau đó biết đâu

có những người khác đi tiếp con đường đó. Chính nhu cầu *gợi ý* cho suy nghĩ mới tôi đã *hy sinh*, tự chế phần tiểu thuyết. Còn viết để mình *thích*, thì thời điểm này tôi nghĩ là chưa nên.

Vì muốn có tác dụng thuyết phục bắt buộc phải cắt xén.

HKP: Tôi nghĩ sự cẩn thận của anh Nhật Tiến rồi cũng bằng thừa mà thôi. Bởi vì nói một cách rất ráo rếu nếu những người đọc có một tấm lòng nhỏ, họ có thể mổ xẻ tác phẩm này, vạch lá tìm sâu để tìm ra những sơ hở mà họ muốn công kích. Thế nào cũng có. Trong trường hợp tôi là anh Nhật Tiến, đã viết cuốn này, thì *viết hết, nói hết những suy nghĩ tới mức*. Nói rất ráo hết những suy nghĩ của mình. Bởi thế có hai điều:

1/ Vì không dám *viết hết* nên trên phương diện *chính trị* anh không làm nổi việc *thuyết phục*

2/ Trên phương diện *văn chương*, anh phải *hy sinh* bớt phần tiểu thuyết.

Dẫu sao chẳng nữa không ai có thể phủ nhận được anh Nhật Tiến đã phải *hy sinh* khi viết quyển truyện này bởi vì anh đã phải bỏ cả lòng thích thú đi để gọi cho đám đông một mức khởi hành mới cho một suy nghĩ mới.

Thành thử cả hai phía đều không làm tới được.

NMG: Bây giờ mình trở lại cái nhu cầu đưa ra một quan điểm mới về chính trị nên anh bớt cái nhu cầu về tiểu thuyết. Hãy trở lại cái luận đề mà anh Nhật Tiến muốn gợi gắm cho độc giả. Anh đưa ra hai phe xấu và tốt. Phe xấu và tốt khá rõ. Phe xấu bên Cộng Sản có Sáu Thu, bên miền Nam là Hồng Phát. Phe thiện chí ở các chiến tuyến khác, tuổi tác khác nhau: Cô Nguyệt, Năm Tỏa, ông Hoàng, kẻ thấp hơn là Toàn và Vũ. Phe tốt nhiều hơn xấu. Phe xấu cần phải loại trừ để có một tái tạo mới là phe Hồng Phát và Sáu Thu. Anh có nghĩ là giao cho hai nhân vật Hồng Phát và Sáu Thu đại diện cho cái xấu của hai phía nó có hợp lý không?

NT: Đó là thực tại ở Việt Nam

NMG: Theo tôi nghĩ, như vậy thì đơn giản quá. Nó như một sự tốt xấu, thiện ác phân biệt quá rõ rệt không một ai chối cãi được. Tay Sáu Thu cán bộ Cộng Sản vừa tham lam, hiếp dâm cô Nguyệt, còn Hồng Phát lưu manh, cũng tham lam, đầu cơ. Nhưng những cái đó là tội hình sự chứ không phải tội chính trị. Mà tôi nghĩ một cán bộ thấp nào đó tố cáo Sáu Thu thì Sáu Thu vẫn ở tù như thường, còn Hồng Phát của chế độ cũ nếu bị tố cáo thì cũng bị tù. Trong khi đó những vấn đề của Việt Nam nó phức tạp hơn nhiều. Trong các vấn đề phải diệt trừ để tiến tới cái mới phải kể cả sự thụ động, kể cả sự ngu dốt, óc cuồng tín giáo điều. Tôi chưa thấy có những điều đó trong tác phẩm này.

Do đó tôi thấy cái luận đề đó nó còn đơn giản quá.

NT: Thật sự khi đưa ra nhân vật Sáu Thu, tôi chỉ muốn đưa ra một nhân vật đại diện cho chính quyền và sản phẩm tồi tệ của chế độ cũ rơi

rớt lại vẫn có chỗ đứng tốt trong chế độ mới.

NMG: Từ vị trí của Năm Tỏa, anh ~~do~~ ông ta chuyển biến để có thể cộng tác với một ông đại úy VNCH trốn trại ở đoạn kết, anh phác họa diễn tiến đột ngột và đơn giản quá, sẽ làm cho người ta có thể công kích, và sẽ có những người lập luận rằng ông Năm Tỏa có thể bất mãn chế độ Cộng Sản, nhưng nếu một lực lượng nào đòi tiêu diệt, lật đổ chế độ đó thì ông sẵn sàng cầm súng bảo vệ, bởi vì đó là quyền lợi của ông ta, cái lẽ sống của đời ông ta. Và trường hợp ấy tôi nghĩ không phải là ít. Cái kết luận anh phác họa có *đơn giản* quá không? hay có *không tưởng* quá không?

NT: Đây là do nhu cầu *tiết chế* mà tôi đã đề cập, do đó không dám đẩy mạnh đi tới một cái gì rõ nét hơn. Khi đưa ra hình ảnh ông Năm Tỏa với ông đại úy trốn trại kết hợp với nhau tôi định nói rằng ông Năm Tỏa là loại người khi ông tham gia Cách Mạng ông mơ ước xây dựng một xã hội tốt đẹp. Con người có tự do hạnh phúc. Đó là lý tưởng của ông ta, chứ không phải phục vụ cho việc thực hiện chế độ Cộng sản này.

NMG: Thế nhưng ông ta vẫn mơ ước tạo tự do hạnh phúc bằng chủ nghĩa Cộng Sản.

NT: Cũng không hẳn như vậy. Tôi không nghĩ những người tham gia MTGPMN đa số là họ thông hiểu thấm nhuần chủ nghĩa Cộng Sản, mà đây cũng chính là điều tôi muốn đào sâu hơn nữa. Khi dùng chữ MTDTGPMN chống Mỹ cứu nước (cứu nước chứ không phải cứu chủ nghĩa Cộng Sản). Trong thực tế hầu như tuyệt đại những người theo MTGPMN chẳng hiểu Cộng Sản là gì cả. Tôi lấy thí dụ về anh Trần Tuấn Nhậm khi ứng cử dân biểu anh lấy khẩu hiệu Chống Mỹ Cứu Nước. Khi bị bắt anh bị giam chung với bọn cán bộ Cộng Sản, khi ra tù anh cho biết anh nói chuyện với tụi nó và tụi nó chẳng hiểu gì về Cộng Sản cả. Khi anh Nhậm hỏi họ khi đất nước thanh bình họ sẽ làm gì? Thì phần lớn họ đều chỉ muốn về quê yên ổn làm ăn trồng lúa, trồng khoai v.v...khi nói vậy thì chẳng hiểu Cộng Sản là gì hết. Bởi ngay chế độ Cộng Sản đâu có cho anh cái tư hữu để trồng lúa, trồng khoai. Thành ra tôi có thể nói phần lớn những người tham dự MTGPMN kể cả các bà mẹ chiến sĩ họ chỉ ước mơ một xã hội công bằng chứ họ không thấm nhuần đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản..v.v...

Sở dĩ Cộng Sản phải đưa Mặt Trận ra như một chiêu bài kêu gọi quần chúng điều đó chứng tỏ ảnh hưởng Cộng Sản ở trong Nam không có nhiều. Thêm nữa suốt thời gian trận chiến Cộng Sản miền Bắc không bao giờ thò mặt ra trong việc hỗ trợ miền Nam, luôn luôn họ chối và đưa ra những khuôn mặt không phải Cộng Sản như Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Bình, Huỳnh Tấn Phát. Tôi kết luận là trừ một thiểu số rất ít, còn đại đa số họ tham gia Mặt Trận để thực

hiện một xã hội lý tưởng không phải Cộng Sản. Từ cái ước vọng đó đến việc kết hợp với ông đại úy trốn trại không có gì lạ cả. Cái thiên kiến của mọi người thấy hai bên một là Quốc Gia, một là Cộng Sản hợp lại với nhau là gượng ép, nhưng mà đào sâu thì thấy hai ước vọng đó không có gì khác.

Còn phía ông đại úy trốn trại cũng đặc biệt ở chỗ ông đã nhận chân được cái xã hội cũ cũng không phải là một xã hội mơ ước, và ông cũng nhận chân được quê hương mình không phải chỉ có miền Nam không mà thôi, mà phải bao dung mọi người cùng ngồi vào chỉ cần một điều là không Cộng Sản. Tôi không thấy đó là gượng ép. Còn ai kết án ông Năm Tỏa có đi theo cuộc đấu tranh mới này bằng lý luận của Cộng Sản thì tôi cho đó chính là điểm sai lầm, và như thế thì mọi người vẫn còn giữ cái thiên kiến và tôi cho là sai.

HKP: Không. Tôi không ngạc nhiên về nhận định của anh Nhật Tiến, bởi tôi có một chút kinh nghiệm khi làm việc ở trại giam tù binh Phú Quốc. Vào cả lúc trại chúng tôi giam giữ 18000 tù binh có khoảng gần 5000 tù binh Bắc Việt xâm nhập, phần còn lại là Bộ đội và Du kích miền Nam. Thật sự họ theo Việt Cộng nhưng họ không hiểu Việt Cộng là gì bởi hoàn cảnh họ ở những vùng xôi đậu, xa xôi hẻo lánh như Cái Răng, Cái Tắc, Chắc Cà Đao họ bị Việt Cộng đi mã tấu vào cổ, không đi thì bị nhiều nguy hiểm, đe dọa tới cả tính mạng thì cũng hết như một anh thanh niên lớ ngớ ở phố chợ Cần Thơ. Sài Gòn bị quân cảnh vồ đi lính Quốc Gia. Rất nhiều ông nội đó cũng không biết quốc gia là gì. Nhưng điều quan trọng nhất là trong tác phẩm anh không làm bật được điều đó ra cho độc giả thấy. Cái đó nó sẽ làm cho người ta ngộ nhận. Thực tế tôi còn thấy rất nhiều cảnh bi đát. Ngay trong trại giam Phú Quốc tôi đã thấy hai anh em bắt chột gặp nhau. Anh là lính Công binh đang xây dựng nhà tù, em là tù mới chuyển từ đất liền ra. Thằng anh đi lính công binh, bởi được bố mẹ cho đi học ở Sài Gòn, có lẽ học ít chơi nhiều nên sau cùng đăng lính công binh. Còn thằng em ở nhà, bởi nhà gần, vườn tược trù phú kiểu điền chủ miền Nam hồi trước, bị Việt Cộng lừa đi lính. Hai anh em, một cậu công tử tỉnh lẻ lên Sài Gòn đi học, thằng em còn bận lo cho nhà cửa ở tuốt luốt ở miệt vườn, một hôm họ gặp nhau trong trại giam, thằng anh đang cong người lên để thiết lập trại giam, thằng em đang làm tạp dịch. Họ òa lên khóc. Thực tế đó rất đơn giản ai cũng có thể nhìn thấy, nhưng có điều khả năng thuyết phục trong tác phẩm của anh chưa đủ mạnh để bật ra điều đó.

NT: Cái phát biểu của anh là đứng trên quan điểm độc giả hải ngoại. Nếu độc giả hải ngoại nhìn như thế tôi cho là đúng, nghĩa là phải nói thêm nữa, nhưng tôi quan niệm rằng độc giả của tôi chẳng những chỉ ở hải ngoại, nếu nó lọt được về quê nhà và có tác dụng ngay với những người ở quê nhà. Ngôn ngữ ở trong đó để thuyết phục cho những người hàng ngũ bên kia thấy họ sai lầm mà mình trình bày thiên kiến

về một bên nhiều quá thì nó cũng không có khả năng thuyết phục. Anh có hiểu ý tôi nói không?

HKP: Tôi hiểu chứ.

NT: Do đó nếu những người ở quê nhà đọc, nó vẫn có khả năng thuyết phục những người ở lại đủ mọi thành phần đảng viên, cán bộ v.v...

HKP: Tôi có ý khác với anh Nhật Tiến. Tôi đồng ý Nguyễn Xuân Hoàng ở chỗ có nhiều khi hành động có tác dụng mạnh hơn lời nói. Khả năng thuyết phục của quyển sách có lẽ không đủ bởi vì nó chứa chấp quá ít hành động. Có lẽ phải cần một chút động tác, khi Năm Tỏa dẫn cô Nguyệt đi tới tổ chức có ông đại úy trốn trại.

NMG: Tôi vẫn thấy lẩn cấn ngay từ khởi điểm. Nếu thuyết phục thì phải chú trọng tới con người. Mà trong con người phần tâm tình chìm bên trong nó thuyết phục mạnh hơn phần biểu kiến bên ngoài. Trong thực tế ở Việt Nam nghe lý luận mãi chán quá, hợp hành, học tập quá ngấy. Sau 75 những người miền Nam tò mò đọc sách Cộng Sản, đọc kỹ hơn cả những người ở Bắc vào. Người Bắc họ không thèm đọc. Nếu có một cách thuyết phục, một cách để hướng dẫn, để chi phối chính là vấn đề *thực của đời sống*. Cho nên khi đặt mục tiêu cuốn sách là hướng dẫn, gợi ý tìm một đường lối mới, thì tôi nghĩ hy sinh phần tiểu thuyết nó làm phần luận đề yếu đi chứ không mạnh lên. Không biết anh Nhật Tiến có nghĩ như thế không?

NT: Tôi đồng ý với anh người miền Bắc ít đọc sách nhưng nó khác với trong Nam. Trong Nam ít đọc sách thì nhận thức không bao giờ mở ra, nhưng ngoài Bắc dù anh không đọc sách cũng có đủ cách nhồi nhét tư tưởng vào đầu anh: Học tập, sinh hoạt, hội họp v.v...đầy dẫy trong đời sống. Thành ra một bà già ngoài Bắc tuy không sờ đến quyển sách nhưng khi phải lý luận thì bà ấy lý luận ghê lắm. Các anh phải chấp nhận thực tế ấy. Mà mặc dù người ta sợ lý luận người ta sống hai mặt. Khi phải tiếp xúc với người xa lạ, thì tất cả già tới trẻ ngoài Bắc họ đều lý luận. Cái đó lâu ngày nó biến thành một cái áo giáp, không ít thì nhiều những tư tưởng về chống bắt công, vô sản v.v...nó thấm vào người miền Bắc. Cái đó mình không chối cãi được. Nó không đơn giản như người miền Nam. Thế cho nên để phá cái áo giáp đó thì phải lý luận chứ nói một cách tâm tình thì mình phải thấy họ khổ hơn trong Nam quá nhiều. Họ thấy rõ chế độ quá hà khắc, nhưng để xoay chuyển lại họ vẫn không tránh khỏi bị ảnh hưởng bởi những cái họ đã thừa nhận được qua mấy chục năm lý luận ở ngoài Bắc.

HKP: Tôi thấy những người đó bị lý luận mãi sẽ không còn một chút nhạy cảm nào với lý luận nữa. Nó là thói quen hết như phản ứng Pavlov vậy thôi. Cho nên chính hành động sẽ tác động mạnh hơn. Anh có hùng hồn cách mấy chẳng nữa thì rút cục cái đó nó cũng chỉ là thói quen, là mặc cảm giữa hai *phía* cần phải tranh thắng về lý luận cũng như tranh thắng bằng súng đạn vậy.

NT: Một điểm nữa các anh nên lưu ý là thời điểm của quyển sách là khoảng 1978-79. Thời điểm đó thực tế khác bây giờ, xã hội khác hoàn toàn sau khi hàng loạt hàng hóa ở ngoại quốc gửi về, sau khi phong trào vượt biên lên cao. Thành ra phải đặt tác phẩm vào thời điểm đó. Nghĩa là con người gặp nhau là lý luận. Tôi không biết các anh em kinh nghiệm như thế nào, nhưng tôi hoạt động trong hàng ngũ giáo chức, hoặc là gặp gỡ các anh em ở ngoài Bắc vào hay gặp các cụ, hễ cứ gặp là lý luận, bởi cả hai bên đều muốn tìm hiểu lẫn nhau, đả lẫn nhau.

Thành ra trong cuộc sống cái mảng biểu kiến anh Nguyễn Xuân Hoàng nói tới đó nó dày đặc lý luận. Người ta muốn phô ra đấy là quan niệm của tôi về cái đó nó như thế...Đó thời điểm đó nó như thế, chứ bây giờ thì lại sai với thực tế rồi. Bây giờ Sài Gòn khác nhiều lắm cho nên tôi nghĩ nhà văn phải tiên liệu, tìm hiểu những sự thay đổi biến chuyển tâm tư của những người ở quê nhà trước khi muốn nói đại diện họ làm cái gì. Chưa biết họ thay đổi như thế nào, mong muốn như thế nào mà đã đòi đại diện họ là sai. Điều tôi lo ngại là anh em cầm bút bên này đi lâu quá, xa rời những thực tế ở quê nhà. Chúng ta không biết tuyệt đại đa số dân chúng ở Việt Nam người ta ước cái gì? mong mỏi cái gì?

Biến chuyển từng ngày, từng giờ mình không thể nào theo suy luận của mình được. Nếu nhìn theo quan niệm đó thì cái không khí Saigon năm 76, 77, 78 trước cao trào vượt biên thì không khí Sài Gòn là không khí lý luận. Một mặt chính quyền Cộng Sản cũng muốn đem lý luận để thuyết phục quần chúng: Học tập chính trị từ các văn nghệ sĩ tới các công nhân, công đoàn, giáo chức v.v... Tất cả là lý luận. Thành ra cái mặt biểu kiến lúc đó nó dày đặc. Phải đặt tác phẩm *Mở Hời Cửa Đá* trong thời điểm đó. Nếu bây giờ tôi viết một tác phẩm cũng về những nhân vật đó cho thời điểm này chắc chắn nó phải khác. Tôi muốn viết lại một tác phẩm, nơi đó con người đến từ mọi phía, người ta muốn bảo vệ, duy trì cái quan điểm của mỗi người do đó chỉ có lý luận, nên tác phẩm nó mất hẳn tính chất tiểu thuyết. Tôi cố tình chọn lựa như vậy. Tôi công nhận tác phẩm hết sức nặng nề.

NXH: Đọc tiểu thuyết tôi vẫn nghĩ ngoài các phần tác phẩm chuyên chở nghĩa là nội dung mà người viết muốn gửi cho người đọc, nó vẫn còn điều thứ hai tức là cái hình thức chứa nội dung đó. Nãy giờ chúng ta chỉ bàn đến nội dung thôi, nhìn cuốn sách này như những điều anh Nhật Tiến gửi đến cho người đọc, muốn gửi gắm cái lý tưởng của anh, cái nhìn của anh về đất nước, con người v.v... Tôi cho là chúng ta chỉ nhìn được một mặt không cân bằng. Tôi nghĩ hai cái đó: Hình thức và nội dung nó phải quện lấy nhau. Cái này nó bó cái kia, cái kia nó bó cái này. Nếu mà mình chỉ nói đến một cuốn tiểu thuyết như là một lời gửi gắm, như một thông điệp. Chỉ như vậy thôi thì nó không thể là một cuốn tiểu thuyết được. Hay là ngược lại nếu cuốn tiểu thuyết chỉ

là một cấu trúc ngôn ngữ trong đó mình dùng chữ nghĩa ghê gớm này kia, thì cái đó cũng không phải là một cuốn tiểu thuyết. Và như vậy nên văn chương đó chỉ là chữ nghĩa không mà thôi. Hoặc là có những điều chuyên chở thật lớn lao nhưng đồng thời lại không đề cập tới cái tính văn chương, tiểu thuyết của nó. Tôi nghĩ mình phải nhìn hai khía cạnh của một vấn đề, nếu không chẳng qua mình chỉ bàn đến một thông điệp. Cuốn *Bác Sĩ Zhivago* của Boris Pasternak, hay cuốn *Con Đường Đau Khổ* của Alexis Tolstoi hay bất cứ một tác phẩm văn học nào cũng đều chuyên chở nhưng vẫn không mất tính tiểu thuyết của nó.

Nãy giờ mình bỏ rất nhiều thì giờ để chỉ nhìn một phía là nội dung của quyển sách *Mở Hôi Cửa Đá* hơn là mình nói đến cái hình thức chứa cái nội dung đó. Có lẽ anh Nhật Tiến từ đầu đã nói là anh hy sinh cái phần tiểu thuyết đi mà mình không đề cập tới chẳng? Và sự hy sinh của anh như vậy có quá lớn chẳng? khi đưa ra một quyển tiểu thuyết mà chỉ chú trọng đến phần nội dung?

NT: Tôi thấy phải chấp nhận, bởi vì viết trong hoàn cảnh đầy thành kiến, nên phải lý luận.

ĐN: Tôi vẫn có cảm nghĩ nếu cuốn tiểu thuyết mà ít chất tiểu thuyết thì cái khả năng thuyết phục có mạnh hơn lên không?

NMG: Tôi cho là nó yếu đi, nó nằm trong phần tiểu thuyết nhiều hơn phần lý luận. Giả sử như có những chi tiết rất người mà nếu đóng vai trò tiểu thuyết nó làm cho biến chuyển thực hơn. Thí dụ cái ngập ngừng của cô Nguyệt khi muốn báo cho Mẹ biết là tin kiểm kê.

HKP: Cái đó hay.

NMG: Nếu anh hy sinh chi tiết đó thì ảnh hưởng tới cá tính của cô Nguyệt. Ngược lại có những cái anh phớt qua như âm mưu của Hồng Phát xếp đặt cho Sáu Thu hiệp dâm cô Nguyệt. Do cái phớt qua đó mà nó quá đơn giản. Thành ra tôi nghĩ cái quyết định đầu tiên của anh Nhật Tiến muốn dùng lý luận hy sinh phần tiểu thuyết, cái quyết định đó làm hại cho cái điều anh muốn nói hơn là làm lợi.

NT: Có thể. Tôi thấy điều đó đúng.

Hoàng Khởi Phong ghi lại

Kỳ tới: Nguyễn Mộng Giác và Nguyễn Xuân Hoàng

Phạm Văn Kỳ Thanh **“Lạc Âm Thiều”**

Kể từ khi Claude-Achille Debussy (1862-1918), thuộc phái “Ấn tượng Pháp quốc” (“French Impressionism”) mang âm giai ngũ cung Đông Phương để tô điểm thêm màu sắc cho tác phẩm của ông, nhạc Á Châu đã bắt đầu được những nhà soạn nhạc Tây Phương từ đầu thế kỷ đến nay chú ý đến.(1). Trong cuộc triển lãm quốc tế tại Paris (1899), sau khi thưởng thức âm nhạc Ganelan của Nam Dương, năm 1913 ông đã bình phẩm như sau: “Về phương diện đối âm của âm nhạc, hải đảo Java thuộc Nam Dương, âm nhạc Palestrina chỉ là đồ chơi trẻ con. Và nếu bỏ thành kiến thẩm âm Âu Tây sang một bên, nghe những âm thanh duyên dáng của dàn nhạc gõ của họ, ta phải nhận rằng nhạc khí gõ của ta không khác chi những âm thanh thô kệch nơi Hội Làng.”(2)

Cũng nằm trong chiều hướng nói trên, Maurice Ravel (1875-1937), soạn nhạc gia người Pháp mang âm hưởng ngũ cung Đông Phương vào tác phẩm “*Laladeronnette*” và “*Ma Mère L'oye*” của ông. Trong chuyển đoạn hai của tác phẩm “*Music For Stranged Instruments, Percussion and Celesta*”, Béla Bartók, nhà soạn nhạc Hung Gia Lợi cũng dùng âm giai ngũ cung.(3)

Trong nền âm nhạc hiện đại, Henry Cowell đã viết một hòa tấu khúc (Concerto) cho đàn Koto (Nhật Bản) trình diễn với ban Đại Hòa Tấu. Lou Harrison đã tận dụng kỹ thuật của đàn thập lục Trung Hoa (Zheng) để viết đơn tấu khúc cho đàn thụ cầm cổ Hy Lạp (Sonata For Psaltery). Ngoài ra tại Nhật Bản, rất nhiều soạn nhạc gia đã viết những hòa tấu khúc cho nhạc khí cổ truyền với dàn nhạc giao hưởng Tây Phương như: Y Irino (1922-1980), Modoro Moroi (1930), Toru Takemitsu (1930), H. Hirose (1930), Akira Tamba (1932), S. Ikebe (1943), I. Higo, K. Makino, T. Matsumura, M. Shinohara.(4)

John Cage (1912) triết gia kiêm nhà soạn nhạc điện tử Hoa Kỳ đã lấy âm hưởng nhạc Bali (thuộc Nam Dương quần đảo) để soạn tấu khúc "*Sonata For Prepared Piano*"; cũng chính nhà soạn nhạc này đã dùng lối gieo quẻ của kinh Dịch để soạn nhạc tấu khúc cho nhạc điện tử "*Imaginary Landscapes I-4*". Nhạc Bali cũng hấp dẫn cả Iannis Xenakis (1922) nhà soạn nhạc Pháp gốc Lỗ Ma Ni (thuộc trường phái Hiện Đại (Modernism)), khiến ông lấy chất liệu từ đó để soạn tác phẩm "*Night*".

Trở lại nước ta, cố nhạc sĩ Võ Đức Thu là một trong những nhà soạn nhạc Việt Nam đầu tiên sáng tác cho dương cầm những đơn tấu khúc "*Việt Nam Oán Nhạc Khúc*", "*Dạo Thuyền Trên Sông Hương*", "*Bảy Biển Khúc Theo Điệu Cò Lả*".(5) mang âm hưởng nhạc dân tộc.

Tại Việt Nam gần đây, noi theo gương nhạc sĩ Võ Đức Thu, nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương soạn "*Tấu khúc cho dương cầm*" (Suite for piano) "*Vũ khúc Tây Nguyên*" và "*Biển khúc cho vĩ cầm*" mang cùng tên. Nhạc sĩ Nguyễn Đình Tấn soạn "*Biển khúc cho Trung hồ cầm*" (Variations for Cello) lấy chất liệu tạo thanh từ âm nhạc chèo (vở "Vân Đại"). Nhạc sĩ Văn Kỳ cũng viết tấu khúc cho Trung hồ cầm lấy âm hưởng từ bài dân ca Quan họ Bắc Ninh "Xe chỉ luồn kim" (6). Cũng từ những âm hưởng dân ca nhạc sĩ Hoàng Việt soạn "Giao Hưởng Quê Hương" và nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát soạn "Ông Dóng"

Các nhạc sĩ Thao Giang soạn tấu khúc "Kể chuyện ngày mùa" cho đàn Nhị, nhạc sĩ Phương Bảo soạn "Bình minh trên nẻo cao" cho đàn Thập lục và Đinh Thịnh soạn những độc tấu khúc cho Sáo ta. Những nhạc sĩ này không mấy thành công trong sự tiến hành giai điệu kiểu Âu Châu ở phần biểu diễn tự do dành cho nhạc khí (Cadenza)

Tại Hoa Kỳ, nhạc sĩ Lê Văn Khoa viết liên khúc dân ca miền Nam "Cuộc tình của chúng ta" trình tấu với dàn nhạc giao hưởng thu gọn, có nhiều nét mới lạ trong lối hòa âm. Tuy nhiên dàn kèn đồng hơi ồn đôi khi át cả tiếng hát. Cũng tại Hoa Kỳ (San Jose) tháng Ba năm nay (1988) nhạc sĩ Cung Tiến cho ra mắt tấu khúc (Suite) "Chinh Phụ Ngâm" mở đầu với vĩ cầm "ngân" theo Giây Oán. Ngoài ra ông cũng sử dụng nhiều âm giai ngũ cung Việt Nam, Đông Á và Đông Nam Á trong tác phẩm của ông.

Tại lục địa Úc Châu, nhà soạn nhạc Hoàng Anh Tuấn (rời Việt Nam năm 1982) đang tiến hành khảo luận về Dân ca Việt Nam. Cũng tại lục địa Úc Châu (nước Tân Tây Lan) nhà soạn nhạc Nguyễn Mạnh Cường đoạt giải thưởng sáng tác với tác phẩm "Phụng Vũ" tại Đại hội những nhà soạn nhạc Châu Á Thái Bình Dương (1984, lúc ấy nhà soạn nhạc trẻ tuổi này mới 26 tuổi. Hiện nay Nguyễn Mạnh Cường đang soạn nhạc điện tử tại Sidney (Úc Đại Lợi)

Duyệt qua những dữ kiện kể trên, điều không thể phủ nhận được là

nền âm nhạc Á Châu, trong đó Trung Hoa và Ấn Độ nắm vai trò then chốt, đã là chất liệu quan trọng trong tiến trình tạo thành đối với những nhà soạn nhạc Âu Mỹ. Đối với họ những âm thanh lẫm liệt của Áo Đức không đủ để thỏa mãn nhu cầu sáng tạo nghệ thuật của những năm cuối thế kỷ hai mươi.

Đối với những nhà soạn nhạc Việt Nam dù ở trong hay ngoài nước, dù bị ảnh hưởng bởi ý thức chính trị nào chăng nữa cũng không thể đứng ngoài trào lưu sáng tác hiện tại của thế giới.

Gia đình âm nhạc Á Châu được chia làm ba nhánh. Nhánh đầu tiên thiên về *Giai Điệu* (Melodious Music), gồm Trung Hoa, Mông Cổ, Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam. Nhánh thứ hai thiên về *Phức Âm* (Heterophony), nhánh này lại phân làm hai nhánh phụ: Thái Khmer và Malayo Indonesia. Phân nhánh Thái Khmer gồm: Cao Miên, Thái Lan, Lào và Miến Điện. Phân nhánh Malayo Indonesia gồm: Mã Lai, Nam Dương (Java, Bali), Nam Phi Luật Tân. Nhánh thứ ba thiên về *Âm Thể* (Modal Music) gồm: Ấn Độ, Hồi Quốc, Tích Lan, Bangladesh, Nepal, Afghanistan, Ba Tư, Á Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Iraq, Syria, Lebanon, Ả Rập và các nước Trung Đông trừ Do Thái.(8) Vì sự giao lưu văn hóa giữa các quốc gia và các chủng tộc, sự phân loại trên chỉ đúng tới một giới hạn nào đó thôi, tuy nhiên nét đặc thù của mỗi dân tộc đã được nhận diện khá chính thức.

Vấn đề khó khăn nhất đối với các soạn nhạc gia Việt Nam là làm sao tác phẩm của mình mang nét đặc thù để khỏi lẫn lộn với nhạc Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Mông Cổ và các dân tộc khác. Sự vay mượn âm điệu trong sự giao lưu văn hóa có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, nhạc Việt cũng phải mang nét đặc biệt để góp phần vào nền âm nhạc thế giới.

Nước Việt Nam vừa nhỏ, vừa nghèo lại triền miên bị tàn phá bởi chiến tranh gây ra bởi những lực lượng quốc tế. Vì thế, củng cố sức mạnh văn hóa là điều cần thiết để thế giới chấp nhận sự hiện diện của dân tộc Việt Nam. Nếu muốn tránh những ngộ nhận đáng tiếc của người ngoại quốc đối với nền âm nhạc Việt Nam (9), nếu muốn tránh những khó chịu gây ra bởi sự hiểu lầm của người thưởng ngoạn Việt đối với tác phẩm của mình, người sáng tác phải thật cẩn trọng trong công việc làm của mình.

Tạm chia nền âm nhạc Việt Nam ra làm bốn ngành: Âm nhạc cho ca ngâm, âm nhạc hòa tấu (không lời), âm nhạc múa và âm nhạc sân khấu. Riêng ngành múa và sân khấu liên hệ đến những bộ môn khác như Bước múa (Choreography), trang phục (Costume), diễn xuất (Drama), trang trí sân khấu (Stage decoration)...xin tạm miễn bàn ở đây. Giới hạn như thế, sự bàn bạc trở nên đơn giản hơn, tất nhiên không tránh khỏi sự thiếu sót.

Nghệ thuật là phương tiện hay trung gian để bày tỏ suy tư hay tình

cảm của con người. Nếu sự suy tư và tình cảm của con người thay đổi theo thời gian và không gian thì nghệ thuật cũng thay đổi theo. Nói rõ hơn lẽ lối sinh hoạt nghệ thuật cũng thay đổi theo. Kịch bản Chèo đã được di chuyển từ chiếc chiếu ngoài đình đến hý viện tân tiến. Những “liền anh”, “liền chị” Quan họ đã vào phòng thu âm của đài truyền hình hoặc đài truyền thanh để hát đối đáp. Một dàn nhạc với vài ba chục nhạc khí cổ truyền, âm lượng yếu, âm vực hẹp không thể phục vụ hàng ngàn khán giả một lúc. Những ca khúc cổ truyền với nhịp điệu rất chậm, hai phần ba là tiếng đệm sẽ làm cho khán giả trẻ ngổ ngàng. Vẫn biết rằng đó là những bình rượu quý chỉ nên để dành thưởng ngoạn và những lúc rảnh rỗi đầu xuân. Đặt trên một tiền đề như thế, thì nhu cầu sáng tác trên âm nhạc truyền thống là có thật và cấp thiết.

Theo sự phân loại những ngành nhạc ở trên, người sáng tác phải nắm vững lý thuyết và nhạc thuật của mình. Nói một cách tổng quát nhạc cổ truyền Việt Nam thiên về giai điệu ngũ cung (Đôi khi nhị cung, tam cung, tứ cung được gọi là ngũ cung khuyết) xây dựng trên những sườn kiến trúc âm thể (modal system). Có hai hệ thống âm thể chính là *Bắc* và *Nam* (Không hiểu theo nghĩa địa lý). Hệ thống *Bắc* có *Điệu Bắc* và những *hơi* (Nuance) như: *Hơi nhạc* hay *hơi hạ*, *hơi quảng*. Hệ thống *Nam* có: *Hơi xuân*, *hơi ai*, *hơi đảo*, *hơi oán*, *hơi vọng cổ*. Ngoài hai hệ thống trên, có những thang âm đặc biệt như: *Thang âm sắp*, *Hò mái đẩy*, *sa mạc*... Trong một số trường hợp, sự di chuyển tạm thời từ một thang âm này sang một thang âm khác được chỉ bởi một số nhạc ngữ đặc biệt. Chẳng hạn *hơi đảo* thuộc hệ thống *Nam* nhưng có khuynh hướng trở về *hơi nhạc* của hệ thống *Bắc*. *Hơi dựng* trong hệ thống *Bắc* xảy ra trong *ca trù*. *Hơi dựng* trong nhạc Huế khi ở hệ thống *Bắc* ngã sang *hơi ai* (Hệ thống *Nam*) một tí, *hơi dựng* ở nhạc miền Nam xảy ra khi đang ở *thang âm hơi xuân* (hệ thống *Nam*) ngã sang thang âm *hơi đảo* (hệ thống *Nam*) một tí. Đi vào chi tiết hơn có *Sa lệch*, *phú chênh* (nhạc đồng bóng), cung *pha*, cung *nao* (hát nói) là những ngữ rất đặc biệt cần sự giải thích rất tỉ mỉ.

Lấy một ví dụ cụ thể, một nhạc sĩ đang viết nhạc cho một vở tuồng. Muốn diễn tả sự tôn kính cho màn dâng lễ vật của một vị quan lên một ông vua, nhạc sĩ đó chọn *hơi nhạc* để viết giai điệu. Như thế đã tạm ổn vì *hơi nhạc* rất thích hợp để diễn tả sự tôn kính trong một trạng huống như vậy. Công việc đầu tiên của một người sáng tác là chọn cho mình một *điệu thức* (Mode). *Điệu thức* đó gồm những yếu tố sau: *Thang âm* (Echelle), *định tâm quan trọng cho mỗi cung bậc* (Hierachy for each tone degree), *những trang điểm đặc biệt* (Special ornament) *cho mỗi cung bậc*, *tình cảm đặc biệt của điệu thức* (Sentiment for particular mode)

Trong trường hợp này người nhạc sĩ chọn thang âm *bắc* (vì *hơi nhạc* thuộc hệ thống *Bắc*). Một cách đơn giản, thang âm *Bắc* được viết như sau:

Do Re Fa Sol La
(Hò) (Xợ) (Xang) (Xê) (Cống)

Nhưng cứ để nguyên như vậy mà sáng tác, người nhạc sĩ sẽ lẫn lộn với *Điệu Bắc*, *Hơi Quảng*, và *Thang âm sắp*, vì cả ba đều chung một thang âm với *hơi nhạc*. Không những thế sẽ lẫn lộn với *Điệu chủ* (Zhidiào) của Trung Hoa, *điệu Pyong Jo* của Đại Hàn, *điệu Ritsu* của Nhật vì cấu trúc về Quãng (Interval Structure) giống y hệt hệ thống *Bắc* ("Bắc" Modal system) của Việt Nam. Như thế không những gây ra ngộ nhận ngay trong hệ thống âm nhạc Việt, còn rất dễ làm người ngoại quốc hiểu lầm nhạc của ta giống Trung Hoa, Nhật Bản và Đại Hàn. Để tránh những ngộ nhận nói trên, nhạc sĩ sáng tác nên đi xa hơn, *định tâm quan trọng cho mỗi cung bậc*. Để so sánh *điệu Bắc* và *hơi nhạc* trên phương diện này những ký hiệu sau đây được dùng đến.

■ Bắc nhấn ○ Bắc chính

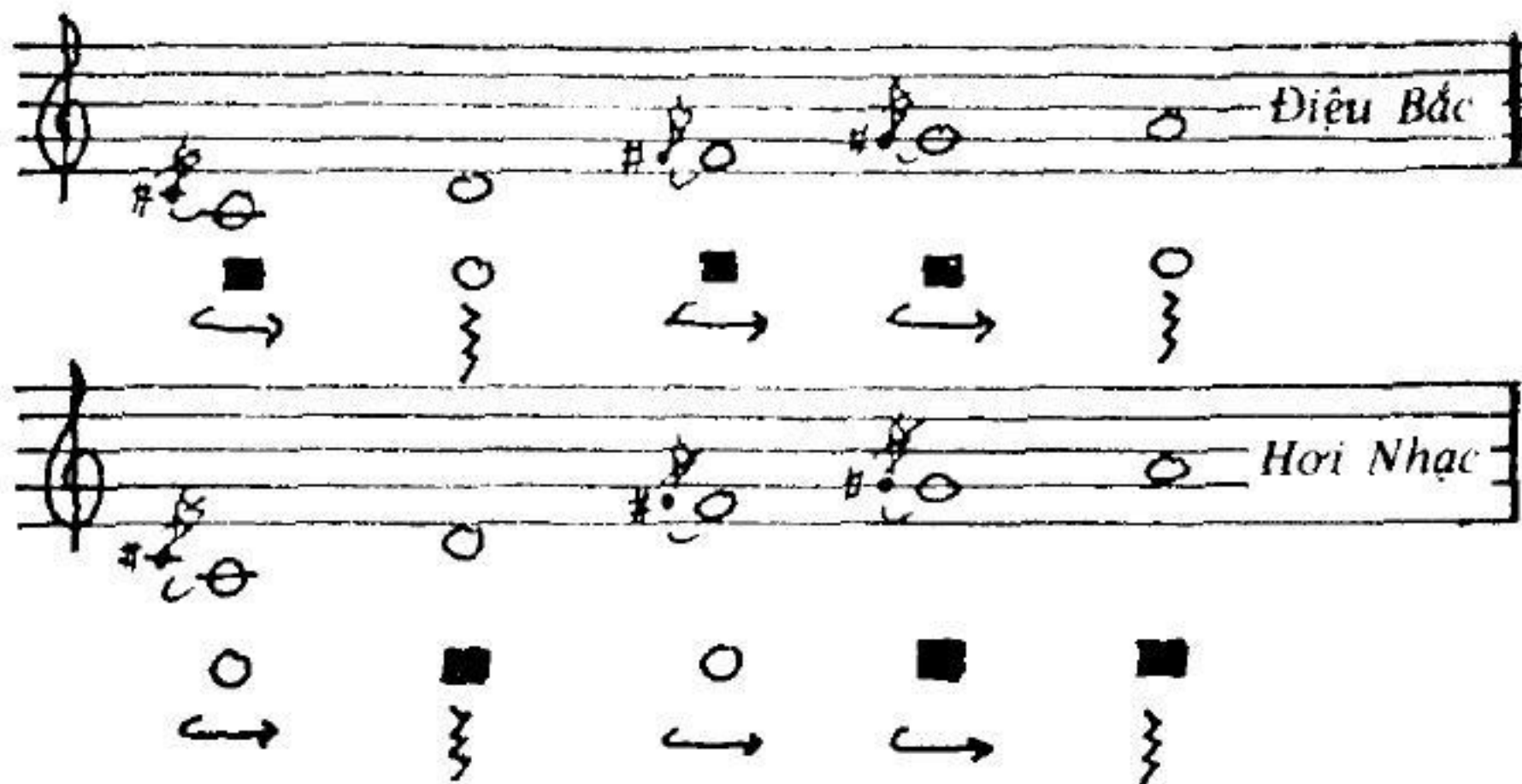
Thang âm chung	Do	Re	Fa	Sol	La
	(Hò)	(Xợ)	(Xang)	(Xê)	(Cống)
Điệu Bắc	■	○	■	■	○
Hơi Nhạc (Hay Hạ)	○	■	○	■	■

Sau khi đã chọn thang âm và định tâm quan trọng cho mỗi cung bậc của thang âm, khi tấu giai điệu lên, nhất là viết cho nhạc khí, người nghe vẫn cảm thấy mơ hồ chưa nhận ra *hơi nhạc*. Cung bậc nào được mổ hoặc rung cần được chú ý trong thang âm, đó là những trang trí cần thiết để phân biệt những kiến trúc âm thanh khác nhau trong hệ thống *Bắc*. Một lần nữa những ký hiệu sau đây được dùng.

Mổ: ㄣ Rung: ㄣ

Ý niệm về mổ trên những cung bậc thật hầy còn chưa rõ ràng đối với bài ca. Tuy nhiên để có được âm thanh mổ, trên đàn guitar có phím như đàn nguyệt, tay phải đánh vào dây trước rồi ngón tay trái mổ thật nhanh trên mặt cần đàn. Âm thanh rất khó tạo trên nhạc khí không có phím như Nhị, hoặc nhạc khí thuộc bộ hơi như sáo. Nếu quan niệm tiếng mổ như lấy nhanh sự thực hiện âm thanh này sẽ bớt khó khăn hơn. Còn về tiếng rung hầu hết các loại nhạc khí đều có thể tạo thành âm thanh này trừ bộ Gõ.

Đến chặng thứ ba sự so sánh giữa *điệu Bắc* và *Hơi Nhạc* có thể viết lại như sau:



Yếu tố cuối cùng của *Điệu Thức* là tình cảm đặc biệt hay quan niệm thẩm mỹ địa phương (*Sentiment For Particular Mode*). Đây là một quan niệm triết lý. Thước nào đo được tình cảm mỗi người. Nỗi vui nào bay bổng hơn nỗi vui nào? Nỗi buồn nào chịu nặng hơn nỗi buồn nào. Tuy nhiên con người duy lý phải dựa trên sự quan sát, xác suất thống kê để đưa ra một ý kiến tương đối. Khi hát cũng như khi đàn, ngoài những yếu tố khác, sự rung (*vibration*) khác nhau trên cung đàn tiếng hát phần nào chuyển đạt chấn động tình cảm con tim người diễn đạt. Như thế giọng hát, nhạc khí đóng đúng vai trò trung gian của nó. Theo một số những nhà nhạc học Việt Nam, cũng *Hơi Nhạc* nhưng *Hơi Nhạc* của nhạc Huế rung chậm hơn *Hơi Nhạc* của nhạc miền Nam. Tuy nhiên đây chỉ là một ý kiến về quan niệm thẩm mỹ cho nên cần phải đặt một sự giới hạn âm thanh chỉ nên ghi nhận bằng tai hơn là đọc bằng mắt, (trừ sự tưởng tượng phong phú âm thanh của người có trình độ thưởng ngoạn cao) cho nên quan niệm về âm thể nói trên vẫn có giới hạn. Một nhạc ngữ rất dễ gây ngộ nhận là âm thể *Bắc* và *Nam*. Trong âm nhạc Việt Nam, *Bắc Nam* không hiểu theo nghĩa địa lý. Vì hát Chèo là của miền Bắc, nhưng những điệu *Hát Cách*, *Hát Sấp*, *Hát Sắm* thuộc hệ thống Bắc, trong khi *Sa Lệnh* có *Hơi Ai* và *Củ Rũ Mèo* có *Hơi Oán* thuộc hệ thống Nam.

Hầu hết các tài liệu âm nhạc cổ truyền và dân ca Việt Nam được ký âm theo lối Tây Phương đều mới chỉ mang ra được thang âm (*Echelle*) của bài bản. Như thế không tránh được sự ngộ nhận giữa bài bản cùng thang âm và giữa nhạc Việt với nhạc của các nước Á Châu khác. Điều đặc biệt là nhạc Việt cổ truyền không có Quãng Ba thứ hay và trưởng, đó là Quãng Ba trung âm (*Neutral*) giữa Quãng Ba thứ và trưởng. Đó là lý do tại sao người nghe nhạc Tây Phương quen thường lầm lẫn khi mang ý niệm trưởng (*Majeur*), thứ (*Mineur*) vào nhạc cổ truyền Việt. Ngoài ra cung bậc Xơ (*Ré*), Xang (*Fa*), Cống (*La*) không nhất định ở một độ cao cố định, đôi khi già, đôi khi non tùy

theo điệu thức. Chẳng hạn bậc Xang (Fa) của hệ thống Nam già hơn hệ thống Bắc có nghĩa là cao hơn một tí nhưng chưa đến Fa thăng của âm nhạc chủ thể (Tonal). Cũng như cung ngũ bậc Cống (La) của Hơi Vọng Cổ thấp hơn La bình nhưng cao hơn Sol thăng. Ý niệm già non nói trên thật mơ hồ đối với những người thưởng thức quen âm nhạc điều hòa của phương Tây. Tuy nhiên với sự tiến triển của khoa học, những Vi Quãng (Microinterval) đều có thể ghi được bằng dụng cụ điện tử.

Đó là mới nói về cao độ của thang âm (Echelle) đã không chính xác đối với lối ký âm Pháp Tây Phương. Còn những yếu tố còn lại như tầm quan trọng của mỗi cung bậc, những nét trang trí duyên dáng của âm thanh, độ rung của âm thanh hầu như bị bỏ quên. Về những bài bản dân ca, những luyện láy phần nào được ghi khá chính xác bằng ký âm Pháp Tây Phương. Tuy nhiên theo nhà nhạc học Trần Văn Khê ý niệm về âm thức không những cần được áp dụng cho nhạc cổ truyền, còn phải áp dụng cho dân ca Việt Nam nữa. Nếu không sự thiếu sót vẫn còn trong sự ghi lại những làn điệu dân ca.

Trong khi chờ đợi những công trình khảo cứu về âm thức của những nhà nhạc học Việt Nam cho cả nhạc cổ truyền lẫn dân ca, sự sáng tác trên vốn có sẵn vẫn là một nhu cầu cấp thiết để làm mới, làm giàu nền âm nhạc Việt. Riêng về dân ca, vẫn biết là bài bản không có tác giả, nhưng thoát kỳ thủy cũng phải có người sáng tác, hoặc đơn lẻ sau đó được quần chúng hoàn chỉnh, giữ gìn và phát triển.

Tuy nhiên sự cẩn trọng trong khi sáng tác trên những âm điệu dân tộc là điều cần thiết vì nếu không rất dễ rơi vào trường hợp “Reo vùng ra ngô” như thế bài bản sáng tác lạc giọng và chỉ là những tác phẩm “Lạc Âm Thiều”.

Chú Thích:

- (1)- Claude Achille Debussy đã viết những Prelude: *Danseuses de Delphes*, *Voiles* *Le Vent Dans La Plaine*, *Les Sons et Les Parfums* và những prelude số 5, 6, 8, 10, 11 và 12 có âm hưởng âm giai ngũ cung.
- (2)- Trần Văn Khê, *Traditional Music In Asia And The Pacific As A Source of Inspiration For Contemporary Music*, Reports / Studies UNESCO Paris 1987. Trang 17. Palestrina là thành phố cổ cách thành Rome 23 dặm về hướng Đông Nam, về sau bị người La Mã xâm chiếm và đồng hóa (năm 90 trước Thiên Chúa Giáng Sinh)
- (3)- Sđd. tr. 17
- (4)- Sđd. tr. 18
- (5)- Lê Hoàng Long, *Nhạc sĩ danh tiếng hiện đại*, tập I: Các nhạc sĩ hồi tiền chiến, cơ sở báo chí và xuất bản Tự Do, Saigon 1959, trang 125-126
- (6)- Đào Trọng Từ, Huy Trân, Tú Ngọc *Essais Sur La Musique Vietnammienne*. Édition En Langues Etrangères Hanoi 1979. Trang 191.
- (7)- Trần Quang Hải *La Musique et Les Réfugiés* La Revue Musicale Triple Numéro 402 403 404 Paris 1987 trang 133.

(8) Trần Văn Khê *Pour Une Histoire Universelle De La Musique - La Revue Musicale*, Triple Numero 402 403 404, Paris, trang 119

(9) Trong lời nói đầu của tập sách *Vietnam Les Traditions Musicale* Giáo sư Trần Văn Khê đã kể rằng đã có nhà làm phim ảnh dùng âm nhạc hòa tấu cổ điển Việt Nam làm nhạc nền cho một cuốn phim về cổ thành Angkor Wat. Lại có nhà làm phim khác mang hồ Chèo Đò Việt Nam giới thiệu những bức họa đời nhà Thương Trưng Hoa. Bản Nam Xuân, âm điệu rất trang nghiêm đã được dùng để làm nhạc hiệu cho chương trình giới thiệu món ăn Tầu.

THÔNG BÁO CỦA UCI LIBRARY VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE

Sau một thời gian chuẩn bị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này. Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo.

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hằng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm.

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN/ĐNA, xin liên lạc với:

Anna Frank

UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive

The University Library

PO Box 19557

Irvine, California, 92713

Văn Học số 38/31

Phạm Duy
Hồi Ký

Tôi bắt đầu biết yêu từ năm 12 tuổi khi chơi với hai đứa trẻ Pháp lai mồ côi là Pierre và Emilienne Ducret, nhà ở Bờ Hồ, ngay trước mặt Hàng Dầu. Một ngày nào đó, không hề đòi hỏi, tự nhiên tôi được con nhỏ Emilienne ôm tôi thật chặt, không hôn vào má nữa mà hôn hẳn vào môi và đó là “nụ hôn đầu” thực sự trong đời tôi. Lúc đó tôi cũng đã được những thằng bạn ở trong khu phố gán tôi vào với con Nguyệt và con Riệu nhưng hai con nhỏ này đã nhát như cáy lại còn hay làm bộ, có bao giờ tôi nắm được tay chúng nó đâu, nói gì đến chuyện ôm hôn! Còn Emilienne thì có máu Pháp cho nên nó bạo dạn hơn nhiều. Nó cũng xinh đẹp và nở nang hơn con Nguyệt và con Riệu. Nó còn có một “mùi da thịt” mà có thể hai con nhỏ kia không có! Điều này còn được xác định rõ ràng hơn khi tôi đã trưởng thành và được giao hoan với mọi người tình, tôi thấy rằng bao giờ người đàn bà Âu Mỹ cũng “có mùi” hơn người đàn bà Á Đông. Hình như những giống dân ăn thịt thường có nhiều “mùi vị” hơn những giống dân ăn rau. Tôi yêu Emilienne thực sự bởi vì sau khi quen nhau ít lâu, gia đình Ducret dọn nhà lên tận Ngũ Xã, tôi cũng chịu khó cuộc bộ đi tìm Emilienne. Rồi tới khi bà mẹ không đủ tiền để nuôi con và gửi Emilienne vào Viện Mồ Côi ở đường Chanceaulme (Chợ Hòm) thì tôi cũng mò tới đó để chỉ đứng thờ thẩn ở ngoài cổng sắt ngó vào trong sân, thấy lao xao một bầy con gái lai Pháp, rồi lủi thủi đi về. Cho tới khi tôi 14 tuổi và gia đình tôi dọn tít lên tận phía Bắc của thành phố Hà Nội thì tôi không còn cách nào để đi xuống Viện Mồ Côi đó được nữa, từ đó tôi tạm quên Emilienne Ducret.

Có lẽ tôi đi khá nhanh vào cõi tình như vậy là nhờ ở những tiểu thuyết rất lãng mạn của thời đó như *Tuyết Hồng Lệ Sử*, *Tổ Tâm*. Lúc đó, tôi cũng đã được đọc những truyện kiếm hiệp dịch ra từ sách Tàu

hay những truyện trong loại sách Hồng livres roses của Pháp hoặc đã được nghe mẹ hát những câu truyện Kiều, truyện Tần Cung Oán...nhưng những loại sách, loại truyện đó không làm cho tôi rung động hay mơ mộng. Riêng với truyện Kiều thì chỉ vào lúc tôi 14 tuổi, ông Khiêm đã trở về nước và dạy học ở Lycée Albert Sarraute, có lần không nhớ tôi phạm phải một lỗi lầm gì mà bị ông thạc sĩ đang cộng tác với Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim viết cuốn Văn Phạm Việt Nam phạt tôi bằng cách bắt ngồi đếm xem ở trong truyện Kiều, cụ Nguyễn Du đã dùng bao nhiêu chữ “thì” và bao nhiêu chữ “mà”! Tôi phải cảm ơn cái lỗi trừng phạt này dù tôi vốn rất thù ông anh vì những cái tát tai nổ đom đóm mắt nhờ đó mà tôi thuộc Kiều, có thể nói là thuộc hơn bất cứ ai trong thời đó. Và tôi thắm ngay được nỗi buồn lằng lằng của nàng Kiều và của Nguyễn Du:

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu

Chân mây mặt nước một màu xanh xanh...

Truyện tình Kim Trọng, Thúy Kiều của hai thế kỷ trước nhẹ nhàng như một áng mây. Truyện tình Tuyết Hồng Lệ Sử và Tố Tâm của lúc này thì rất là lâm ly. Hơn nữa, trong lĩnh vực văn học, đây là những tiểu thuyết dài được viết ra với một nghệ thuật mới mẻ và hấp dẫn hơn những đoản thiên tiểu thuyết trước đây của Nguyễn Bá Học hay của Phạm Duy Tốn, bố tôi. Tuy những truyện tình này na ná như những truyện Pháp mà chúng tôi đã đọc qua như Paul et Virginie, La Dame Au Camelias nhưng truyện Việt Nam làm cho tôi bị rung động nhiều vì trong Tố Tâm có những câu thơ xót thương người con gái thổ huyết và chết vì tình được viết ra bằng tiếng Việt:

Cô ơi cô đẹp nhất đời

Mà cô mệnh bạc, thợ Trời cũng thua

Hơn nữa, qua một câu truyện tình cực kỳ lãng mạn là Tố Tâm, Hoàng Ngọc Phách đã đưa ra một mối sầu đi đôi với mối sầu vong quốc của thời đại. Những người trí thức thời đó, lớp thì chống Pháp và bị giết hoặc bị tù đầy, lớp thì hợp tác với Pháp vì danh lợi, lớp thì tìm đường thoát ly bằng những hoạt động văn hóa, sự kiện này cho ta thấy có sự tan rã của tầng lớp kẻ sĩ. Một cuốn tiểu thuyết bi tình như Tố Tâm trong đó có yêu đương tràn trề, có thất vọng náo nức và có chết chóc thảm thương như vậy có thể được coi như một liều thuốc ngọt hay một liều thuốc đắng cho tất cả những ai đang thấy ở trong lòng sự thổn thức, khóc than cho nước non và cho ngay cả chính mình nữa. Mối tình của Đạm Thủy và Tố Tâm trong cuốn tiểu thuyết này còn làm cho người đọc bị mê hoặc đến độ có những thanh niên đã bắt chước người trong truyện, ra vườn Bách Thú “đào đất để chôn những

bông hoa tàn” rồi còn làm những bài thơ và những câu đối để “khóc hoa”! Hai bài ca cải cách đầu tiên (1) ra đời mấy năm sau đó năm 1938 cũng vẫn còn nói tới “kiếp hoa sớm nở tối tàn!”

Tuy hãy còn quá bé để biết thồn thức khóc than cho mối tình Đạm Thủy Tố Tâm và để chít khăn tang cho những bông hoa tàn úa, nhưng vào đúng lúc tôi đang sửa soạn bước vào đời, tâm hồn của tôi đã bị ngay cái sâu của thời đại xâm chiếm hoàn toàn, không một chút tha thứ.

Hình như để chống lại sự lãng mạn làm cho cả một thời đại phải sụt sùi đó mà cuốn tiểu thuyết Quả Dưa Đỏ của Nguyễn Trọng Thuật ra đời ngay sau khi có cuốn tiểu thuyết Tố Tâm. Nó cũng mang tinh thần phiêu lưu như các truyện Guilliver hay Robinson Crusoe mà chúng tôi cũng đã biết, nhưng câu truyện của An Tiêm bị đẩy ra đảo khơi có vẻ muốn gói ghém tinh thần quốc gia qua những câu thơ có ngụ ý về thời thế và câu truyện cũng như bài thơ này cũng đã ám ảnh chúng tôi:

Nhớ con chim quốc đêm hè

Non sông hiu quạnh ai nghe mà gào?

Có ai ngờ được rằng hơn một nửa thế kỷ sau, tôi cũng phải sống một đời lưu đầy gần giống như đời của chàng An Tiêm trong cuốn tiểu thuyết Quả Dưa Đỏ để cũng nhắc tới con chim quốc qua một Tổ Khúc? (2)

Trước đây, tôi đã rất nhạy cảm khi nghe một ông già hát bài nói về người hành khất mù bị mất gậy, lúc này tôi nhạy cảm vì một câu truyện tình lâm ly và một câu truyện phiêu lưu, mai đây tôi lại còn có một cái nhạy cảm đặc biệt mà ông Trời hay cha mẹ đã ban cho tôi là mỗi khi được coi như một bức tranh đẹp như tranh Tô Ngọc Vân chẳng hạn thì tóc gáy của tôi dựng lên! Bức tranh mà còn làm cho tôi dựng tóc gáy lên như vậy thì chắc chắn người đàn bà đẹp còn có thể làm cho tôi dựng lên nhiều thứ khác nữa! Năm tôi 15 tuổi là tôi đã ham mê nhục dục rồi và kể từ đó trở đi nhục tình sẽ đưa tôi lên thật cao và nó cũng sẽ đưa tôi xuống thật thấp nhưng hình như cho tới bây giờ tôi chưa bao giờ phải hối hận vì những chuyện thường tình này cả!

*

* *

Tôi thi trượt vào trường Bưởi, hỏng thi cũng vì không làm đúng bài luận văn bằng tiếng Pháp. Trong kỳ thi này, thí sinh phải viết bài về con đường sắt xuyên Việt vừa mới được hoàn thành, tàu hỏa đã bắt đầu đi được từ Bắc vào Nam và phải nói tới sự ích lợi của những chuyến tàu “trans-indochinois” đó. Thực ra đề tài này không có gì là khó, nhưng lúc đó tôi ngu quá, không hiểu danh từ “trans-indochinois” là cái gì? Thành thử viết một bài dự thi lạc đề! Ngay sau đó, tôi chăm chỉ học tiếng Pháp hơn trước và phải mất mấy chục năm

sau tôi mới trả được mỗi hạn “trans-indochinois” bằng bản trường ca Con Đường Cái Quan.

Thời đó, những ai đã trượt thi vào trường Bưởi thì được gia đình cho đi học tại trường Thăng Long. Tôi cấp sách tới đó để học chương trình Trung Học. Vào thời kỳ này, trường Thăng Long là cái ổ của những nhà giáo muốn làm Cách Mạng. Thầy dạy của tôi là Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Tuyên, Phan Anh...Thầy Võ Nguyên Giáp dạy Sử Địa thì ít mà gieo tinh thần yêu nước vào đầu học sinh thì nhiều. Thầy Trần Văn Tuyên dạy Pháp Văn và tôi đã được thầy phê: “Petit élève intelligent et travailleur, pourrait réussir en français” (Học sinh nhỏ tuổi thông minh và cần mẫn, có thể thành công trong Pháp Văn.) Đó cũng là nhờ ở ông Khiêm, khi ở Pháp về thì trong nhà tôi có một thư viện khá lớn, tôi tha hồ mà đọc sách Pháp Văn, mỗi lần làm bài thi lại “thuổng” văn của các tác giả mà mình đã đọc được.

Đây cũng là thời mà Tự Lực Văn Đoàn đã phát triển và cung cấp cho độc giả những sách báo chuyên chở rất nhiều tư tưởng mới đóng khung trong hai quan điểm là duy tân và cấp tiến. Người quản lý của tờ Phong Hóa lại là người sáng lập ra trường Thăng Long và là anh họ của tôi tên là Phạm Hữu Ninh. Thế là mỗi tuần vào ngày báo ra, tan học xong, trước khi về nhà, tôi tới gặp anh Ninh để lấy báo và tôi được cái thú là đọc báo trước tất cả mọi người. Những nhân vật điển hình mà tờ Phong Hóa tạo ra cho độc giả như Bang Bạnh, Lý Toét, Xã Xệ...đã in sâu vào đầu óc tôi để cho tôi thấy rõ ràng là phải đả phá một thứ xã hội cũ được coi như hủ lậu, lạc hậu. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và nhóm Tự Lực Văn Đoàn còn cho tôi thấy họ đưa ra ý niệm về tự do cá nhân và sự chống lại luân lý gia đình chuyên chế. Và rõ ràng là càng ngày càng đọc tờ Phong Hóa (và hậu thân của nó là tờ Ngày Nay) cũng như những tiểu thuyết của nhà xuất bản Đời Nay (tổ chức xuất bản của nhóm Tự Lực) tôi càng có được một quan niệm mới về xã hội nhân sinh, từ đó dễ dàng nhìn ra những mục tiêu chính trị của Nguyễn Tường Tam và các đồng chí của ông. Tôi thấy được lý tưởng muốn kéo người dân nghèo ở chốn thôn quê cũng như người dân nghèo ở trong thành phố ra khỏi chốn bùn lầy nước đọng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn qua việc vận động xây những nhà được gọi là “Nhà Ánh Sáng”. Báo Phong Hóa muốn cải cách phong hóa cho nên cũng có cả mục cải tiến lối ăn mặc của các bà các cô qua loại “Áo Lemur” do họa sĩ Cát Tường vẽ kiểu. Nếu so sánh với loại áo dài cổ điển của phụ nữ thời đó thì những chiếc áo dài Lemur với kiểu áo bằng vai, thắt eo...cũng được coi là tiến bộ.(3) Bây giờ thì không còn có ai để mà phản đối sự cải cách này nữa bởi vì tất cả các bà, các cô đều chạy theo phong trào này. Rồi ngay cả đến đôi bàn chân của phụ nữ hồi đó cũng được chú ý tới với loại guốc có gót cao gọi là “guốc phi

mã". Lúc này, "người con gái Việt Nam da vàng" cũng đã khởi sự uốn tóc quần sau khi đã cạo răng đen thành răng trắng.

Một kiện tướng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn là Thế Lữ lại là con rể của gia đình bên vợ của tôi khi tác giả *Vàng và Máu* lấy bà Song Kim và trong lúc đang chủ trương một đoàn kịch, chính Thế Lữ là người đã đặt thêm chữ "Hằng" vào cái tên Phạm Thị Thái để thành ra "Thái Hằng" với ý định muốn thu nhận nàng vào làm một diễn viên của đoàn kịch.

Nhưng bắt đầu từ lúc tôi đi vào Trung Học cho tới khi tôi trở thành một thanh niên 17 tuổi đời, không phải chỉ có những tác phẩm của Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Trọng Lang ở trong Tự Lực Văn Đoàn đã ảnh hưởng đến tâm hồn của tôi. Những tác phẩm của các nhà văn độc lập khác như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Tam Lang Vũ Đình Chí, Vũ Trọng Phụng cũng được tôi ngẫu nhiên đọc đi đọc lại. Là con một nhà văn xã hội, tôi nghiêng về những sách nói tới sự khốn khổ của con người như *Tôi Kéo Xe*, *Kép Tư Bền*, *Hà Nội Lầm Than* vân vân... Tôi còn có quá nhiều tưởng tượng đến đối hình dung những nhà cách mạng đương thời như Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Ái Quốc mà tôi không hề biết mặt, qua nhân vật Hải Vân trong cuốn *Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng.

Kể từ khi người anh cả của tôi là Phạm Duy Khiêm từ Pháp trở về nước để trở thành một giáo sư dạy tiếng Pháp cho học trò Pháp ở Lycée Albert Sarraute thì mẹ tôi, chị Trính, anh Nhượng và tôi đã có một mức sống cao hơn trước. Căn nhà lụp sụp ở phố Hàng Dầu bán cho một người chị họ sau này, tiếc quá, sẽ bị phá đi để ở đó mọc lên một ngôi nhà mới. Mẹ con chúng tôi đã theo anh Khiêm tới ở một căn nhà hai tầng lầu ở đường Lò Đúc rồi ít lâu sau lại dọn lên gần đường Quan Thánh, cách khu Ngũ Xã cũng không xa. Đây tứ trong nhà ngoài vú già và một chị sen đã có thêm một anh bếp biết nấu cơm Tây cho anh Khiêm ăn. Ngoài ra lại còn có một anh phu xe lực lưỡng để hàng ngày kéo xe đưa anh Khiêm đi dạy học. Anh Nhượng và tôi đã có xe đạp để đi học và đi chơi. Khi ở phố Lò Đúc thì bạn hàng xóm của tôi là Đình và Kiện, con của nhà khảo cổ Trần Văn Giáp và Đoàn Bính cháu họ của Đoàn Thêm. Sau này tôi còn gặp Bính trong thời gian đi theo kháng chiến. Khi ở khu Quan Thánh thì tôi hay tới Ngũ Xã để nhớ lại Emilienne Ducret và lúc bấy giờ tôi cũng có một người bạn gái khác đa tình không kém gì cô đầm lai Emilienne, tôi quên mất tên của cô bé Ngũ Xã này rồi!

Cuộc đời đang êm ả trôi đi thì bỗng nhiên anh Khiêm không cho tôi đi học chữ nữa. Cho tới năm 1975 là lúc anh ấy qua đời, tôi không hiểu vì sao mà ông anh cả của tôi lại ghét tôi đến thế! Tôi còn nhớ trong ba năm sống chung với nhau, tối thiểu là đã có hai lần anh tôi phạt tôi một cách rất là vô lý. Tôi khởi sự thích đàn ca từ khi ông đồ

Tây này còn đang đi du học ở bên Pháp. Bây giờ sống chung với ông, tôi không được đánh đàn! Muốn ca hát, phải chờ khi ông vắng nhà. Tôi thích nằm dài trên nền nhà trải đá hoa mát dịu, một hôm ông ấy đánh mắng tôi vì tại sao tôi không lên nằm trên giường mà lại xuống nằm dưới đất? Suốt từ khi ở Pháp về, thay thế cho người cha đã qua đời (quyền huynh thế phụ) để nuôi nấng và dạy bảo các em cô út cho tới lúc tôi bức tức bỏ nhà ra đi, chưa bao giờ tôi thấy ông anh của tôi đối xử với tôi một cách triu mến và công bình. Đang đi học rất ngon lành tôi đứng thứ nhì trong lớp tự nhiên anh Khiêm không cho tôi học chữ nữa! Anh ấy bắt tôi phải học nghề và đã lập tức liên lạc với Giám Đốc người Pháp của Trường Bách Nghệ Hà Nội (Ecole Pratiques D'Industrie) là Camboulive để gửi tôi vào nội trú ở trong trường. Không những không khuyến khích tôi mai sau trở thành một thạc sĩ như ông, người anh cả của tôi lại còn như không muốn nhìn mặt tôi nữa cho nên đã xin với nhà trường là không cho tôi về nhà vào những ngày chủ nhật (consigné à la demande de la famille!) Những người đi thi Tú Tài và bị ông Khiêm chấm rớt trong thời kỳ đó nên biết rằng ông ta không chỉ vô cùng nghiệt ngã đối với người ngoài, ngay em ruột của ông cũng đã là nạn nhân của sự hẹp lượng vĩ đại của ông ấy! Tôi không được học chữ, bị “giam lỏng” ở trong khu nội trú của trường Bách Nghệ, điều này đã làm cho mẹ tôi buồn lắm vì người mẹ nào cũng đều hay thương yêu thẳng con út hơn cả, nhưng cũng còn có những điều khác đã từng làm cho mẹ tôi buồn rồi, chẳng hạn mẹ tôi không còn được đánh bài hay đi lễ như lúc trước, chẳng hạn mẹ tôi muốn có cháu nội nhưng người con cả không chịu lấy vợ... Mẹ tôi buồn nhưng không nói ra, tôi biết chắc như vậy! Chỉ mãi khi ông Khiêm tự tử chết tại Pháp vào đầu năm 1975 thì tôi mới ngộ ra rằng anh Khiêm là một con người cô đơn tới cùng cực. Khó khăn với tất cả mọi người không trừ ai, kể cả mẹ, khó khăn ngay luôn với chính mình nữa! Cuối cùng thất vọng, tự sát!

(Trích Hồi Ký sẽ do nhà Văn Nghệ xuất bản)

Chú thích:

- (1)- Đó là bài Bông Cúc Nở và Một Kiếp Hoa của Nguyễn Văn Tuyên và Nguyễn Văn Cẩn
- (2)- Nhan đề Bầy Chim Bỏ Xứ
- (3)- Mấy chục năm sau mới có thêm kiểu áo dài hở cổ do bà Ngô Đình Nhu đưa ra

Thế Uyên

Bể dâu trong tiếng Việt (III)

I.

Chưa bao giờ người Việt lại bị nhiều “sốc” nặng về tiếng nói, ngôn ngữ của mình như trong hơn thập niên vừa qua. Mở đầu là tại miền Nam sau 30 tháng 4, 1975. Ngôn ngữ của kẻ chiến thắng, dù ở ngoài các mặt khu về hay từ miền Bắc vô, dùng rất nhiều chữ lại tai, đôi khi rất chướng. Nhưng dù lạ dù chướng, dân miền Nam, bây giờ trở thành phe bại trận và bị thống trị, bắt buộc phải học sử dụng thứ ngôn ngữ mới ấy. Ghét Cộng hay thân Cộng, cũng đều phải học cả. Đó là một qui luật chung về tác động hổ tương giữa các văn hóa dị biệt. Như người viết đã trình bày một lần trong loạt bài này, rút cục sau cùng dân bị trị cũng phải học thứ ngôn ngữ của kẻ thắng và đang thống trị mình. Trước lạ sau quen dần, không còn thấy chướng nữa. Thậm chí một bà cô già bên vợ từ Hà Nội vào thăm, giữa một buổi giỗ lớn, (bà cụ còn chít khăn, áo cánh quần thâm như thời ông Nhất Linh chưa viết cuốn *Đoạn Tuyệt*) đã thưa gửi tất cả như thế này: “Tôi xin *bá cáo* với các anh các chị tình trạng sức khỏe của hai cụ ta...”, mà cử tọa, đa số dân miền Nam cả, cũng không còn ai thấy chướng nữa.

Điểm cần nói thêm là thời gian đã qua hơn 13 năm, cả một thế hệ trẻ lớn lên ở Việt Nam đã không còn biết tới cách dùng từ dùng chữ của thời trước 75 nữa. Bao nhiêu sách vở in trước 75, Đảng đã tịch thu hầu hết, biến thành bột giấy hay đốt thành tro bụi. Một số ít ỏi dân còn giấu được, thì chuyền tay nhau đọc quá nhiều (cả dân miền Bắc vào cũng xin đọc ké nữa cho biết), tất cả đã rách nát dần dần. Thế hệ trẻ có muốc đọc sách cũ, cũng không còn bao nhiêu để mà đọc nữa. Giá họ cứ ở yên trong nước thì chẳng có truyện gì bàn thêm. Nhưng họ lại xuất ngoại đều đều, bằng vượt biên, bằng đoàn tụ gia đình với con số thật lớn, và mỗi ngày còn cứ gia tăng. Lớp trẻ này, dù tới Bắc Mỹ, tới

Úc hay tới Âu Châu, đều tiếp tục nói theo kiểu ở quê hương — họ có muôn nói ngôn ngữ trước 75, cũng không kiếm ra từ mà sử dụng. Họ đã gây nhiều “sốc” lớn nhỏ cho bà con di tản 75. Chỉ cần gọi hàng không mẫu hạm là *tàu sân bay*, Ngũ Giác Đài là *Lầu Năm Góc*... là bà con 75 thấy khó chịu rồi. Ngay tại trường Đại Học tôi đang theo học, lớp sinh viên mới tới Mỹ trong vòng một hai năm đã thần nhiên hỏi nhau: “Đã *đăng ký* xong chưa? *Học kỳ* này coi bộ *căng* đó nghe... Này, có ai biết *ban Giám hiệu* ở cái chỗ nào không?” (Họ nói cái chi vậy? Rất giản dị: *đăng ký* là ghi danh, *học kỳ* là tam cá nguyệt, là *quarter* hay *semester*, *căng* là *căng thẳng*, *gay go*, *ban Giám hiệu* là Viện trưởng, Khoa trưởng, *ban Giám đốc* một trường). Bà con di tản 75 nghe chối tai quá, cứ như tưởng gặp dân Vi-Xi du học, trong khi sơ yếu *lý học* của các sinh viên này rất tốt, con *ngụy quân ngụy quyền* chánh gốc (lại dùng chữ *ngụy* rồi). Dĩ nhiên tình trạng này có thay đổi với thời gian, nhưng không nhiều cho lắm.

Do lý do sinh tồn, nhất là nếu lớp trẻ này định cư ở thành phố đông người Việt thành phần di tản, họ học khá nhanh những từ thông dụng của trước 75. Họ bỏ khá nhanh lối nói “Sau ngày giải phóng miền Nam” (sau 30 tháng 4, 1975 đấy), hoặc tập thay những chữ *nhà nước* bằng *chính quyền*, *hồi đưong* bằng *tắm bồn* đặc biệt... Lâu dần, đọc thêm sách báo Việt, dù là truyện chưởng của Kim Dung hay các báo chợ nơi địa phương, vốn từ ngữ trước 75 của họ cũng tăng dần. Nhưng không nhiều lắm, bởi vì những chữ nghĩa thông dụng trao đổi giữa người Việt hàng ngày với nhau, đâu có nhiều cho lắm.

Nhưng hiện tượng này chỉ xảy ra, như người viết đã ghi, tại những nơi có đông người Việt, nhất là Việt di tản qui tụ. Còn ở những nơi khác, và những nơi đó thực nhiều, những người tới sau sống lẻ tẻ, chìm đắm trong cộng đồng dân địa phương đông đảo, thì hiện tượng học ngôn ngữ trước 75 xảy ra mờ nhạt, không được bao nhiêu. Sau một vài năm, họ đã thạo ngôn ngữ nơi địa phương định cư Anh, Pháp, Thụy Điển hay Đức, thì họ nói nhiều bằng ngôn ngữ mới ấy. Và chẳng muốn thế, cũng chẳng được.

11.

Bà con di tản bây giờ đã trở thành một thiểu số trong cộng đồng thiểu số. Tổng số di tản năm 75 là khoảng 150,000 người, tính cả ông bà già và con nít. Trừ đi số người già đã chết và số trẻ con lớn lên không hề biết tiếng Việt nữa, thì quả thực Việt di tản đúng đã là một thiểu số trong cộng đồng thiểu số Việt Nam ở hải ngoại. Nhưng mà một thiểu số khá mạnh về báo chí. Bởi thế, khoan nói tới lập trường chính trị, quan điểm xã hội và văn hóa, cứ riêng về ngôn ngữ thôi, quả thực giữa Việt di tản và Việt đi sau đã có sự ngăn cách. Nhẹ nhất thì như người viết đã chứng kiến: Một thanh niên đi sau dùng một từ trong nước, bị một cụ già mắng: “Này, sang đây đừng có dùng cái

ngôn ngữ Cộng sản ấy nghe!”... Em đó đã nín thinh bỏ đi chỗ khác. Thật tội nghiệp cho thành phần trẻ. Đâu có dễ dàng cho họ kiếm ra chữ nghĩa 75. Nhưng lặng thinh bỏ đi như thế không có nghĩa là thanh niên ấy tuân phục ông già đó. Tâm trạng lớp trẻ Việt Nam, dù họ ở trong nước hay đã ra hải ngoại, không giống bao nhiêu các thanh niên đi 75 — nay đã thành dân tóc bạc ít hay nhiều. Dĩ nhiên họ có kỵ có ghét Cộng sản thì mới rời quê hương, nhưng họ lại không đồng ý nhiều với lối chống Cộng của dân di tản 75. Bởi cả bất đồng ngôn ngữ lẫn văn hóa chính trị như thế, lớp trẻ đi sau hầu như vắng bóng trong những hội đoàn đủ các kiểu các loại và cũng chẳng tham gia những ủy ban, phong trào này nọ của các trưởng lão cộng đồng. Các trưởng lão di tản cứ việc mắng họ, chê họ, tha hồ, họ không cãi mấy khi. Họ chỉ lảng tránh, lo học hành, lo kiếm job, và đôi khi còn lo cả truyện băng đảng nữa. Nhưng phiên một cái chính họ mới là đa số, mới là chủ lực, là thế hệ đang lên của cộng đồng. Thí dụ như truyện Phục Quốc, mấy ông tướng tá di tản tóc bạc hết cả rồi, hạ sĩ quan binh sĩ đa số cũng tiêu muối, bụng ai cũng phệ ít nhiều, đi xe hơi hoài đầu gối đã long. CIA có tình nguyện mang tàu mang máy bay chở những ông bạn Phục Quốc đầu bạc này về Việt Nam, thì già rồi, sức còn bao nhiêu mà choảng nhau với Công an và quân đội CSVN... Rõ ràng như vậy là giấc mơ Phục Quốc hay Cách mạng hay gì gì tương tự, phải là công trình của giới trẻ. Và của giới trẻ đi sau thôi. Con của các người Việt 75 đa số đã Mỹ hóa, ít lưu luyến quê hương, tiếng Việt lại nói không quá dăm ba câu chào hỏi, không lẽ về Việt Nam chiến đấu phải mang kèm thông ngôn... Vậy là giữa già và trẻ ở hải ngoại đã bất đồng như thế, ngay từ cái ngôn từ trở đi.

III.

Những người Việt 75 bị “sốc” về ngôn ngữ những người đi sau. Điều đó đã rõ ràng. Nhưng ít ai để ý tới sự kiện những người đi sau, bây giờ chiếm đa số, cũng bị sốc không kém với những người đi trước. Ngay tôi, người viết bài này cũng đã từng bị.

Sau những bài văn đầu tiên được đăng lên, một chủ bút một tờ báo khá uy tín của Bắc Mỹ đã biên thư cho tôi, đề nghị dành cho toà soạn quyền được tự tiện sửa đổi những từ, những ngữ không đúng với ngôn ngữ Việt-Nam Cộng-hòa. Tôi đồng ý trên nguyên tắc, nhưng chỉ trên nguyên tắc thôi. Tôi nói với anh bạn này rằng không phải chỗ nào anh cũng có thể sửa được. Thí dụ thì nhiều lắm. Chủ tịch Hội đồng các Bộ trưởng, dịch là Thủ tướng thì tạm được. Nhưng Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mà gọi là ông Đô trưởng thì không ổn chút nào. Ông Đô trưởng thực sự của Sài-gòn hiện nay tên gọi là Bí thư Thành Ủy. Tỉnh trưởng của chế độ CSVN không phải là ông Chủ tịch...(tên dài lắm) mà là ông Tỉnh Ủy. Nếu chuyển *hải quan* thành quan thuế thì được nhưng gọi *tờ hộ khẩu* là sổ gia đình thì lại

sai lầm ghê gớm, mặc dù cầm tờ hộ khẩu lên, thấy nó giống y chang sổ gia đình trước 75. Thậm chí truyện từ ngữ còn lồi thối to hơn về chính trị. Chế độ CSVN có Quốc hội có Dân biểu nên bà con 75 hay trách cái Quốc hội này chẳng chịu bênh dân gì cả. Trong khi trên thực tế, Hiến pháp cũ cũng như mới nhất của chế độ CSVN đã ghi rõ: “Quốc hội là cơ quan có nhiệm vụ biến những quyết định của Ủy ban Trung ương Đảng thành luật pháp”. Căn cứ định nghĩa này, Quốc hội trong chế độ CSVN chỉ có một nhiệm vụ tương đương với ủy ban pháp chế trong mọi quốc hội của Tây phương. Còn quốc hội thực sự trong các chế độ Cộng sản là Ủy ban Chấp hành Trung ương Đảng, ở Việt Nam có nhân số khoảng 300, cả thực thụ lẫn dự khuyết. Nhưng cũng chính những ủy viên của ban Chấp hành này cũng chia nhau nắm các chức vụ chính trong chính quyền, quân đội từ các cấp bộ trưởng thứ trưởng tỉnh trưởng và tưong tá. Nghĩa là vừa nắm quyền lập pháp vừa nắm quyền hành pháp luôn. Do đó, cũng mang tên quốc hội và dân biểu, nhưng chẳng phải là dân biểu và quốc hội như chúng ta thường hiểu.

Nhưng anh bạn làm báo còn là người dễ thương và hiểu biết — có lẽ tại anh đã ở lại tới 1978 mới vượt biên chẳng nên dễ thông cảm với người đi sau hơn chẳng. Còn một chủ bút khác, lần này là dân di tản 75 chính cống, qua điện thoại đã trách tôi “chưa dứt khoát lập trường” khi trong một bài văn, tôi đã gọi quân đội CS là *bộ đội*, là *quân đội chính quy miền Bắc*. Vị chủ báo này đề nghị tôi sửa lại là “*bọn ác ôn Cộng phỉ*, là bọn “*bạo quyền Hà Nội*”... Rồi về nhân vật, tôi cũng bị kệt hoài vì Hồ Chí Minh. Tôi cứ bị nhắc nhở dài dài là phải gọi Hồ Chí Minh là Hồ lão tặc, là lão già Hồ... Dĩ nhiên tôi đã từ chối, viện dẫn là kẻ địch có thiếu giáo dục, có bất lịch sự thì kệt họ. Còn tôi, xin để yên tôi viết cho đảng hoàng bởi vì tôi chót lờ là con người như thế. Tôi không thể làm hạ phẩm giá của tôi bằng cách buông ra những lời thô tục, chửi rửa như thế trong văn chương tôi viết.

Những dân di tản thường bị sốc nặng với một số từ ngữ của dân di tản, thí dụ như *đất tạm dung* và *mất nước*.

Đất tạm dung, hiểu theo nghĩa thông dụng nhất là đất ở tạm. Nghĩa là làm sao? Phải chăng những người sử dụng chữ đó coi đất Mỹ đất Canada Pháp... là nơi tạm trú một thời gian rồi sẽ rời bỏ. Nếu hỏi những bạn tạm dung này kỹ hơn, thì thường được trả lời là chỉ tạm ở ngoại quốc thôi. Trong một thời gian đủ họ mang người mang quân trở về đánh tan chế độ CSVN. Khi giết tan CSVN rồi, họ sẽ bỏ hết mọi thứ ở nước ngoài, nhà cửa, tiền bạc, xe cộ, quí kim cùng nếp sống tiện nghi sung túc để trở về kiếm mấy gốc dừa, bờ sông phù sa của Việt-nam. Dứt khoát là chê Mỹ chê Canada chê Pháp Đức là thứ văn hoá thấp kém cảnh vật xấu xí, không thêm cư trú vĩnh viễn. Chỉ tạm dung thôi... Bà con di tản ngấm nghĩa đáng người mập mạp hồng hào, nhà cao đẹp trả góp cỡ 20 năm, đồ đạc tiện nghi cùng mọi quĩ về hưu

của những người tạm dung ấy mà ngẩn ngơ.

Một bạn thân, thân từ trước 75 và bây giờ cũng vẫn là thân, kể lại một lần anh đi ăn cưới. Tiệc đang vui thì có một người ngồi xa hỏi anh một câu về quá khứ, anh trả lời bắt đầu bằng câu "*Kể từ ngày mất nước, tôi vẫn...*". Lập tức một thực khách cùng bàn, chắc dân đi sau, đã chặn ngang, vặn hỏi: "Anh nói *mất nước* hả? Anh hãy nhìn qua bên kia Thái bình dương mà coi. Nước Việt nam vẫn còn đó, từ Nam quan đến Cà mầu, chứ có chìm xuống biển hay tan thành tro bụi đâu, mà bảo mất nước. Chỉ có điều xưa kia thì Quốc gia cầm quyền nay Quốc gia đã sập tiệm thì Cộng sản cầm quyền. Da vàng mũi tẹt cả đám chứ có ai khác...". Lập tức một thực khách khác tham gia, mang cả quốc tế công pháp ra rảng chứng minh rằng chính quyền Việt nam Cộng hòa đã tan, thì kể như miền Bắc cũng mất nước. Cứ như thế, cuộc tranh luận tiếp tục. Chỉ có điều ít ai để ý là những cuộc tranh luận như thế chỉ xảy ra giữa những người già, hoặc tương đối già. Còn với lớp trẻ đi sau, thì vấn đề không thể bàn cãi. Lý do họ đã lớn lên sau 75, họ thấy rõ ràng là chế độ cũ sập tiệm và được thay bằng một chế độ mới. Họ không ưa cái chế độ mới là truyện của họ (nếu thích, thì đã ở lại), nhưng bắt họ phải bảo rằng cái nước Việt Nam thân thuộc đã mất rồi thì họ không chịu. Khi ở trong nước, mỗi khi nghĩ tới việc lật đổ chế độ Cộng sản, thì họ nghĩ tới như là một cuộc cách mạng. Và hiện nay thì cũng vậy.

V.

Nếu thế hệ thứ hai của thành phần đi tản 75 ít biết nói và đọc tiếng Việt thì thành phần đi sau vẫn cứ tiếp tục đến đều đều. Vượt biên có bị hạn chế, có bị ngưng, thì con đường đoàn tụ gia đình, vốn là một định chế lâu đời của nhiều quốc gia Tây phương trong đó có Hoa kỳ, vẫn làm tăng số người Việt ở nước ngoài chưa biết đến bao giờ mới ngưng. Càng đi về sau, càng quen sử dụng từ ngữ của chế độ CSVN. Sự tác động của đa số thường bao giờ cũng mạnh, và một ngày kia, tiếng Việt ở hải ngoại sẽ pha trộn mỗi ngày một nhiều hơn từ ngữ của nội địa. Những người già và những người chống Cộng cực đoan (theo quan điểm tất cả đất nước Việt nam hiện nay đều là đất Cộng sản, có bom cú việc ném, coi như "vùng oanh kích tự do", tất cả thóc lúa sản vật sản xuất ra đều là do CS, không dùng, và dĩ nhiên 60 triệu dân nội địa đều là CS cả, cứ việc bao vây kinh tế cho chết đói chung tất cả...) dĩ nhiên không vui gì trước một viễn tượng đó. Nhưng ngôn ngữ là một thực thể sinh động, tuân theo những luật tắc biến chuyển riêng của nó, dù ta thích hay không thì cũng thế thôi.

Một mặt khác, nhìn đường dài, cũng không nên buồn nhiều về điều đó. Bởi vì giả thử cộng đồng Việt nào ở bất cứ nước nào hải ngoại đều giữ nguyên được tiếng Việt 75, thì điều gì sẽ xảy ra? Hãy nhìn Canada,

ngó vào cộng đồng nói tiếng Pháp thí dụ tại Quebec. Một ông bạn cũng dạy học một trường đã mang vợ con vượt biên tới lập nghiệp tại nơi này, một phần cũng vì biết nơi này nói nhiều tiếng Pháp — hai vợ chồng anh đều dạy Pháp ngữ và hồi trẻ đều học Trung học Pháp. Nhưng rồi anh than thứ tiếng Pháp nơi anh có lẽ phải gọi là tiếng Pháp thế kỷ 18 mới đúng. Thật khó nghe và khó hiểu cho những người mới tới, kể cả người Pháp hiện nay. Phải một thời gian mới quen.

Như vậy, tốt nhất cứ để ngôn ngữ của chúng ta đi theo con đường biến chuyển riêng của nó, một con đường rất dài. Vấn đề bây giờ cần lo tới là việc duy trì tiếng Việt cho thế hệ thứ hai và kế tiếp.

Điều vui đáng ghi đầu tiên là thời kỳ người Việt chê tiếng Việt không thềm nói kể như đã qua. Những cha mẹ hồi trước 80 thấy con cái không nói được tiếng Việt lấy làm mừng, bây giờ đổi ý kiến mỗi ngày một nhiều. Các lớp học Việt ngữ mở ra bắt đầu có người đến học, sĩ số gia tăng dần dần. Sự xét lại thái độ về tiếng mẹ đẻ này rất là phải, và cũng rất là có lợi cho người học nó. Thí dụ như người Tàu. Hoa kiều lập nghiệp ở nước nào đa số đều song ngữ cả: tiếng Tàu và tiếng địa phương. Hậu quả là người Hoa có thể đi khắp thế giới, ở đâu cũng có đồng hương để gặp gỡ, tương trợ, hùn hạp. Một người Hoa sinh ở Mỹ sang Đức gặp người Hoa tại Đức, ngôn ngữ sử dụng đương nhiên là tiếng Hoa (nếu khác tỉnh, gốc cũ thì dùng chữ Tàu). Các cộng đồng Do thái cũng vậy. Ở nơi nào, người Do thái cũng có thể hiểu nhau qua ngôn ngữ chung- họ mạnh như và hơn cộng đồng Hoa một phần nào cũng vì thế.

Lo cho thế hệ thứ hai thứ ba tiếng Việt còn có hữu ích khác nữa. Dù sinh đẻ hay lớn lên trên đất Mỹ, nói tiếng Anh y như dân địa phương, nhưng do màu da, sự hội nhập cũng chỉ tới một giới hạn nào thôi. Không đồng hóa với dân địa phương hoàn toàn được. Trong khi đó, do không biết tiếng Việt, mối dây liên hệ với cộng đồng mình lại bị cắt đứt. Đi tới đâu cũng thấy hình ảnh tội nghiệp của những lớp trẻ này: do cha mẹ chú bác cô dì, họ vẫn phải tiếp xúc với những người Việt. Mà nói tiếng Việt không được, kể như bị chia lìa. Lớp trẻ đứng giữa hai cộng đồng như thế thường lắm lúc khá cô đơn. Vào chẳng được, về không xong...

Thế hệ thứ hai được chăm sóc kỹ về học vấn. Sự cắt đứt với nguồn văn hoá cũ làm các em thiệt thòi bất ngờ, ngay trong các học đường. Cộng đồng da đen Mỹ đông tới 40 triệu cũng chưa giải xong bài toán văn hóa của họ. Nhìn về cội rễ mình xa đến hơn đời ngũ đại, cũng chỉ thấy kiếp nô lệ vô học, không biết gốc gác mình ở đâu, giòng giống cũ của mình thế nào. Sự đón chào quá nồng nhiệt giành cho tác phẩm *Roots* (ở Việt Nam đã có bản dịch đặt tên là *Cội rễ*) của nhà văn Mỹ da đen, cũng như giành cho phim dài mang cùng tên chiếu trên TV mấy năm trước đủ chứng tỏ ai, bộ tộc, dân tộc hay cộng đồng thiểu số nào

cũng cần có một lịch sử và văn hóa để làm vốn, làm chỗ dựa tinh thần. Thế hệ cha chú của các em đánh trận quá bết bát – thua thì cứ thua nhưng giá thua như quân đội Nhật trong đệ nhị thế chiến, thì các em còn có thể hãnh diện đôi chút về *Vietnam war*. Còn thua kiểu 75, thì hết ý kiến. Vậy chỉ còn lịch sử và văn hóa: không biết tiếng Việt, làm sao tiếp thu gia tài này.

Và nếu xét về phương diện duy trì tiếng Việt tại hải ngoại, thì những nhà xuất bản trước đây chuyên tái bản sách cũ của Việt nam Cộng hòa kể như có công lớn. Thí dụ như nhà Xuân Thu đã tái bản gần 2000 đề mục sách cũ, vốn liếng đã vũng mồi chuyển sang in thêm sách mới. Ở Việt nam, cả một kho tàng văn hóa của miền Nam đã bị đảng CSVN đem biến thành tro bụi, thì sự khôi phục lại kho tàng này ở hải ngoại đương nhiên là một việc làm đáng khen. Từ khi đến nước Mỹ, tôi có nghe vài than phiền là có sự tái bản quá nhiều những sách kiếm hiệp, gián điệp kiểu Z.28. Về sự kiện, lời than đó đúng. Nhưng với tư cách một nhà giáo cũ dạy Văn, tôi cho rằng kiếm hiệp, gián điệp nhiều đam tình cũng là cần thiết, cho giải trí, cho kiến thức văn hóa hiểu theo nghĩa rộng. Và nhất là cần cho việc trau dồi tiếng Việt. Kiếm hiệp Kim Dung, gián điệp Z.28 dễ lôi cuốn quyển rữ lớp trẻ đọc bằng tiếng Việt. Gần đây, có một người bạn đang phụ trách dạy Việt ngữ cho thế hệ sau hỏi tôi một danh mục mua sách cho học sinh. Tôi đã trả lời là nếu học sinh đã trên 16 thì nên mua thêm truyện kiếm hiệp, như *Cô gái Đồ Long*. Không lẽ lại khuyên ông bạn đi mua *Đại học máu* của Hà Thúc Sinh, *Đáy địa ngục* của Tạ Tỵ, trong khi trình độ các em mới đọc tam thông tiếng Việt...

VI.

Như rất nhiều người Việt khác, trước 75 bọn tôi rất mê đọc truyện kiếm hiệp của Kim Dung. Từ *Cô gái Đồ Long* đến *Lộc Đỉnh Ký*, không thiếu bộ nào. Và không ngừng ở đó mà say mê tiếp với các truyện phiêu lưu ly kỳ của các nhân vật Lục Tiểu Phụng, Sở Lưu Hương. Tiểu thuyết của Quỳnh Giao, biên khảo của Lâm Ngữ Đường đâu có thể quyển rữ bằng. Khi mới rời Việt Nam tới trại tị nạn ở đảo, bọn tôi đã được biết hầu hết những truyện kiếm hiệp hấp dẫn đều đã được quay thành phim, gọi là phim chưởng, phim bộ. Đó thật là một tin tức cực kỳ lý thú. Bởi thế, sau khi đã giải quyết ổn thỏa vấn đề ăn ở và học hành, là bọn tôi lo ngay tới việc coi phim chưởng hay phim bộ.

Một người bạn đi 75 mang lại tặng một TV màu. Bọn tôi điều đình mua lại một VCR cũ với giá \$100. Bây giờ đến việc thuê phim. Hỏi ông bạn thì sĩ mữ ở cùng tỉnh, thì ông này giương mắt lên: “Ày, ông đừng có đụng tới thứ đồ yêu đồ quý đó!” Ông bạn kể lại thứ phim chưởng đó đã quyển rữ như thế nào. Cứ đi làm về, là lo *luyện chưởng*, thức tới hai ba giờ sáng là thường. Ông bạn thơ này kể có đêm coi đến

hơn 12 giờ đêm thì hết một tập. Câu truyện đang ly kỳ quá, anh liền điện thoại cho người có phim, hỏi có đến mượn tiếp được không. Rồi sau đó lái xe đi liền. Đêm khuya, thời tiết đang xấu, đã khó lái xe, lại đụng ngay một cái bảng bất ngờ báo khúc đường quen thuộc sắp đi qua đã *closed*. Đi đường vòng thì sợ lạc, quay về thì ậm ạch, rút cục đường có đóng thì kệ đường, anh cứ đi để mượn cho bằng được tập kế coi tiếp. Anh kết luận: “Đêm đó tôi mà gặp tai nạn thì đúng là tại cái đồ yêu quái đó... Thôi ông bà và các cháu đừng có đại mà dính vào cái thứ đó”.

Nhưng hai ông bà và các cháu này, nghe kể như thế lại càng thấy ham cái đồ yêu đồ quái. Nhất là bọn tôi biết sẽ chỉ có thời gian nửa năm đầu sau khi định cư là nhân nhĩa tương đối — sau đó sẽ bị guồng máy Hoa kỳ cuốn hút, bận túi bụi. Bọn tôi trịnh trọng đi rước đồ yêu đồ quái ấy về nhà. Và dĩ nhiên bị quỷ ám liền. Thức đêm thức hôm, cơm nước tùm lum để coi hết *Cô gái Đồ Long đến Tiểu ngạo giang hồ*, mê say cô bé Ông Mỹ Linh đóng vai Hoàng Dung tuyệt vời, xuýt xoa thưởng thức nhan sắc của cô Tiểu Long Nữ. Thậm chí Cô gái Đồ Long có hai bộ, bộ Hồng hồng và bộ Đai loan, bọn tôi đều coi đủ rồi cùng so sánh, đối chiếu hay dở của mỗi bộ. Mê đến độ nếu bây giờ kiếm ra một poster nào có hình cô gái đóng vai Hoàng Dung và Tiểu Long Nữ, chắc bọn tôi sẽ dán lên vách, dưới lá cờ vàng ba sọc đỏ quen thuộc trong phòng khách.

Ngoài cái thú luyện chữ võ như mọi người, bọn tôi còn một cái thú khác nữa mà bà con đi 75 không thể có được. Đó là cái thú do ban chuyển âm mang lại.

Ở đây, cần phải chú giải thêm một vấn đề trước đã. Đó là tiếng nói, hay chính xác hơn, giọng nói của từng miền Nam Trung Bắc của Việt Nam. Trong một bài viết loại này, tôi đã trình bày rằng bộ đội, cán bộ miền Bắc vào Nam sau 30 tháng 4, 75 đã có một giọng nói không giống ai. Cao hần lên một bậc và chua chua. Tả ra thì hơi khó, nhưng nghe thì nhận ra liền. Suốt từ 75, giọng nói đó tượng trưng cho sự khó khăn, áp bức và nghèo đói. Bởi thế đến năm 85, một ban hát cải lương chuyên trình diễn vùng ven đô Sài gòn đã thành công kinh khủng với một vai hề. Vai này chỉ có mỗi một tài để chọc cười khán giả là *nhại giọng Bắc kỳ* (cũng cần chú giải thêm là những người miền Bắc di cư vào Nam 54 không có giọng này). Dĩ nhiên báo chí của Đảng biết, tố cáo um xùm. Giám đốc đoàn hát này dĩ nhiên bị dũa cho tơi bời... Nhưng đó là một sự kiện, có cấm thì nó vẫn cứ có đó. Khi coi những phim chữ võ, bọn tôi đã thú vị bất ngờ khi thấy người điều khiển ban chuyển âm đã cho những nhân vật tốt, đẹp, thiện nói toàn giọng miền Nam Việt với lối dùng từ kiểu miền này. Còn các nhân vật xấu, ác, gian tà, hay cái vai Miêu cung, Mán Mọi, hoặc thị tì thì cho nói giọng miền Bắc sau 75, nghĩa là nói cái giọng của cán bộ đảng viên bộ đội.

Mỗi khi “tiếng Bắc kỳ 75” phát ra từ chiếc TV, các con tôi đều hay

nhại lại để rồi cả nhà cười thích thú. *Cả nhà* đây có cả... tôi ở trong. Khi cười như thế, đôi lúc cũng thấy mình hơi... tiểu nhân đặc chí. Nhưng biết làm sao.

Nghĩ cho cùng, lắm lúc cũng thấy tội nghiệp cho cái giọng nói của quê hương cũ (hai vợ chồng tôi đều là dân châu thổ Hồng Hà vào Nam năm 54). Đảng CSVN đã tạo ra rất nhiều nạn nhân. Nhưng điều thật bất ngờ nhất là trong những nạn nhân ấy, sau cùng, lại là một giọng nói. Bể dâu trong tiếng Việt quả thực đã dành cho cúng ta nhiều kết quả thực khó thể nào đoán trước được.

Thế Uyên
Cuối năm 1988.

CHỢ VẢI **BOLSA FABRIC**

- * *Chuyên bán các mặt hàng có giá trị gửi về Việt Nam*
- * *Trung tâm bán sỉ và lẻ hàng vải, soie Pháp đen , màu.*
- * *Vải may quần tây nội địa và nhập cảng.*
- * *Mỹ phẩm Pola, Mary Kay .*
- * *Trà sâm .Áo dài thêu, áo vẽ, đồ cưới..*
- * *Nhận gửi hàng đi các tiểu bang qua UPS.*
- * *Nhận gửi hàng về Việt Nam qua Air France, D & D và AF.*

Mở cửa 7 ngày : 9.30 AM — 8.30 PM.

**9345-9347 Bolsa Avenue Westminster
California 92683**

Tel : (714) 894 2208

Thơ Thường Quán

Rạng ngày xuân

*Hãy đến mùa Xuân không hẹn trước
Đêm đen nằm giữa mỗi chúng ta
Trăm vạn mảnh đời xuôi hay ngược
Nhìn lên còn được một bầu trời.*

*Vẫn biết dưới lưng là đất lạnh
Đêm qua hăng giá hắt tan rồi
Hoa cỏ người yêu vừa thức dậy
Nước nguồn thơ đại khóc đầy vơi.*

*Mừng tuổi quê hương người đã khuất
Cửa khuya sao mọc đỏ hiên trời
Sẽ thấp đến rạng ngày mới tắt
Câu thơ lục bát à ơi.*

*Chảy tới biển ngoài đôi mắt
Bờ lau bãi trắng rồi bờ
Vườn mẹ hoa chanh buổi sớm
Đất và sương biếc tình khô.*

*Trời xanh mẹ hiền mới thức
Bàn tay trên trán thơm lời
Nằm im hay quì cả xuống
Nắng vừa phủ ngập chúng tôi.*

Bài ca trên đất

Đi qua ngày giông tố
Đi qua hết cuộc đời
Đi qua chiều xám đỏ
Những trạm dừng thế thôi.

Những con người đã gặp
Niềm thương vương u hoài
Đường đời trời sắp đặt
Tấm chân tình không thôi.

Hương hoa đời hít thở
Xin cảm tạ cỏ cây
Tình yêu nào phôi mở
Xin cảm tạ bầu trời.

Tôi là chim bay mãi
Bên suối chảy không lời
Người cho bao hoa trái
Nhựa mật lòng nuôi tôi.

Không bao giờ trả hết
Dù hát có nghìn lời
Khuya hôm nằm ủ mộng
Nuôi nắng trời đôi nơi.

Trái đất này quá rộng
Đi qua một lần thôi?
Những kiếp người ngắn ngủi
Sẽ nở gì hoa ơi?

Tôi gối đầu lên đất
Lệ nóng cứ xanh trời
Sáng nay bài ca ngắn
Giữa một triều sương phôi

Thơ Như Chi

Xin hãy là xuân

*Hãy yêu hãy yêu hãy yêu
Từng ngày đẹp từng ngày Xuân rất mới
Từng giờ sống từng giờ vui rất Tết
Dù sẽ trôi qua như những ngày qua.*

*Hãy quên hãy quên hãy quên
Mộng xưa cũ - Mơ mai sau - và hối tiếc
Dĩ vãng mây - Tương lai sóng biển
Phút giây này ôi quá đổi mong manh.*

*Hãy nhìn đây một chút nắng long lanh
Muôn thế giới bày ra trong chớp mắt
Mỗi một kiếp phù sinh hiu hắt
Gió thời gian trở giấc hôn mê.*

*Hãy an vui giờ khắc quay về
Thấy Xuân đó là lòng ta ấm áp
Lộc non ẩn khe cây vừa chớm lá
Cõi lòng ta vừa nở nụ xanh.*

Rũ nốt hương thừa trong gió lộng

*Tôi buông tha người tôi buông tha tôi
Cởi dây trói buộc nhau muôn kiếp trước
Tôi buông tha cuộc đời buông tha thế giới
Nợ nần này xin thanh thoả hết hôm nay.*

*Hãy lấy máu tôi rửa hận thù xưa
Xé da thịt trả tận nguồn ân ái
Đập vụn gân xương đổi hết niềm oan trái
Đốt thân tàn cho sống chết phân ly.*

Trả cho nhau chỉ một hạn kỳ
Khi trái đất bước sang vòng quay mới
Ánh bình minh đã cáo chung đêm tối
Chỉ một lần xin quét sạch chân mây.

Chỉ một lần thôi chỉ một lần này
Buông. Buông hết những gì sót lại
Mở. Mở hết bao ẩn tình che đậy
Dốc cạn bầu. Khô chén rượu tư duy.

Tôi ra đi và người sẽ ra đi
Để khoảng trống cùng thời gian ở lại
Mặc cây cối với những mùa hoa trái
Mặc gió mưa mù mịt lối chiêm bao...

Những bài thơ...

Sống chết chập chùng như những giấc mơ
Những giấc mơ không làm sao nhớ hết
Có bao nhiêu bài thơ ở trong kiếp trước
Và bao nhiêu ở những kiếp sau
Bao nhiêu điều tôi có nhớ gì đâu
Tôi đã sống như là ai đã sống
Cứ đổ lên tôi vụn lời trách móc
Mưa lũ ngày đêm đất thấm hết vào lòng.

Những bài thơ đầy những chữ rêu rong
Chữ nghĩa cũ hay ý tình xưa cũ
Cõi rối rắm - cuộc đời dọn vào cư ngụ
Gọi chia tôi một nửa gian phòng
Tôi chẳng có gì để bày biện cho xong
Tranh ảnh cuộc đời cho, tôi dùng chẳng hết
Không chối bỏ cũng dám đâu nhận lấy
Quá giàu sang nên nào dám tham lam.

Đừng cho tôi thêm những thứ nghèo nàn
Đừng lấy bớt những gì tôi không có
Tôi chẳng nhận những điều lo sợ
Một kiếp này đâu có được bao lâu.
Thôi giữ chỉ những mất mát âu sầu
Chiều gió lộng thả điều bay tít tắp
Đừng hoảng hốt khi dây căng thoát đứt
Khi chính mình bay mất hút hư không.

Ôi, những bài thơ viết rất dài dòng

Rất vô nghĩa, và thật là vô nghĩa.
Tôi cứ làm thơ ghép lời chấp chữ
Bao nhiêu bài sẽ nói đủ lòng tôi.

Ghi rõ tháng năm và mỗi cuộc đời
Rồi tính số xem bao nhiêu giấy mực.

Những dòng chữ trôi xa ngoài sự thật
Những mảnh tình bay trong chuyện viễn vông
Những bài thơ tô vẽ màu hồng
Những dòng chữ in trên màu xanh ngọc
Những tâm sự nghe như tiếng khóc
Những tiếng cười sẽ động môi tươi.

Tôi hiến dâng tôi kính tặng cuộc đời
Trừ nợ nhè nửa căn phòng tôi ngụ
Dù ở hay đi chúng ta cùng đầy đủ
Hạnh phúc này tôi biết nói làm sao.



đã phát hành :

MỒ HÔI CỦA ĐÁ

truyện dài

NHẬT TIẾN

Cái đáng yêu của giải pháp mà tác phẩm đem ra đề nghị với chúng ta nằm ở chỗ đó là một giải pháp nhân bản, một giải pháp có chỗ cho tất cả những thành phần còn năng tình dân tộc — những thành phần còn đủ rộng rãi con tim để có thể vượt lên những lẫn lộn suy tưởng của ngày hôm nay, những bức vách dựng lên bởi hận thù để ngăn cản một cái nhìn bao quát, bao dung và tổng hợp.

TU SÁCH CÀNH NAM

Hàn Song Tường
Khu rừng cháy

*Em nhìn khu rừng cháy
Lửa cao cao một trời
Em nhìn anh xuôi ngược
Chạy xuyên cánh rừng chơi*

*Em đỡ anh đứng dậy
Cánh tay đã mệt nhoài
Lòng bỗng dưng tội nghiệp
Một gã thử cuộc chơi.*

*Gió cao cao lên mãi
Lửa tắt dập đêm qua
Những tàn tro lưu lạc
Phất phới giữa phong ba.*

*Ôi! Rừng xưa đã chết
Ngàn đời chẳng còn nhau
Cánh rừng xưa đã hết
U uất biệt giang đầu.*

*Em nhìn khu rừng cháy
Tan vừa một ngày đêm
Em thấy anh không ngủ
Tóc đã bạc một bên.*

Trịnh Gia Mỹ

Xa quê, ngồi nhớ Nguyên đán xưa

*Ngồi đây nhớ đất trời mùa cũ
Xôn xao hạnh phúc rủ nhau về
Tám năm, ừ, tám năm tròn chẵn
Xa, sao quên được xóm làng quê.*

*Xa, sao quên được ngày Nguyên đán
Xa, sao quên được nụ cười Xuân
Tám năm, ừ, tám năm rồi đó
Nhớ về vẫn thấy lòng băng khuâng.*

*Bao giờ ta được về quê cũ
Cùng em đốt ngọn pháo mừng Xuân
Bao giờ ta giọt mừng giọt tủi
Thấy mẹ cha vui vẻ thật gần.*

*Em yêu, Nguyên đán sao mà nhớ!
Giao thừa lòng sạch như tuyết trong
Giao thừa lòng rộn như thơ trẻ
Ngồi viết bài khai bút đầu năm.*

*Xa quê ngồi nhớ ngày vui Tết
Em yêu, thắp hộ một lần hương
Đốt giùm thêm một dây pháo đỏ
Khởi rộn ràng lên trăm nhớ thương.*

*Để dành cho ta một góc bánh
Giữ giùm cho ta chút hương Xuân
Mai ta về nhắp men rượu ngọt
Thấy đất trời đâu cũng là Xuân.*

Ngô Nguyên Dũng
Một đoá bất ngờ

*Mở ngực ra xem tìm mấy ngỗ
Huyết lộ nào dẫn tới mê cung
Đóng cửa lại mời người ở trọ
Đi cùng ta nốt đoạn sau cùng.*

*Mai lên núi quên hàng nút áo
Phơi thịt da giữa nắng phong trần
Dấu ta chỉ là tên vô đạo
Để lại nhà xơ xác dấu chân.*

*Đêm vốc nước uống trăng ngọc-lũ
Thở một luồng vàng vặc như thơ
Mơ rút kiếm chém vào kinh sử
Tặng thính không một đoá bất ngờ.*

*Ta ngồi tĩnh mấy mùa trên đá
Xử mù sương nhỏ trũng dăm hàng
Ta khe khẽ nghe hồn đáp trả
Đã hiện thành viên sỏi kim-cang.*

*Khi xuống núi ta còn thấy nặng
Cởi áo tơ bỏ lại bên đường
Đếm được khắp châu thân đặng đặng
Đủ một trăm lẻ tám vết thương.*

Nguyễn Tất Nhiên
Tâm chung

*cùng em cùng một khung trời
chung nghe sa mạc lòng người chuyển mưa
cùng em cùng một ngày mùa
chung nghe tình nước non chưa lỗi thề
cùng em ngàn dặm ra đi
chung nghe thiên lý đường về trong tim
cùng em sông Hậu sông Tiền
lia thia quen chầu tình hiền quen khăn
cùng em cửa mắt cài trăng
nhẹ tay phẩy bụi chung lòng như gương*

*vì em là lượng Cửu long
bún khô vẫn gạo nanh chồn, nàng hương
vì em là ngọt sông đồng
vàng chua bưởi mễ vẫn bông Biên hoà
vì em là một mái nhà
anh thân từ cổ vẫn ra người hiền
chim quên ngồi đứng không yên
em xa cha mẹ buồn riêng một mình...*

Westminster 1.1989

(Trích trong tập Tâm Dung, sẽ do Người Việt xuất bản).

Thơ Hoàng Xuân Sơn

Hoài cảm

*Bước lui vô trướng cũng cụt đường
Lui về phố chợ vắng người thương
Chiều như một bãi tha ma lạnh
Khỏi tản mơ hồ trên mặt gương.*

*Những mặt gương trong xanh biếc hồ
Dưới nguồn thanh thảo đáy hư vô
Hoa bèo trên sóng hoa cúc dại
Lối thăm nhân gian vết cỏ mờ.*

*Hoài cảm không riêng một buổi nào
Qua cầu nghe tiếng gọi lao xao
Tiếng chân dẫm xuống cành khô mục
Tiếng cá long bong quẫy dưới hào.*

*Một bận ra về trăm tiếng kêu
Vườn xưa thanh tú nét yêu kiều
Tổ con chim quạ cành cao vút
Nghịem thấy lòng mình đang biết yêu.*

*Biết yêu cho lắm xót xa nhiều
Thà rằng như gạch ngói rong rêu
Như mây trắng đục hoàng hôn tím
Như bến mười phương động bóng chiều.*

Dòng không

*Xa lạ quá giữa tâm trần nhân thế
Lần đi thôi vỡ hết cuộc đất nong
Ví như thổi một làn mây gió nhẹ
Sợ máu buồn se chỉ một mùa đông
Ngày đã đến sao đêm còn mở hé
Cho tàu về xuôi ngược những dòng không
Đời biển hiện sau quấy hàng sinh kế
Cửa sáng choang và bản mặt vô thần.*

*Thử nối kết một dung hình viễn tượng
Cái ở gần mắt hút tự đằng xa
Em hãy lẫn vào trong người tưởng tượng
Hãy bình yên thời khắc lặng chan hoà
Đừng mở miệng, đừng - tơ trời đương xuống
Rụng trên đời và tiếng hát bao la
Đừng vội vã hôn sâu vào mặt đất
Hồn lưu cư còn thuở trái cây nhà.*

*Hãy thông thả ngắm nhìn cơn đau xuất
Có hay không mù mịt cũng nghìn chương
Ôi cái biết giam người vào ngục thất
Nằm vô tri như đá cuội ngoan hiền.*

Tường Vũ Anh Thi

Mộng đặc tịnh liên tại hương thủy hải

Cảm hứng từ tiểu thuyết "Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc" của Nghiêm Xuân Hồng, và tiếng hát Thái Thanh.

vì hay rượu nên sa vào nghiệp sóng
vỗ trùng trùng đòi lại cõi ban sơ
mây vẫn thờ ơ
bơ vơ lũng thấp
ngàn dấu chim bay
quờ quạng sững sờ
hoa trắng mọc như là
ai đọc tờ kinh xưa
chợt mưa đổ hột rền trên nền hương thủy hải
ta mãi mê bơi ngộp trời xanh
trời xanh trời xanh
ánh vào cốc rượu núi xanh xanh
tay bám chặt một cành cây huyền hoặc
tiếng đọc kinh mơ hồ như hát
như cát gieo trên những dòng sông
kìa trông nghìn cánh vạc
bay giữa đêm âm vọng nghìn thu
ta nghe được tiếng yêu của cá
tiếng nổi tiếng chìm trong lá gan tươi
lá gan trôi mãi hồ tịch tịch
nghe thầm thì như một đoá sen
ta muốn ngoi lên nhìn lại mặt trời
nhưng sóng bạc xóa nhòa trang ký ức.

Ngư Yên

Biết làm sao bây giờ?

1.

*Về ngồi lại
Chốn xưa thường ngồi
Sau nhiều năm thăng trầm nổi trôi
Qua hưng phế còn mỗi hồn lơ lảo
Với hồ nghi và cảm giác rã rời*

*Về ngồi lại
Chốn xưa thường ngồi
Nghe điều hiu buồn lụy xa xôi
Cảnh vật cũ đã nhiều năm chết lạnh
Chợt hồi sinh trong sắc dáng ngậm ngùi.*

*Sờ lại chiếc ghế còn xôn xao kỷ niệm
Sờ lại bàn còn ấm áp tình xưa
Sờ thời gian sống sờ bao mất mát
Sờ không gian tiếc nhớ kể sao vừa.*

*Cây sồi xưa vẫn đứng bên cửa sổ
Với tháng năm cành nhánh mọc dài thêm
Tổ kiến cũ bỏ hoang treo vắng vẻ
Thoáng giật mình hỏi cảnh lạ hay quen?*

Chiều tàn nắng
Soi bóng cảnh hiu hắt
Gió rung cây hình lay động trên tường
Hình ngẫu nhiên thành bóng già run rẩy
Thấy gì hơn mai đời sẽ thê lương.

Trong ngăn kéo tìm ra nhiều linh kinh:
Những dễ thương
Những ngớ ngẩn
Những bồi hồi
Đốt điều thuốc; Một; Hai... Năm; Sáu
Khói mù quanh trí nhớ một chỗ ngồi.

Ngùi thân ái nhìn lại cây đàn
Khảy dây chùng khơi lòng mang mang
Tiếc một thuở hồn nhiên chưa thấm mệt
Dẫu biết buồn nhưng chưa biết bi quan.

Về ngồi lại
Chốn xưa thường ngồi
Cầm lại đàn ngày xưa thường chơi
Thấy ray rức mơ hồ và khó khổ
Tình tang tình
Tình tang
Tình ơi!
Đàn lạc âm buồn điếng cả người.

2.

Tình tang
Rời rạc
Tình tang
Quanh hiu theo những tiếng đàn băng qua
Vọng từ tâm trí lơ mơ
Tiếng quen
Tiếng lạ
Hững hờ ngón buông
Tình tang
Buồn ơi là buồn
Dạo lên cảm xúc một luồng thiết tha

Ngây theo quay quắt chiều tà
Héo tia nắng mỗi la đà
Trầm ngâm:
 Đã bao năm!
 Còn mấy năm?
Tha hương vật đổi tóc râu sao đời
Xác còn tự động làm người
Hồn thao láo tưởng qua đời trống không
Tinh tang
Đàn chiều nảo lòng
Nhớ dường nhớ quá rõ không nhớ gì
Âm vang bàng bạc thăm thì
Hoàng hôn rũ tiếng đàn đi xa dần
Đàn khêu tâm sự
Tần ngần.

3.

Khi nghĩ về đời sống
Lòng không khỏi bồn thần
Hỏi trí tưởng đã nhiều năm thủng lỗ
Có lỗ nào hiểu thấu chuyện bình thường?

Khi nghĩ về đời sống
Cảm tưởng đầy hồ nghi
Hỏi tâm tình đã nhiều lần mất mát
Có lần nào không kinh ngạc ngây thơ?
Ngồi tần mẩn xét tâm tư tĩ mĩ
Tưởng như lòng luôn thiếu thốn hồn nhiên
Mưu tính sống đã trở thành phản xạ
Thắng thua đời đã gấp nếp thói quen.

Ray rứt hỏi làm trả lời khó chịu
Càng nghĩ nhiều càng không rõ hiểu gì
Bao nhiêu năm tưởng rằng khôn là sướng
Rồi thỉnh linh thấy đại đã lắm khôn.

Ngồi nhỏ bé giữa mệnh mông đêm rộng
Thấy thiếu thừa bộ óc não thông minh
Ngồi mất hút giữa trăm ngàn thế kỷ
Thấy uổng tim đã chứa một tâm tình.

4.

Bật đèn
Đọc lại cổ kinh
Tiếc người đời trước
Thương mình đời sau.

Xưa nay đồn dập hỏi nhau:
— Làm sao thoát được nỗi sầu nhân sinh?

Cổ nhân này đáp:
— Chữ tình
Cởi tâm khỏi bóng xa hình oan khiên
Cổ nhân kia đáp:
— Chữ duyên.
Nhân nha phúc họa. Thản nhiên làm người.

Trả lời
Hỏi lại
Trả lời
Cổ kim còn mãi tiếng đời thở than
Tiếc người xưa đã hoang mang
Thương người nay sẽ bán khoán đi tìm
Ngàn năm trước hỏi vô duyên
Ngàn năm sau đáp chắc huyền hoặc thôi.

5.

Chán đi
Lười đứng
Đã ngồi
Đường phù sinh thấy xa xôi nản lòng.

Ngồi đây
Thử kiểm thông dong
Bỏ ngoài thân xác một dòng thời gian
Ngồi đây
Rán mục tâm can
Mặc cho thế sự đa đoan chuyện người
Ngồi đây
Ẩn núp cuộc đời
Bày tâm tưởng với đất trời ngông ngang.

Mai khi thân thể phai tàn
Chỗ ngồi in dấu vài ngàn phút sau
Mai rồi thiên hạ hỏi nhau:
— Đất khô ai để đóng sào thế kia?

6.

Về ngồi đây
Chốn xưa thường ngồi
Thả cuộc đời hai tay buông xuôi
Tưởng yếm thế sẽ làm hồn bình thản
Nào ngờ đâu lòng áy náy không thôi.

Ngồi càng lâu trí tình càng túng quẫn
Thêm một ngày đời thêm tả tơi
Càng nghĩ ngợi càng không ra lối thoát
Biết làm sao?
Ôi, khó quá làm người!

Tưởng dễ ư?
Bỏ ngày xưa cho cỏ
Chờ tháng năm mọc những nắm mồ xanh.

Tưởng dễ ư?
Giữ hôm nay cho gió
Cầm lỏng tay chờ gió thổi thả bay.

Tưởng dễ ư
Dấu ngày mai dưới tóc
Chờ nắng mưa phút chốc sẽ phai màu.

Ngồi xa thế
Nào dễ gì xuất thế
Thấy xác thân vướng bận cảnh bi hài
Nghe thâm tâm còn đổi thay bất định
Dù là mây cũng không thể nào bay.

Tưởng ngồi yên
Hóa ra nhấp nhồm
Muốn đứng lên
Nào biết phải đi đâu?
Thà quỵ xuống nằm dài như kẻ chết
Giương đứng ngồi đời sống chẳng ra sao.

Sống thế nào mới đúng cách làm người?

Sống thế nào mới vừa được ý trời?

Sống thế nào còn bình an riêng đời?

Sống thế nào?

Sống thế nào?

Hỡi ơi!

ngu yên

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA, CA 91335

Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.

Bác sĩ Điều trị OLIVE View Medical Center

(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)

B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.

Bác sĩ Điều trị OLIVE View Medical Center

(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM

Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

**NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ**

Nguyễn ý Thuần

TẬT NGUYỄN

Vũ bắt đầu mang tật từ năm đệ tam. Sau một cơn bệnh, chân trái không còn phát triển như chân phải. Sự mất cân xứng làm thân thể nó lệch hẳn. Đã vậy chân phải như được hưởng tất cả phần dư thừa của sự dinh dưỡng dành cho chân trái đâm ra to lớn khác thường. Bắp chân phải mập ú, núng nính nọng thịt và mỡ đứng kề chân trái khẳng khiu như anh ba tàu nhà giàu đứng cạnh đứa bé bị còi. Cứ thế, bước đi ngày càng khó khăn, cho đến năm đệ nhị Vũ phải dùng nạng chống.

Dù gia đình sống chật vật, ba má Vũ vẫn cố gắng chạy chữa cho con. Nhưng tất cả bác sĩ đều lắc đầu và cuối cùng Vũ đành chấp nhận sự bất công dành cho mình. Sự bất công biểu hiện trên thân thể bằng hai cây nạng chống để đi vào cuộc đời. Ban đầu Vũ rất buồn và mang mặc cảm khi đứng cạnh bạn bè. Nhưng thời gian này rất ngắn, chỉ độ vài tháng rồi thay bằng thái độ tự nhiên. Vũ đến trường như những ngày chưa mang nạng chống, không một chút ngại ngùng hay mặc cảm. Khoảng cách giữa Vũ với mọi người và ngược lại, giữa mọi người với Vũ biến mất. Hình ảnh Vũ và hai cây nạng chống thành quen thuộc với mọi người. Không còn ánh mắt ái ngại dành cho thằng bạn không may. Và Vũ vui vẻ sống, học hành, đùa giỡn với bạn bè một cách hòa đồng. Ngay cả những cuộc tranh tài về thể thao Vũ cũng là người cổ võ nhiều

nhất. La hét trong từng thái độ vui buồn tùy theo số điểm thắng thua của bạn bè nồng nhiệt như chính mình đang tham dự. Dần dà, đôi nạng chống trở nên một phần thân thể của nó. Tự nhiên như mọc thêm hai chân gỗ. Đã có lần tôi gặp nó mân mê tay cầm bóng loáng một cách yêu thích - như tách rời cặp nạng thì nó không còn là nó nữa.

Chúng tôi chơi với nhau từ năm đệ thất. Tuổi mười hai với những trò nghịch “ăn rơ” làm hai đứa thân nhau thật nhanh. Trường lớp đã buộc hai đứa lại trong các bờ ngõ của mọi học sinh từ tiểu học vừa lên trung học. Ngôi trường Võ Tánh với cái sân rộng thênh thang làm tôi và Vũ cảm thấy lạc lõng. Có thêm một thằng bạn cũng đỡ lắm chứ? Nhất là cùng một rơ nghịch ngợm. Bọn tôi chia nhau từ đĩa đu đủ, bò khô, ly chè đậu đỏ cho đến những bài tập toán và Anh văn. Không gian như thu hẹp lại trong tình bạn từ năm đầu trung học. Hết năm đệ tứ, việc chọn ban để học cũng là quyết định chung của cả hai. Bởi vậy, khi Vũ bị bệnh và mang tật chính tôi lại là người buồn hơn Vũ. Đến độ, có lần Vũ bảo tôi.

- Mày bỏ cái tật săn sóc và nhường nhịn tao đi... Chính những điều đó sẽ làm bọn mình ngày một xa nhau và tao lại mang mặc cảm hơn.

Tôi hơi bối rối trước lời trách móc. Vũ quơ quơ cặp nạng ra trước mặt, nhe răng cười.

- Mày thấy không, người đáng được che chở, bảo vệ phải là mày. Còn tao, tao có đến bốn cái chân để sống trong khi mày chỉ có hai chân.

- Trước thái độ của nó tôi chỉ biết im lặng và cố gắng đối xử thật bình đẳng với nó trong bất cứ một trường hợp nào cũng phải nén lòng thương hại của mình xuống để Vũ được vui lòng. Dần dần tôi quen đi cho đến cuối năm đệ nhị thì thật sự là bình thường. Bình thường đây có nghĩa là đối xử với nhau như ngày còn học trung học đệ nhất cấp. Tôi không còn phải nhường nhịn Vũ, không còn những cái nhìn ái ngại. Thật tình mà nói, đôi lúc tôi còn ghen với nó vì những lợi điểm của hai cây nạng. Chẳng hạn những lần

chen nhau mua vé vào xem phim, hoặc trên một chuyến xe đông khách, hay những sự giúp đỡ của người khác dành cho Vũ .. Nhưng tính trẻ con của đám học sinh miền biển - dù đã học đệ nhị - cũng không làm chúng tôi có khoảng cách nào. Bởi luôn luôn Vũ chia sẻ với tôi những “thắng lợi” có từ đôi nạng. Sau cùng, chính tôi là người được săn sóc, giúp đỡ chứ không phải Vũ. Tôi nhận nhiều hơn cho, ngay cả việc học hành, từng bài tập Anh văn khó nhá dành cho lũ học sinh đệ nhị C được Vũ làm một cách dễ dàng. Và tôi lại càng dễ dàng hơn vì chỉ cần sao y bản chính. Đôi lúc để tránh việc bị bại lộ tôi phải cố tình sửa vài chữ thành sai. Tôi chỉ hơn Vũ một điều: cái xe solex màu đen. Dĩ nhiên! một thằng bốn chân dù thông minh cách mấy cũng không thể chạy xe gắn máy được. Nhất là cái xe nặng chịch với cái máy gắn phía trước.

Chúng tôi bắt đầu lớn sau khi lấy xong phần một. Dù sao cái mác học sinh đệ nhất của một tỉnh không có trường đại học vào lúc bấy giờ cũng là to lắm. Lại là nhất C nên càng to hơn nữa. Kẹp bên nách cuốn sách dày cộm với những trang giấy chỉ chít chữ của Sartre, Camus, Gide, Miller... bọn tôi cứ tưởng mình đã thành một triết gia của thế kỷ. Lầm lì, mặt thộn ra như bị bón kinh niên - mà bón thật, mở chữ nghĩa tối om đó được nhồi nhét vội vã, tham lam khi kiến thức về triết học chỉ nằm trong bốn môn căn bản của đệ nhất C: siêu hình học, tâm lý học, đạo đức học và luận lý học nên không kịp tiêu hóa. Đành phải lầm lì làm mặt nghiêm như đang suy nghĩ một điều gì to lớn lắm trong đầu - Nhưng dù sao bọn tôi vẫn thấy tội nghiệp cho những thằng đang học ban A và B. Cả một thế giới mới mở ra trong khi bọn nó vẫn đánh vật với những lóng xương hay những con số khô khan... Và đám học sinh nhất C độc quyền thao túng mọi sinh hoạt ở trường. Tất nhiên khoản bích báo, đặc san phải dành riêng cho bọn tôi. Vũ lại là thằng có khả năng nhiều trong lãnh vực này. Tờ đặc san Võ Tánh mỗi năm in ba lần: khai trường, tết và bãi trường. Chỉ thế nhưng có chức vụ hẳn hoi. Chủ nhiệm: thầy Lại Phước Hải. Chủ bút: Vũ, và từ tổng thư ký trở xuống thì đám nhất C ôm gần hết hai phần ba. Còn lại chia đều cho thiên hạ.

Đúng ra không phải khơi khơi mà Vũ được làm chủ bút năm đó, trong khi mọi năm là cô Giáng Kiều - phụ trách lớp nhị C -

vấn đảm trách. Chuyện có đầu đuôi, đành hoàng và hợp lý nữa chứ. Khoảng giữa năm đệ nhị cả trường xôn xao vì tin Vũ có thơ... đăng báo! Tôi được xem bài thơ của Vũ được trình bày ở góc phải của tờ báo ngày. Phía trên có chữ thơ viết thảo và hình con nai - chắc nai vàng như tích con nai vàng ngơ ngác của Lưu Trọng Lư - đang ngửa... đầu uống trăng. Cái tên Vũ được đánh dưới bài thơ bằng chữ đậm. Phía dưới là hàng chữ nhấn tin "Bạn Vũ, thơ rất đạt, hy vọng sẽ nhận được sáng tác mới". Chúa ơi! một đại nhật báo cỡ Sài Gòn Mới mà xin thơ của thằng bạn của mình! Bọn tôi nhìn Vũ khác hẳn, bên cạnh có một thiên tài thi ca còn gì hãnh diện hơn. Sau cặp nạng, Vũ nổi tiếng trong trường nhờ bài thơ. Thành quả đạt được là chức chủ bút tờ đặc san của trường. Một chức vụ từ trước đến giờ chưa có một học sinh nào được làm. Lần này cô Kiều bận ở cử, nghỉ dạy và truyền chức lại cho Vũ. "Thanh thế" Vũ bấy giờ "lùng lắt" nhất trường. Bọn nhất C tại tôi chia sẻ niềm hãnh diện đó, cùng đứng... sau lưng Vũ để thực hiện đặc san mùa xuân.

Cái lãng mạn ngây thơ của đám học sinh miền biển đã lớn theo thời gian. Từ năm đệ nhị trong lớp tôi đã có vài thằng có bồ. Lên đệ nhất lại thêm vài thằng nữa nếm mùi yêu. Và song song với chuyện học hành, báo chí thường là chuyện tình yêu. Ngồi kể lể, tâm sự với nhau, những thằng có bồ thường nói với giọng say mê. Sự say mê lan sang những thằng chưa có bồ đến độ đã khối thằng vẽ ra từng cuộc tình tưởng tượng. Sau cùng đứa nào cũng có một mối tình để nói, và mặc nhiên "công nhận" lẫn nhau. Chúa ơi! Phật ơi! Các cô nhỏ của bốn cái trường nữ bao quanh trường Võ Tánh đâu biết đã cùng bọn học sinh nhất C đi vào một... cuộc tình. Đủ cỡ, đủ loại, tùy theo "thẩm mỹ quan" của từng đứa trong bọn tôi, các cô học sinh của bốn trường: Thánh Tâm, Nữ Trung Học, College Francaire, Vinh Sơn đều biến thành người yêu của dân Võ Tánh. Lâu lâu có thằng xé rào, chế ra một người yêu nào đó ở các trường xa hơn một tí như Kim Yến, Đăng Khoa, Bồ Đề... thì cũng được "chấp nhận" một cách dễ dãi. Cứ thế, bọn tôi đều công nhận lẫn nhau về "những mối tình" được kể. Tất nhiên, thằng nào cũng ôm một trái tim đỏ hỏn để lờ thằng khác và để tôn trọng trái tim cũng đỏ hỏn của thằng khác. Bọn tôi cùng nhau yêu, cùng nhau có tình yêu một cách hồn nhiên và bình đẳng. Nhưng giữa sự bình đẳng đó có một điều bất công là chẳng bao

giờ bọn tôi hỏi về tình yêu của Vũ. Cặp nạng chống đã là điều mặc nhiên chấp nhận số phận hẩm hiu. Làm sao nó có thể có một cuộc tình? Đứa nào cũng nghĩ thế mà quên mất một điều: Vũ cũng là một con người có trái tim. Và lại, nó còn là một người biết làm... thơ!

Bọn tôi công nhận Vũ đa tài, nhạy cảm hơn, nhưng không nghĩ Vũ ngang hàng trong tình yêu. Đôi nạng chống kè kè bên nách là một bức tường chặn lại. Phải thế! Bởi trong cái nhìn về Vũ từ mọi người, kể cả những cô gái, đa số đều pha trộn sự thương hại. Mà tình yêu đến trong sự thương hại thì còn gì bí hiểm hơn. Tôi nghĩ Vũ cũng hiểu thế và biểu lộ điều này qua thái độ sống hàng ngày. Mỗi khi bạn bè kể lể, tâm sự về chuyện tình yêu, Vũ chỉ im lặng nghe. Không một nụ cười, không một lời bàn luận, và cũng chẳng bao giờ tỏ ra khó chịu hay bỏ đi chỗ khác. Vũ nghe như những câu chuyện mình không thể đóng góp được. Dần dần sự việc Vũ không thể có tình yêu trong ý nghĩ bọn tôi rõ ràng như cặp nạng trong đời Vũ.

Mùa xuân đến với thành phố biển bằng cơn nắng nhẹ. Trời đất như rộng hơn trong cái lạnh se se làm bọn học trò vừa lớn lãng mạn hơn, lơ ngơ hơn. Cái lãng mạn và lơ ngơ được nhồi vào những bài thơ, đoạn văn bọn tôi đã thức đêm nặn ra. Hầu hết những bài viết cho đặc san đều dính đến tình yêu. Chuyện chiến tranh, đất nước nghe sao xa lạ với lũ học sinh nhất C. Yêu và yêu. Thơ cũng yêu mà văn cũng yêu. Đêm chọn bài để đăng thầy Hải lắc đầu.

- Toàn là yêu với mơ mộng. Chắc phải đổi tên "Đặc san xuân 70" này thành "Đặc san yêu 70".

Vũ mỉm cười, mắt vẫn chúm vào một bản thảo.

- Học trò mà thầy.

- Học trò phải học chữ? Tôi thấy bài nào được được một tí là y như rằng bài đó viết về tình yêu...

- Em cũng nghĩ vậy.

- Sao?

Vũ thả tờ giấy xuống mặt bàn. Nói thản nhiên.

- Mấy thằng chỉ biết học, không biết mơ mộng, không biết yêu thì làm sao làm thơ, viết văn được thầy...

Thầy Hải phá ra cười. Xong, nhìn thẳng vào mắt Vũ.

- Như cậu làm thơ hay từ năm ngoài...

Vũ cúi xuống, từ phía bàn đối diện tôi thấy màu đỏ lan dần đến mang tai nó. Mãi một lúc sau, Vũ mới ngẩng mặt lên.

- Kỳ này em cũng đăng một bài thơ tình.

Câu trả lời làm tôi thật ngạc nhiên vì những điều đã nghĩ về Vũ. Tôi nhìn kỹ mặt nó, màu đỏ lan trên má đã mất. Chỉ còn nước da xanh tái với sợi gân cằn bạnh ra trên mặt. Hệt như Vũ mới làm xong một việc gì với quyết định cuối cùng của nó.

*

“Đặc san xuân 70” của trường trung học Võ Tánh ra đời như một trái bom nổ trong sân trường. Một ngày sau khi phát hành, tất cả số còn lại đều bị thu hồi. Một số đã bị tung ra ngoài và bài thơ của Vũ với hàng chữ “tặng G K, người yêu của tôi” đã được đọc. Dư luận ồn ào xoay quanh việc học trò yêu cô giáo. Thành phố hiền lành, yên tĩnh lâu ngày được dịp khuấy động, nên cái ồn ào lại càng ồn ào hơn. Ngạc nhiên nhất là bọn học sinh lớp nhất C tụi tôi. Ở gần Vũ vậy mà chẳng hiểu “diễn biến tình cảm” của thằng bạn mình. Và tôi, thằng bạn thân nhất của Vũ đã thành mục tiêu để hỏi thăm của đám bạn. Tôi kể thật bọn nó không tin. Tôi im lặng, bọn nó bảo tôi dấu. Sự bực bội làm tôi tìm đến Vũ lúc thầy Hải đang mệt nhoài trong buổi họp hội đồng giáo sư của trường.

Qua những con hẻm nằm phía sau chợ Phương Sài là lối vào

nhà Vũ. Con đường đất hẹp, khoảng ba thước bề ngang, lầy lội và bẩn thỉu chắn giữa hai dãy nhà lụp xụp. Chiều hăm bảy tết mà quang cảnh vẫn buồn thiu. Không khí xuân hình như chưa chịu đến nơi này. Đến cuối con đường, tôi đẩy chiếc solex một cách khó khăn qua đống rác cạnh nhà Vũ. Sự bực bội càng tăng khi hình ảnh tôi nhìn thấy từ Vũ sau khi dựng xe.

Hai chiếc nạng đặt hai bên, Vũ ngồi giữa, trên người vồn vện chiếc quần đùi. Nó thản nhiên nhìn tôi trong khi bàn tay phải xoa xoa trên bắp đùi của cái chân bị tật. Ánh mắt bình thản không lộ một chút ngạc nhiên hay xấu hổ nào khi thấy tôi, như tôi đã nghĩ. Ngay cả gương mặt của nó cũng không thay đổi. Cũng ngắc và trơ trơ như được nặn bằng sáp. Tôi bước nhanh đến trước mặt nó, gần giọng như sắp đánh nhau.

- Mà làm cái gì kỳ vậy?

- Làm cái gì là làm cái gì?

- Bài thơ ở đặc san...

- Bài thơ thì đã sao?

Vũ hỏi lại tôi bằng thái độ bình tĩnh. Bàn tay phải vẫn xoa trên bắp chân.

- Ai cũng nói.

- Ai là ai?

- Tất cả mọi người.

- Kể cả mày?

- Phải.

Tôi thách thức trong bức bội. Vũ từ từ ngược lên, mắt buồn hằm.

- Tao tưởng mày hiểu tao...

Tôi im lặng trước giọng nói gần như khóc của nó. Chúng tôi nhìn nhau rất lâu rồi tôi ngồi xuống - phía trước mặt Vũ - khi nó bắt đầu với âm thanh nhỏ mà đục.

- Mày là bạn thân nhất mà cũng không hiểu tao thì còn trách chi người khác? Dù tao tàn tật nhưng tao vẫn là một con người. Tao vẫn biết rung động, vẫn biết yêu như bọn mày, như tất cả mọi người. Có lẽ tao biết yêu sớm hơn tụi mày nữa là khác. Năm đệ tam tao bị bệnh như mày biết, lúc đầu tao buồn lắm chứ. Đã nhiều lần tao định bỏ học hay tự tử. Đang yên lành đột nhiên thành què chân. Tao nhìn mọi người chung quanh đi đứng mà uất ức. Chỉ âm thầm chịu đựng và chờ dịp là bỏ hết... Đang trong lúc thất vọng thì cô ấy đến. Tao dùng chữ đến hơi kỳ cục chắc mày không hiểu. Là cô giáo hướng dẫn lớp, cô đến thăm tao thường xuyên. An ủi, giúp đỡ, săn sóc và khuyến khích tao ổn định tinh thần - không, phải gọi là quân bình tinh thần mới đúng -. Bấy nhiêu tình cảm của cô ấy nằm trong tình thương của một người lớn dành cho đứa con nít bị tai nạn. Gần hơn là tình thương của một người chị đối với em. Mà hơn thế nữa là một người mẹ cho đứa con...

- Mày hiểu lắm tình thương đó là tình yêu?

Vũ lắc đầu nhìn tôi. Bàn tay thôi không còn xoa trên bắp chân, những ngón tay cong lại, bám lấy phần thịt nhão nhoét như vuốt của một con chim ưng.

- Tao không hiểu lắm tình thương của cô ấy là tình yêu như mày nói. Nhưng từ tình thương của cô ấy tao đã yêu cô ấy. Phải, tao đã yêu cô ấy dù biết chẳng bao giờ được. Tuổi tác, giai cấp... và cả thân thể nữa.

Vũ buông tiếng thở dài. Những ngón tay hằn lên từng sợi gân xanh khi bắp chân nhão bị lồm xuống dưới các đầu ngón tay.

- Tao biết cô ấy có chồng, nhưng tao vẫn yêu. Tình yêu đã làm tao vui vẻ và cố học - lại học giỏi hơn hồi chưa bị tật -. Tao không

hy vọng gì cả. Hạnh phúc của tao, có lẽ chỉ có hai điều, một là làm cho cô ấy thấy tao thay đổi một cách tốt đẹp - từ tình thương của cô ấy - và hai là, từ sự thay đổi này tao sẽ nhận được tình thương tiếp tục. Tao nhấn mạnh tình thương chứ không phải tình yêu. Mà hiểu chứ?

- Tao hiểu.

- Cảm ơn mày. Tuy thế, tao vẫn duy trì ý tưởng đó. Nhưng thỉnh thoảng đến nhà chơi, tao bắt gặp cô ấy ngồi đan áo cho đứa con trong bụng. Tao bắt đầu lo lắng khi thấy tình thương đã bị chia xẻ. Tao để ý và thấy mỗi ngày tình thương dành cho tao như bị ít đi. Cho đến lúc sanh, tao vào thăm, cô ấy nói chuyện vui vẻ với tao. Dù thứ chuyện nào là học hành, nào là thay cô ấy làm chủ bút tờ đặc san... Rồi đến chuyện đời sống của tao, tao thật tình cảm động về việc này. Cảm động đến độ tao lắp bắp nói không được. Lúc ấy tao bắt gặp đôi mắt cô ấy thật dịu dàng. Tao ngẩn ngơ mày ạ. Chỉ muốn kéo dài phút giây đó. Mãi một lúc sau cô ấy nhắc tao về chuyện đời sống với một câu hỏi cho tương lai. Tao giật mình đang định trả lời thì thằng nhỏ mới sinh khóc ré lên. Cô ấy quay sang với con và hình như xem không có tao ở đó. Tao ngồi một lúc lâu, thằng bé nín và thiu thiu ngủ trong tay cô ấy. Tao chờ cô ấy hỏi lại để tao nói. Nhưng cô ấy lặng im. Bàn tay vỗ vỗ lên má đứa bé, và tia mắt cũng dịu dàng như lúc hỏi tao. Nhưng sự dịu dàng đó đã dành cho đứa bé. Thái độ của cô ấy tưởng chừng đã quên hẳn câu chuyện đang nói với tao. Rõ hơn nữa, những điều cô ấy nói với tao lúc này chỉ nói để mà nói cho có chuyện. Tao chợt hiểu tình thương dành cho tao đã chuyển hết sang thằng bé...

Giọng Vũ nhỏ hần và tắt ngang. Tôi cúi người gỡ bàn tay đang bấu trên đùi nó.

- Tao hiểu mày... nhưng nó là đứa con đầu lòng của cô ấy. Và lại mày cũng chỉ là một đứa học trò, cho dù đó là đứa học trò được thương nhất.

Vũ cúi mặt xuống, mái tóc bần thiêu xoa từng lọn phía trước, che hết khuôn mặt.

- Ban đầu tao cố nghĩ như mày, nhưng tâm trạng hụt hẫng làm tao khổ vô cùng. Nuối tiếc tình thương của cô ấy trong từng giấc ngủ. Ao ước được tình thương đó trở lại. Nhưng càng ngày tao càng hiểu, tình thương đó mỗi lúc một loãng đi. Tao đã ghen với thằng bé mới sinh. Tao đã ngấm ngấm có những điều cầu mong rất khốn nạn dành cho nó. Trúng gió hay té đập đầu vào cột chẳng hạn. Nhưng thằng bé vẫn tỉnh bơ và tao vẫn mong ước những điều khốn nạn đó. Cuối cùng tao cố gắng làm cho cô ấy để ý đến tao hơn. Chúa ơi! vô ích mày ạ. Rồi ý nghĩ cô ấy đã quên tao hiện rõ. Tao chuyển sang điều mong ước muốn được cô ấy nhớ đến. Dù chỉ một lần bằng cách này hay cách khác. Muốn nhắc cô ấy nhớ tao đã được cô ấy cho tình thương. Và bài thơ là lần nhắc nhở cuối cùng cho cô ấy nhớ đã thương tao bằng sự thù ghét của cô ấy...

Tôi im lặng buông bàn tay Vũ ra. Trong mắt tôi nó có vẻ kỳ cục - thứ kỳ cục bất thường và không thể hiểu nổi đứa học trò mười bảy tuổi.

- Làm cách nào mày qua mặt được thầy Hải để đăng bài thơ đó?

- Dâu có gì khó. Lúc đưa bản thảo cho thầy Hải, tao dâu có đề câu tặng làm chi? Xong hết, khi đem xuống nhà in để họ sắp chữ tao tìm cách đi một mình. Trên đường đi tao thêm vào...

*

Vũ bỏ học trước khi bị đuổi. Nó ghi danh thí sinh tự do để lấy phần hai. Và trượt. Trừ tôi, mọi người đều ngạc nhiên về điều này. Một học sinh xuất sắc lại hỏng trong khi đề thi quá dễ. Dễ đến độ cả lớp nhất C đều đậu. Dĩ nhiên không kể nó.

Sau lần đó tôi vào Sài Gòn học. Thịnh thoảng ghé về Nha Trang có đến thăm Vũ, nhưng tình bạn hình như mỗi lúc một nhạt đi. Chuyện cũ, dĩ nhiên chẳng đứa nào muốn nhắc nhưng chuyện cũ đã làm chúng tôi khác nhau. Sự cách biệt giữa hai đứa không còn nằm trong vấn đề thân xác nữa mà là nếp suy nghĩ. Bởi

sau lần tâm sự của nó, tôi chợt hiểu thằng bạn của mình đã trở thành một con người bệnh hoạn. Ít nhất về mặt tình cảm. Dù thân, dù thương nhau hơn tất cả đám bạn cùng lớp, khoảng cách giữa chúng tôi đã có. Lại nữa, cuộc sống với những suy nghĩ lớn theo thời gian làm con người ngày càng co lại, thủ thế với chung quanh, nên sự cởi mở lúc thiếu thời đã thành lầm lỗi. Chúng tôi xa nhau dần. Cho đến năm 1972 tôi vào lính theo lệnh tổng động viên. Sự liên lạc mất hẳn từ đó.

Sau tháng tư năm bảy lăm, trước khi đi tù cải tạo tôi nhận được tin Vũ đã đi nước ngoài. Dù sợi giây liên lạc giữa hai đứa chỉ còn những mẩu tin về nhau, tôi vẫn mừng cho thằng bạn thân nhất của những năm trung học. Biết đâu, với nền y học tân tiến của nước ngoài nó sẽ khỏi bệnh.

*

Sau mấy năm lang thang khắp các tiểu bang của Mỹ, tôi đến San José. Mười ba năm từ ngày mất nước đã cho tôi ý nghĩ không nơi nào là nhà của mình. Ngay cả những ngày trốn trại, sống chui nhủi ở Sài Gòn tôi cũng mất hẳn hướng tìm về một nơi chốn ấm yên. Chung quanh tôi, dù vẫn thành phố cũ nhưng sao xa lạ. Tôi đã ngơ ngác kéo dài thêm gần ba năm bằng cảm giác âu lo và luôn luôn đặt mình vào thế chuẩn bị chạy trốn. Mỗi nơi chốn ghé đến không gây một ấn tượng thân quen nào đến độ trở thành quyến luyến. Bà Queo, Ông Tạ, Bảy Hiền, Củ Chi, Xóm Củi... những địa danh loáng thoáng với từng ngày mgẩn ngủi, với từng đêm dài ngoẵng thắp thỏm. Ngay cả căn nhà nằm tại ngã tư Bảy Hiền - nơi có mẹ tôi và gia đình đang sống - cũng thế. Cũng không được gọi là nhà để tôi trở về. Cái thắp thỏm chỉ chực bỏ đi ăn sâu trong đầu. Và theo tôi đến đây - nước Mỹ - xứ sở văn minh và giàu có nhất thế giới.

Thói quen - hãy gọi thế - di chuyển của tôi càng lớn khi qua thời gian đầu bờ ngỡ tại đây. Tất cả những lần di chuyển tôi đều dùng chữ “đến” với một địa danh mới. Đến Twinsfalls, đến Wichita, đến Lincoln, đến Santa Ana, đến... Dù thứ cái đến nhưng chẳng có cái nào để về. Tôi bơ vơ trong ý nghĩ duy nhất: điểm về

là nơi chốn đã bỏ đi lúc đầu tiên.

Năm năm ở Mỹ, vật lộn với đủ thứ nghề và lang thang trên những vùng đất xa lạ tôi đâm ra ngán ngẩm sau khi tiếp xúc với một số cộng đồng tỵ nạn. Hầu hết đều khoác lên người một thứ gì đó - như lớp quần áo giấy - để sống, để khỏi khuấy lẩn vào đám đông. Bằng quá khứ cũng có, bằng chức vụ hay bằng bằng cấp... Nhưng tựu chung chỉ nằm trong vòng thỏa mãn tự ái cá nhân hay khóa lấp mặc cảm. Nói cho cùng, tôi vẫn gặp một số người sống bằng cả tấm lòng. Ở thiểu số này ranh giới giữa suy nghĩ riêng tư và cuộc sống tại đây hoàn toàn cách biệt. Họ âm thầm thực hiện hoài bão. Như những đốm lửa lạc loài trong đêm vắng minh quá mức. Với họ - những đốm lửa nhỏ nhoi đó - điểm ra đi chính là nơi trở về. Tôi đã được an ủi rất nhiều khi gặp họ - nhưng chỉ thế - bởi tất cả đều chờ trong hy vọng. Cái mong manh về việc bám rễ tại một nơi chốn nào đó đã biến mất trong tôi. Đến một nơi mới như tìm lại chút an ủi để sống, tôi đã có ý nghĩ đó sau những nơi vừa qua. Nghề nghiệp cũng vậy, chọn một công việc ổn định không còn là điều cần thiết. Trong ý nghĩ riêng tư, tôi đến đây với cái nghề lạ hoắc: làm báo. Và San José, tại tòa soạn của một tờ báo thương mại đã cho tôi gặp lại Vũ.

Sự ngỡ ngàng trong tôi nhiều hơn Vũ, khi thấy nhau. Cặp nặng đã được vứt bỏ và thẳng bạn cũ vững vàng trong bước đi. Điều mong ước cho nó năm bảy năm đã thành sự thật.

- Mà sang đây bao giờ?

- Hơn năm năm.

- Sao không liên lạc tìm tao?

- Biết mày ở đâu mà liên lạc.

- Nhắn tin trên báo.

- Cả trăm tờ báo vút đầy đường, biết nhắn tờ nào mày sẽ lượm. Hơn nữa có biết mày còn đọc tiếng Việt hay không mà nhắn...

Vũ nhún vai, da mặt bóng hồng với cặp kính trắng làm nó có vẻ chững chạc và trưởng giả. Hình ảnh thằng bạn cũ ngồi xoa cái đùi có tật biến đâu mất. Tôi cố tìm lại những nét cũ trên người nó, nhưng vô ích. Mười ba năm bơ vơ đã làm nó biến dạng. Ít nhất cũng qua bề ngoài tôi nhận được. Vũ mỉm cười khi bắt gặp thái độ của tôi.

- Làm gì nhìn kỹ vậy.

- Mà thay đổi thấy rõ.

- Mà cũng thế.

- Mười ba năm...

- Không bọn mình phải là mười sáu năm. Từ ngày mày vào lính.

Vũ sửa lại con số với sự thân mật. Tôi cảm động vì cử chỉ đó.

- Ừ mười sáu năm.

- Mười sáu năm bao nhiêu chuyện để nói. Mày đi uống nước với tao được chứ?

- Được. Tao làm báo mà.

Tôi gạt đầu, đặt con dao cắt giấy xuống bàn và theo Vũ ra xe. Dọc đường, qua câu chuyện tôi càng mừng cho nó. Vũ đã lấy xong M.S, đang đi làm, đã có gia đình và vẫn quan tâm đến những sinh hoạt của cộng đồng tại đây. Ngoài việc làm tại một hãng điện thoại Vũ còn là phó chủ tịch của hai hội đoàn tỵ nạn. Tôi ngạc nhiên về những chức vụ Vũ đảm nhiệm cùng một lúc, làm sao nó có thể đảm đương nổi. Không phải vấn đề khả năng mà là thời gian. Tôi nói điều này với Vũ, nó cười cười giải thích về công việc hết như những người tôi đã ngán ngẩm khi gặp. Rồi bằng giọng nói đều đều Vũ kể lại cuộc sống trong mười ba năm ở Mỹ. Tất cả đều xuôi xẻ và giản dị như nó nghĩ. Nghĩa là Vũ đã đạt được

những mức đến cần thiết cho một người ty nạn - được hiểu theo một nghĩa nào đó. Nhưng cũng qua câu chuyện và bằng thái độ khi kể chuyện của Vũ tôi chợt hồ nghi. Về tự mãn về những điều đang có của Vũ có một cái gì tạm bợ, không tin tưởng cho lắm. Khác hẳn với ý tưởng quyết liệt - dù đã bị kết án là bệnh hoạn - của lần đăng bài thơ trong đặc san năm bảy mươi. Bệnh hoạn nhưng đầy lạc quan, tin vào việc mình làm. Vũ mạnh khỏe bây giờ như đang thiếu điều đó. Nó lấp liếm trách nhiệm, coi đó không cần thiết bằng những chức vụ đảm nhiệm. Và an tâm để sống tiếp tục.

Chúng tôi ngồi đối diện nhau tại chiếc bàn gần cửa sổ. Bên ngoài khung kính là con đường một chiều với đường rầy xe điện nằm giữa, trải dài mùt mắt. Khung cảnh bên trong và bên ngoài quán vắng tanh. Vũ gạt chiếc lọ hoa trên bàn sang một bên. Một cánh lá xanh rớt trên mặt khăn trải bàn trắng. Sắc xanh nổi bật trên nền trắng như chiếc nhẫn kim cương to tướng nổi bật trên tay Vũ. Tôi móc gói thuốc vớt lên bàn.

- Hút không?

- Không. Tao đã bỏ thuốc từ ngày lấy vợ.

Tôi buột miệng chữ thề một tiếng. Vũ ngạc nhiên nhìn tôi. Tiếng chữ hình như là thứ ngôn ngữ xa lạ mà nó chưa được nghe bao giờ.

- Sao thế?

- Chả sao cả. Tao quen miệng...

Vũ lại nhún vai và ngoắc tay gọi người hầu bàn đến. Xong việc gọi thức ăn, Vũ quay sang tôi.

- Hồi này mày có nói tưởng tao không còn đọc báo tiếng Việt là mày làm. Tao vẫn viết báo.

- Viết báo?

- Phải. Ngay cả tờ báo mà đang làm tao cũng là một biên tập viên.

- Mà ký tên gì?

- Tên thật chứ tên gì.

Tôi ngạc nhiên khi Vũ trả lời. Dù lang thang năm năm trời nhưng những tờ báo đứng đắn vẫn được tôi theo dõi kỹ càng. Chẳng bao giờ thấy có tên Vũ xuất hiện. Đã có lần tôi nghĩ nó thôi không còn viết hoặc giả đang dùng bút hiệu khác.

- Tao chưa được đọc bài mà viết.

Tôi thú thật điều này. Vũ có thoáng thất vọng, nó gõ ngón tay trở xuống mặt bàn làm mặt tỉnh.

- Tao viết rất nhiều...

- Trên tờ nào?

Tôi vô tình hỏi và Vũ kể ra một loạt tên lạ hoắc của những tờ báo biểu vùng này. Lần này tôi thất vọng hoàn toàn. Nhưng trước thằng bạn cũ hơn mười sáu năm gặp lại, tôi không nỡ nói điều mình nghĩ đành phải nói dối.

- Có lẽ tao vừa về hơn tuần, chưa kịp đọc những tờ đó...

- Chắc vậy.

Vũ chợt gạt đầu một cách vui vẻ. Lại thêm một thái độ dễ dàng chấp nhận điều giả dối của người khác để mình an tâm với chính mình khi tự ái được vuốt ve của nó. Tôi nhớ lại câu chuyện nơi thêm nhà của nó năm nào. Thằng Vũ què dám chống lại những điều không mong muốn do cuộc sống đặt lên nó đã thay đổi. Ở đây chỉ là Vũ - một ông Vũ với bộ vét và đuôi cà vạt lụa.

Người hầu bàn quay lại với khay thức ăn. Từ lúc đó, bọn tôi chỉ nói với nhau toàn chuyện trong mười ba năm mất nước. Tưởng

chuyện báo chí được quên nhưng lúc về Vũ lại bảo:

- Tuần sau tao đem những bài viết xuống cho mày đọc.

Tôi gật đầu trong chín phần mười thất vọng vì cái thái độ có còn hơn không của nó. Còn lại một phần mười là hy vọng, tôi nhỏ nhen cất làm đôi. Một nửa tin vào cái tài hoa của nó trong những ngày đi học còn sót lại. Và một nửa vì cảm tình - cũng còn lại - của điều gọi là tha hương ngộ cố nhân.

Nhưng chẳng cần đợi đến một tuần lễ, hai ngày sau Vũ đã quay lại tìm tôi bằng vẻ mặt quan trọng. Lần này nó xách theo một cặp da nhỏ. Trừ cái cặp và bộ quần áo khác màu là điều mới, còn lại từ thái độ, vóc dáng, lời nói đều như hôm đầu gặp.

Sau cái bắt tay, Vũ đưa tôi cái cặp da bằng cùng cách quan trọng.

- Tất cả những bài viết của tao đều nằm trong này.

Đón lấy chiếc cặp da từ tay nó, tôi chợt liên tưởng đến khúc phim găng tơ đã được xem. Hai thằng xếp trao đổi hai cặp da tài liệu và tiền cho nhau. Mẹ kiếp giá mà cái cặp này toàn là tiền thì đỡ cho tôi biết mấy. Ý nghĩ đi xa hơn với những điều mình sẽ làm nếu cặp da này toàn tiền giấy in hình Washington bị chặn lại bởi một xấp giấy đưa ra trước mặt. Người đưa ra vẫn là nó, thằng bạn tật nguyên của những năm đệ nhị cấp.

- Đây là bài quan điểm tao mới viết, mày đọc xong đưa ông chủ bút hộ. Còn cái cặp, cứ từ từ đọc, rồi đưa trả tao.

Tôi gật đầu cầm lấy xấp giấy đặt xuống mặt bàn lay out. Bài viết được in ra từ máy computer nên sạch sẽ và dễ đọc. Phía trên cùng là tựa bài. Một câu thật kêu nhưng rỗng tuếch. Trong tôi cảm giác khó chịu chợt có. Liếc xuống góc phải tờ giấy, tôi ngăn người khi đọc thấy tên Vũ với hai chữ ký sư nằm phía trước. Tôi chợt hiểu thằng bạn này. Ngược lên nhìn Vũ, hình ảnh cũ lại về làm ý nghĩ tôi lung lay. Có thể nó chẳng như vậy. Bằng hết can đảm có từ sự tin tưởng đầy thương yêu của một người bạn dành

cho một người bạn, tôi mở chiếc cặp thật nhanh.

Lôi ra đồng bài được cắt từ những trang báo tôi đọc vội. Thơ có, truyện có, phê bình có, quan điểm có... Vũ đã viết đủ loại. Nhưng điều tôi tìm không phải là điều này. Tôi đã tìm thấy điều đau lòng nhất là sự thất vọng. Tất cả những bài viết đều thông theo một chức vụ trước cái tên. Khi thì học giả, lúc thì giáo sư, lúc thì nhà văn... kỹ sư... Và đau lòng hơn nữa là những điều viết ra đều trái ngược với chức vụ thông theo. Rõ ràng hai thứ chẳng ăn nhập gì với nhau cả. Bỏ một bài phê bình sách được ký tên bởi ông Vũ kỹ sư xuống, tôi lại cầm đúng bài khảo cứu khoa học của ông Vũ nhà văn. Tôi thở dài quay sang Vũ, bộ quần áo đang mặc trên người nó tự nhiên giống hệt bộ quần áo giấy. Bất giác tôi ao ước trước mắt tôi là một thằng Vũ què chân đang mân mê cặp nạng. Để tôi còn hy vọng có ngày nó được chữa lành lặn như tháng tư năm bảy lăm tôi đã hy vọng. Còn bây giờ... Tôi lắc đầu.

- Tao không ngờ.

- Phải mày làm sao ngờ được. Sau khi chữa lành chân, tao vừa đi học, vừa viết lại. Và đây là điều mày thấy. Tao vẫn đóng góp vào văn hóa.

Tôi tránh ánh mắt nó bằng cách cúi xuống. Hai bàn chân tôi đều dấn trong đôi dép nhện mang từ tiểu bang này sang tiểu bang khác trông xa lạ trước hai mũi giày bóng loáng của Vũ. Hai mũi giày quần quanh tại một vùng đất của kẻ tật nguyền danh vọng.

San José 12.10.88

Lưu Đình Vong

Bốn nét chân dung

Lời Toà soạn : Lâu nay bạn đọc vẫn thường trách là bài vở Văn Học thiếu tính chất tươi mát của những bài khôi hài đùa nghịch dí dỏm. Lưu Đình Vong, một bút hiệu khác của nhà thơ Định Nguyên, muốn chữa khuyết điểm này của Văn Học bằng loạt thơ vẽ chân dung những bạn văn quen biết như bài dưới đây. Xin chỉ xem đây là những lời đùa nghịch thân ái giữa làng văn với nhau, và đừng "đặt vấn đề". Lưu Đình Vong tóm tắt tâm sự của mình bằng ba câu thơ như sau:

*Lêu bêu ngày tháng cợt đùa
Đút đầy hai túi chữ thừa để đâu
Chữ thừa ta để rồn nhau.*

1

Rượu chè phải kể tới Mai quân
Lái xế ngài không, tiếng Mèo không
Ngất ngưỡng đi tìm hình bóng cũ
Bàn tay thích đặt chỗ vô cùng

2

Đi mãi trên mây mỗi cảnh chẳng?
Đẹp trai Tà đạo nhất ông Hoàng
Rừng ai châm lửa, rừng mình cháy
Sa mạc nằm queo, Bụi rác ôm.

3

Nắng to cho Đá chảy Mồ hôi
Đội đá làm sao vá được trời
Đi nắng xin ông đừng sợ cảm
Trong lồng chim vẫn hót vang chơi.

4

Chân bon ngựa nắn cứ leo hoài
Đã Mộng làm sao *Giác* ngộ đây?
Bèo giạt về đâu *Mùa biển động*?
Vợ sang e giạt đến chân mây.

5

Đầu năm họ Phạm được lên lon
Nghiem túc thành ra lại khó dòm
Cùm đỏ cùm chân bà xã nạt
Mười ngày du ký sướng hay không?

6

Quanh năm cậu chỉ biết phê người
Tên cậu làm sao Mỹ gọi chơi?
Cũng tại đọc nhiều hay cái cổ
Năm này chúc cậu hết mồ côi.

7

Thần thơ đã chán, viết phê bình
To, *Mạnh*, chắc gì giữ được *Trinh*?
Ai hỏi bao giờ ông cưới vợ
Giả nhời thời *Thế*, *Thế* thời xem.

8

Bê Tê bút hiệu chính là ông
Trúc quý trồng đâu chớ lộn vườn
Nghe nói hay nhìn sao *Bắc đẩu*
Đêm về mơ thấy quạt *Xuân Hương*.

9

Người *Ngu* đâu đã chắc bình *Yên*
Đề tựa bên trong bạn khó khăn
Yên ngủ, *ngu yên*, yên chẳng đặt
Bên trong *đề tựa*, tựa bên trong.

10

Bá Trạc nghĩa là *charge* một trăm
Nghe tên cũng biết bị tiền hành
Đã lâu bệnh rách còn hay hết?
Còn, hết nhà anh vẫn bế *Bồng*

11

Lâu rồi không ngộ kiến *thiền sư*
Diện bích ôm con cảnh thượng thừa
Đi hết đêm hoang trên mặt đất
Đừng quên tã lót đã thay chưa.

12

Long lanh hạt bụi, bụi long lanh
Giọng Huế như chim, khổ các chàng
Ta trót nể tình người họ *Tổ*
Nỡ nào chọc ghẹo gái *Hương giang*.

13

Tên cậu *Nổi lên ngọn gió vàng*
Cũng vào *Quân cảnh* cũng làm quan
Chung qui cũng tại *Ngày N cộng...*
Mới phải suốt ngày tiện với khoan.

14

Cố đô văn sĩ nhậu tùm lum
Nhậu quá thành ra mất sở làm
Trường giới phải vào tu tỉnh lại
Mỗi ngày từ điển đọc vài trang.

15

Cỏ tuyết ban đêm cũng sắc đen
Em điên *xoã tóc* chẳng cuồng điên
Thương anh đôi *Nụ cười tre trúc*
Cởi hết cho xem vẫn rất tình.

16

Tiểu luận theo liền với *Tạp ghi*
Cuộc đời *Phù thể* để tùy nghi
Văn chương lớn quá đầu hay lác
Phiên *phiến* xong thôi bất cứ gì.

17

Viên mãi mà sao bạn chẳng tròn
Dã tràng xe cát bãi *thùy dương*
Dầm chung rượu đắng thêm cay đắng
Lai đảo tiêu sầu *Thủy mộ quan*.

18

Ở đất Houston có triết gia
Ngoài song tường lạnh cậu mê hoa
Ái tình đâu phải như là triết
Nổi loạn Camus cũng sợ bà

19

Suốt đời ai cứ múa như công
Mê đỏ, thương xanh, lại muốn hồng
Lên *chuyến xe* đưa về xóm *Đại*
Giữa đường phơ phất chỉ trắng sông.

20

(Tác giả tự trào)
Ốm nhôm ốm nhách mặt thì đen
Lớn *Mật* nhiều *Xương* chỉ ít tiền
Chọc giận cả làng quê một cục
Là tên nào đó đổ anh em?

Tháng Giêng 1989

Những chữ in nghiêng trong các bài về chân dung dựa vào tên các tác phẩm hoặc tên tác giả bị Lưu Đình Vong trêu. Xin để cho quý bạn đọc đoán tên các tác giả đó. Thứ tự bài thơ rất tùy hứng, nhớ đâu vịnh đấy, không có ý xếp đặt gì. Ai giận vì bị chọc quê thì...rán chịu!

Lưu Đình Vong

Bùi Vĩnh Phúc

***Đêm và ngày, và Phạm Công Thiện, và bốn
mười bảy năm trôi qua trên mặt đất***

** Đọc và nhìn lại Phạm Công Thiện qua "Đi cho hết một đêm hoang
vu trên mặt đất"*

1.

Trước hết là màu đen. Màu đen của khu vườn đêm trĩu những hoa và trái kỳ lạ. Hương thơm của chúng chín như mật ong làm choáng những bước chân. Những bước chân thả hoang vào thiên địa đắm hoang mang. Đi. Đi như một con tàu say. Con tàu hụ vào đêm sương những bước đi chênh choáng của giông gió cuộc đời. Đi. Đi hút vào đêm đen theo một tiếng gọi kỳ lạ như Céline đã đi. *Voyage au bout de la nuit*. Đi vào một mùa Xuân đen, một *printemps noir* (black spring) tàn bạo và ngây ngất thần trí như Henry Miller. Đi cho rách những đêm hoang, những đêm hoang rách rưới nhưng thơ mộng như những bài thơ rách nát rút ra từ đời sống. Những bài thơ như những cánh chim thả vào đêm tối những hải đảo hoang vu của Xuân Hạ Thu Đông. Những cánh chim bỗng lóe hồng theo một dòng mặt trời vừa mọc. Ánh sáng đã ra đời.

Cánh cửa sổ dựng đứng một cây cam, trái vàng cây, trái đỏ lá (...) Một người đang ngồi viết. *Ánh sáng California đang tưới qua trang giấy trắng. Trang giấy trắng nằm trên cái bàn viết; cái bàn viết đứng bốn chân trước mặt cửa sổ có một cây cam say gió mai, sai quả nặng trĩu như ngày hôm nay thơ mộng đầy phù chú hiển hiện từ trời cao đổ giộc trút xuống gian phòng* (trang 13), một gian phòng có cây cam sai trái mọc hồng chân trên khung cửa sổ.

Hình ảnh ban đêm là hình ảnh của tôi. Hình ảnh ban ngày với cây cam sai trái là hình ảnh của Phạm Công Thiện. Cây cam ấy đứng hồng chân trên khung cửa sổ. Và khung cửa sổ mở ra mở vào phát phơ cái đời sống ngút say như khói của Phạm Công Thiện. Khung cửa sổ làm

mở ra trên ba trăm trang sách thơ mộng như những con kiến đi ra đi vào một cái lỗ nhỏ nào đó trên một cành cây mùa Xuân mùa Thu mùa Đông mùa Hạ. Những dòng chữ là những con kiến đen di động và gặt đầu chào nhau giữa cuộc đời. Những dòng chữ nói lên cả một đời người hay là chẳng nói lên một điều gì cả. Điều đó không cần thiết. Cái đáng nhớ là có một sự di động. Từ sự di động đó, mọi thứ gặp gỡ và chào hỏi nhau và tất cả làm ra sự sống.

Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất là một cuốn sách viết về sự sống. Sự sống di động và thở ra thở vào như những lá cây mùa xuân. Đây là một quyển sách Phạm Công Thiện làm ngạc nhiên nhiều người vì tính chất gần gũi với đời sống của nó. Nhưng thật ra, chính là đời sống làm ngạc nhiên. Nó làm ngạc nhiên chúng ta mỗi giây mỗi phút. Chúng ta không ai làm ngạc nhiên ai mà chỉ chứng kiến đời sống làm ngạc nhiên mỗi người và mọi người.

Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất là một cuốn sách mới của Phạm Công Thiện. Không kể một số bài viết không đều đặn của tác giả, có một số nét đặc biệt riêng nhưng không tạo được một hơi thở chung, đã xuất hiện rải rác trên một số báo từ 1975 đến nay (và phần lớn trên nguyệt san *Quê Mẹ* tại Pháp do nhà thơ Thi Vũ chăm sóc), đây là cuốn sách đầu tiên của Phạm Công Thiện, viết "sau 17 năm trời bỏ viết tiếng Việt", với một dòng văn nhất quán, một hơi thở liên tục, được xuất bản tại Hoa Kỳ vào tháng 5, 1988. Cuốn sách gồm 37 chương dài ngắn khác nhau, và một chương kết, được viết bên một cây cam sai trái (trái vàng cây, trái đỏ lá), với hình ảnh xuất hiện nhiều lần của một bầy quạ đen (có vài con trọc đầu) đi chệnh choáng (có khi trượt chân té). Và tiếng lóc cóc của những chiếc xe thổ mộ được dùng làm nhạc đệm. Trong khung cảnh đó, người ta ngửi được mùi thơm (có khi thơm ửng) của những trái cam, người ta thấy được một khoảng trời xanh (có cây cam mọc hồng chân), những con quạ đi đi lại lại (như tìm kiếm một ý nghĩa nào đó của đời sống?), trượt té (bắt gặp chân lý?), người ta nghe thấy tiếng gõ lóc cóc của cuộc đời (cuộc đời trong ta hay cuộc đời ngoài kia?). Và cũng có những khi người ta bắt gặp bóng dáng của một người nữ, một con phượng mái. Một con phượng mái rù rì nhỏ nhẹ thiên thanh. Và những khe nước róc rách chảy. Và những bụi cỏ dại hoang mang phơ phất trong đêm. Rồi có một con quạ làm bộ ho khan dăm tiếng vào đời sống. Tất cả những hình ảnh âm thanh màu sắc hương vị đó trộn lại với nhau làm ra ý nghĩ của cuộc đời. Ngửi một mùi thơm, người ta nhớ lại bao nhiêu cảnh đời đã sống, bao nhiêu xuân xanh đã vụt qua, bao nhiêu mộng tưởng đã bay thành khói chiều. Và những con người, những quyển sách, những ngày tháng đã đi qua, những nơi chốn đã trở thành ký ức, những rượu mạnh của tuổi trẻ, những nhiệt hứng của những ngày chân đạp trên gió sớm để bước vào đời, tất cả những mùi vị những trái cây những rượu ngon của cuộc đời đó bỗng bây giờ trở lại khi người

ta hơn bốn mươi bảy tuổi, người ta ngồi trên bên khung cửa sổ nhìn cây cam sai trái và những con quạ trọc đầu trượt chân té lên té xuống và tiếng lóc cóc của những con ngựa gõ vào trí nhớ. Người ta ngồi và viết ra những con kiến nhỏ của cuộc đời. Những con kiến đi vào mọi thứ ngõ ngách, mọi thứ lỗ hổng của đời sống. Những con kiến hồn nhiên, vui tươi, u tối, mệt mỏi, ngạo mạn, tự chế, tự phúng, tự hào, tự mãn, tự ái, tự kiêu, tự hạ, tự tri, tự túc. Những con kiến hay có ý nghĩ tự tử nhưng luôn luôn tự triển hạn. Những con kiến, cũng như những dòng chữ kia, chưa muốn tự xóa. Chúng vẫn còn tiếp tục muốn đi trên những cành cây xuân hạ thu đông của cuộc đời. Đi, như là một hành động để tìm kiếm ý nghĩa đích thực của sự sống.

Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất có một dịp thở khác với những nhịp thở mà Phạm Công Thiện đã thở ra thở vô (đôi khi thở mạnh, thở gấp tạo thành những cơn ho vào đời sống; hoặc đôi khi chỉ là những tiếng ho khan cho vui) trong suốt cuộc đời của ông. Đây là hơi thở dịu dàng khỏe mạnh có pha mùi chénh choáng thơ mộng đáng yêu của một người vừa uống xong một ly rượu nho. Hay chính hẳn là một ly rượu nho, ai biết? Một ly rượu nho màu đỏ bordeaux có mùi vị say sưa mềm mại của nắng thơm màu hổ phách, có mùi gió biển ngất ngây của những hải ngân xa xôi, có những đêm sâu ử mùi nguyệt bạch, và có mặt trời (nếu mặt trời có thực) quay lông lóc theo vòng thiên địa. Uống một hớp rượu ấy vào người, nếu người ta đang yêu đời, đang yêu những cây trái trần gian, người ta sẽ thấy là đời có thêm vị ngọt. Nhưng nếu người ta đang chán nản, mệt mỏi, và đang muốn chấm dứt một sự di động hay những sự di động, người ta sẽ dễ bị cái hớp rượu kia làm hoang mang thần trí và, vì thế, có thể càng làm cho người ta thấy mông lung hơn khi người ta đang muốn tìm một chỗ để bám víu vào đời sống.

Đây là cuốn sách mà, tôi nghĩ, tác giả tự phơi bày mình một cách chân thật nhất so với tất cả những cuốn sách mà ông đã viết. Phạm Công Thiện của tuổi mười chín, hai mươi và những năm trong tuổi hai mươi có cái say, cái bốc, cái hào, cái ngông, cái sáng của một người tuổi trẻ. Một người tuổi trẻ từng nhiều lần nhận mình là thiên tài. Tất cả những nét sắc cạnh, bùng bốc ấy như một ngọn lửa cháy. Bền và sắc và bùng và như có lân tinh. Nó đẹp và dễ làm cho tuổi trẻ say mê. Cùng lúc, nó như có tính cách phá hủy. Mà không phá hủy sao được khi người ta hai mươi tuổi, khi bốn trời thì hoang tàn lửa khói mà người cứu chữa thì hầu như chẳng có một ai. Phá hủy (nếu có thể nói được như vậy), chỉ là một lối tự biểu hiện khả năng tự tồn, tự cứu trước cuộc đời hoang tàn khói lửa. Có khi người ta phải đốt cả một cánh rừng để chặn một cơn bão lửa đang tràn đến. Trong ý thức, người ta đốt. Trong vô thức, người ta đốt. Hành động đốt, làm bốc lửa ấy, ý thức hay không ý thức, biết hay không biết, nhiều khi chỉ là một phản ứng của đời sống vào chính đời sống. Con người chỉ là kẻ

chứng kiến sự phản ứng ấy mà thôi. Tôi yêu những ngọn lửa cháy vì tôi hiểu chính chúng là những phản ứng của cuộc đời đối với chính nó. Chính những ngọn lửa làm đời sống tiếp tục đổi mới và sinh thành. Nhưng tiếng lửa nổ, sự cháy, sự nóng và sự sáng hung hãn có thể làm nhiều người không thích. Sự phản ứng của họ trước ngọn lửa lại là một phản ứng khác của cuộc đời với chính cuộc đời. Và phản ứng ấy cũng góp phần tạo nên đời sống theo nghĩa biện chứng của nó.

Phạm Công Thiện tuổi của những năm cuối bốn mươi không phải là một ngọn lửa cháy trong một môi trường vật lý và làm tạo ra những tác dụng có tính cách vật lý như sự nổ, hơi nóng, sự sáng và, có thể, sức đốt, sức phá hủy. Tôi nghĩ không phải ông không còn khả năng để tiếp tục sống-một-sự-cháy-vật-lý, một sự cháy nhiều lúc cho thấy có sự nhẩy múa của những tia lửa, những ánh lửa. Một sự nhẩy múa làm nhiều khi người ta tưởng rằng ngọn lửa không có thực (như cái mặt trời choáng váng thiên địa kia). Tôi nghĩ ông đã (hoặc đang muốn) bắt tay chào biệt với sự cháy ấy. Cái làm cho nóng, cháy, say sưa, bùng bốc người khác, bây giờ, trong chữ viết và ý tưởng của Phạm Công Thiện, là cái mềm mại chênh choáng ấm nóng của nắng, của gió, của những hải ngạn xa xôi, là cái hung bạo ngọt ngào của những mùa đêm ủ sâu mùi nguyệt bạch. Đó là cái hớp rượu, cái sự cháy làm nóng lên lồng ngực, là cái chênh choáng ngất ngư bốc người ta bay lên, đẩy người ta đi mãi vào những đêm dài vô tận của chữ nghĩa, văn chương và của những hồi tưởng réo gọi ôm vẫy quấn quít.

Cả cuốn sách *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* của Phạm Công Thiện là một hơi rượu dài, làm choáng váng ngất ngậy thần trí trong những hồi tưởng liên tiếp miên man như một cơn mộng chưa muốn bay thoát về trời. Đó là một tiếng chuông đánh mãi vào trong những giấc mơ của đời sống, làm lên men tất cả những mộng tưởng xa và gần của một người (hay của những người) lúc nào cũng thấy cháy bập bùng trong quả tim mình những ánh lửa trần gian. Đây là cuốn sách của một kẻ thơ mộng muốn đi ngược về những khoảng trời mây trắng cũ, và muốn đi xuôi, đi tới về những nẻo đường trần gian ít ai chịu lai vãng. Có phải vì thế mà, nhiều khi, thi sĩ chính là những kẻ chịu nhận kiếp lưu đày. Phải thế không, hỡi kẻ thi sĩ kia?

2.

Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất có cái chủ đề quán xuyên (motif) là hình ảnh của cây cam sai trái mọc hồng chân trên cái cửa sổ mở ra những tiếng lóc cóc của cuộc đời, là những con quạ trọc đầu đi té lên té xuống hết từ trang sách này qua trang sách khác (thử đếm một ít trang: 22, 23, 24, 25, 49, 82, 105, 119, 260...), là con phượng mái hóa thành cô con gái Huế đi làm năm ngày một tuần từ sáu giờ sáng đến bốn giờ chiều để cho một con quạ ngồi ở nhà họ phát phơ vào đời

sống, là trí nhớ đan diu với đời sống lãng mạn biến ra những cuộc mộng du vòng quanh trái đất và vòng quanh văn chương chữ nghĩa của con người. Những hình ảnh vừa nói, làm nên cái *nhạc tổ* kỳ lạ này trong cuốn sách (như một thứ trường khúc) của Phạm Công Thiện, đã giống như những ánh lửa ngọt ngào mê muội cháy lóe lên và cứ bập bùng đầu đó, như thế, trong suốt cuộc du hành của tác giả vào trong lòng đêm tối hoang vu kia. Những con quạ, và những bước chân trật té của chúng, và tiếng kêu khô giọng ngấn sắc của chúng vào trong cái không gian yên tĩnh của ban mai, sự lập đi lập lại hình ảnh những con quạ thơ mộng huyền bí làm ta bỗng nhớ đến những con quạ đầu đen và những con chim gõ mõ nổi tiếng của Carl Sandburg (1878-1967) trong bài *Những con đường sông nước*:

Hãy cứ để cho lũ quạ bay qua với những tiếng kêu quạ quạ của chúng

Chúng đã bơi qua những đêm tối mịt mùng của những mỏ than đầu đó mờ hồ

Hãy cứ để cho chúng kêu lên những tiếng quạ quạ hoang vu

Hãy cứ để cho con chim gõ kiến mổ bung bung vào gốc cây hồ đào

Nó đã bơi qua những hồ đỏ những hồ xanh đầu đó cả những trăm năm

Và màu xanh đã bay lên cánh nó, còn màu đỏ thì bay lên đầu

Hãy cứ để cho cái đầu đỏ kia đập hoài những tiếng bung bung

.....

(River Roads, BVP tạm dịch)

Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất, theo tôi, có một giọng văn, một hơi văn vừa hiền ngang, đầy sinh lực và ngổ ngáo của Henry Miller trong *Printemps noir* (*Mùa Xuân đen*), lại vừa có cái hơi thở say sưa, mộng mị và cái sức cuốn hút vào một thứ chiều sâu không đáy của đêm dài kỳ bí trong *Voyage au bout de la nuit* (tạm dịch, *Du hành vào đêm tối không cùng*) của Céline. Nó lại có cái giọng tự thuật, tự quán chiếu hết sức thơ mộng và đắm đuối và bùng nhụy đơm hoa của Rainer Maria Rilke trong *The Notebooks of Malte Laurids Brigge* (*Hồi ký của Malte Laurids Brigge*). Cái chất thơ mộng rất Rilke khi nhìn vào đời sống ấy đã được Phạm Công Thiện thở ra khi ông viết *Mặt trời không bao giờ có thực* khoảng hai mươi năm trước. Với những men nồng và ngây ngất vừa kể, cộng với một sắc thái đặc biệt rất riêng tư, rất Việt Nam, rất Phạm Công Thiện, *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* cho thấy Phạm Công Thiện với một hơi thở mãnh liệt hơn, thơ mộng hơn, và đắm đuối say sưa, hồn nhiên, thông minh, đáng mến... hơn Phạm Công Thiện ở những cuốn sách của một hai thập niên trước... Ngọn lửa bây giờ đã cháy đẫm, cháy ngọt. Và nhiều khi, cùng với sức nóng mềm mại ấm áp của ngọn lửa mà người ta cảm thấy nó để lại trên da thịt mình, người ta còn ngửi thấy, trong ngọn lửa, mùi thơm hoang đại ngất ngây của gió đời. Trong mùi thơm

trộn lẫn của gió đời và lửa ấm ấy, người ta ngửi được mùi của những bến tàu ướt lạnh trong đêm, những náo nức của từng ban mai bùng nhụy nơi những thành phố gió (những thành phố cũ mà người ta đã đi qua và đã để rơi lại trong ký ức vẩn vơ của người ta), những hiu quạnh thiết tha của đời sống đã từng nắm lấy và quấn chặt trái tim người ta bằng những sợi dây dịu dàng điều đứng...

Có người có thể cho rằng Phạm Công Thiện sẽ không thể viết được nếu ông không đụng vào một tác giả, một cuốn sách, một tư tưởng nào đó của một người nào đó, và tất cả những điều này kéo ông đi mãi vào những suy nghĩ chằng chịt của chính mình. Điều này, nhìn ở một góc cạnh nào đó, có thể đúng. Sức đọc của Phạm Công Thiện mạnh, sức nhạy cảm và rung động cũng như tấm lòng thiết tha muốn chia sẻ nơi ông quá mãnh liệt và quá sắc. Chính cái bản chất đó, ngọn lửa đó nơi con người ông đã làm cho ông đi (và dẫn chúng ta đi) vào cuộc du hành của chữ nghĩa và ý tưởng.

Nhưng, tất cả văn chương, tư tưởng, triết lý, suy nghĩ, mộng mị... của con người đã chẳng là một sự *đụng chạm, đụng vào, đụng đến*... đó sao? Sẽ không có một quyển sách nào ra đời nếu, trước đó, tác giả của nó đã không đụng vào một dòng chữ, một suy nghĩ nào đó của một người nào đó sống trước ông ta hoặc cùng thời với ông ta. Sẽ chẳng có một quyển sách nào ra đời nếu, trước đó, tác giả của nó đã không đụng vào một kinh nghiệm sống riêng tư của ông ta như một con người trong cuộc đời. Một con người sống thật trong cuộc đời là một con người sẵn sàng đứng giữa để cho mọi thứ chung quanh đụng chạm vào mình. Đó cũng là một con người không hề sợ sệt khi phải *đụng chạm*, sờ mó vào mọi thứ quanh mình để có thể rung động, khóc cười, đau khổ, hạnh phúc, hèn yếu, mạnh mẽ, hiền ngang, bi thiết... và sống một cách đích thực. Marcel Proust đụng vào tách trà, và thế là hơn hai ngàn trang sách được bôi đen kịt kia trở thành một kiệt tác của nhân loại. Cả một cuộc đời sống dậy. Ngôi làng xa xưa cùng với nhà cửa cây cối vườn tược con người chim chóc hoa lá mặt trời dần dần nở lại như những màu nhiệm của đời sống được tái hiện, được sống lại một lần nữa, trong cõi thời gian xa lác kia. Tolstoy đụng vào lịch sử, đụng vào con người, và mấy ngàn trang sách *Chiến tranh và Hòa bình* mở ra. Mở ra cùng với nó là đời sống hồi hồi nhiều mặt của con người muôn thuở và muôn nơi; là ý nghĩa của sự sống, của cái chết con người; là những tình cảm tế vi nhất của con người trong mọi sắc độ, mọi gam màu của nó. Anais Nin đụng vào cuộc sống và mấy ngàn trang sách của tám cuốn nhật ký (với những rung động, những nhận xét sâu sắc, đầy tình khai thị về đời sống, về giá trị của đời sống, về thẩm mỹ của đời sống) ra đời. Có thể nói nhật ký của Anais Nin là một trong vài cuốn nhật ký có giá trị văn chương nhất của con người hiện đại.

Phạm Công Thiện đã *đụng chạm*, đã sờ mó vào những tư tưởng,

những chữ nghĩa thơ mộng thấm thiết đầy sức cuốn hút kỳ diệu của văn chương nhân loại. Nhiều người đã nhìn Phạm Công Thiện như một triết gia. Và họ có cái lý của họ. Chính Phạm Công Thiện, trong một giai đoạn nào đó của đời sống, hay trong những góc cạnh nào đó của đời sống, cũng đã để hé lộ và hiển lộ ra cái cách thể hiện sinh này của mình. (*Hiển* hay *hé* đều là những dụng ý của Phạm Công Thiện, và chính là chắp vào những cái dụng ý này, người ta đã khen hoặc chê Phạm Công Thiện hết lời). Đối với tôi, tôi không nghĩ ông là một triết gia (theo thể điệu triết lý của Parménide chứ không phải theo nhịp suy tư của Héraclite) mặc dù chắc chắn ông cũng là một người yêu mê triết và đã từng ăn nằm với triết. Cả Đông lẫn Tây. Nếu hỏi, “Phạm Công Thiện LÀ gì?” thì câu trả lời vẫn gọn “LÀ triết gia”, nhìn theo lối lý giải của Héraclite, thì sự hiện sinh *như là* một triết gia ấy của Phạm Công Thiện là một *dịch thể*. Nhưng nếu nhìn theo nhịp thở của Parménide, thì sự hiện sinh ấy là một *thường thể* (là *thể tính*). Vậy, tùy theo cách nhìn *dịch* hay *thường*, ta sẽ thấy Phạm Công Thiện có là triết gia hay không. Thật ra, hai nhịp nhảy của Héraclite và Parménide cũng chỉ giống như hai nhịp đập của trái tim mà thôi. *Thường* hay *dịch* thì cũng trở về với Anaximandre, nghĩa là trở về với *Tính* (Song thể-dịch và thường-nằm trong *Tính nghĩa*).

Để trở lại với Phạm Công Thiện, tôi muốn nhìn ông như một nhà văn, một nhà thơ (hết sức *cuồn cuộn* và *phá vỡ* và *thơ mộng* và *đắm đuối* và *thiết tha*) theo cái nhìn *thường thể* của Parménide. *Thể tính* hay *thường thể* của con người Phạm Công Thiện chính yếu nằm trong năm tính từ chỉ định vừa kể (thêm nữa cũng được, nhưng cũng chỉ đan díu vào đó mà thôi). Còn con người triết gia của ông, theo nhịp nhảy của Héraclite, theo tôi, là *dịch thể*. Cái thể này thay đổi, biến hóa, và, tôi nghĩ, không phải là cái phần hồn thật sự của Phạm Công Thiện, mặc dù nó cũng là ông theo một nhịp nhảy múa nào đó như vừa phân tích. Qua *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất*, Phạm Công Thiện đã sống hết con người của ông, chính yếu, như một nhà thơ, một nhà văn. Dĩ nhiên, ta không thấy thiếu những suy tư có tính triết lý được bóp vụn ra như thủy tinh (hay như lân tinh?) chiếu sáng lấp lánh chập chờn quyền rũ trong suốt cuộc hành trình *vào* (hay *qua*?) đêm tối của ông. Nhưng tất cả những suy tư ấy đều được diễn ra bằng một hơi thở của *Thơ*, bằng một cái nhìn thơ mộng lãng mạn tha thiết đắm đuối hồn nhiên mở mắt vào đời. Chính cái đặc tính kỳ lạ này nơi quyển sách của Phạm Công Thiện đã khiến cho bài viết của tôi không thể trở thành một bài phê bình theo đúng nghĩa và theo đúng thể của nó. Làm sao người ta có thể phân tích và phê bình một cặp mắt (và một tâm hồn) thơ mộng đắm đuối thiết tha lãng mạn hồn nhiên chan chứa nhìn vào cuộc đời. Có thể nói Phạm Công Thiện đã bỏ cả đời để yêu thương chan chứa lãng mạn hồn nhiên (và cũng có những lúc ngây thơ) với cuộc đời như thế. Điều đó đáng yêu chứ. Và điều đó đã

thể hiện hết sức rõ rệt qua quyển sách này.

Tôi yêu biết bao cái hình ảnh của thanh niên Phạm Công Thiện, của chàng thi sĩ mơ mộng 23, 24 tuổi ngày nào cùng với người bạn trẻ trạc tuổi, Eduardo Zalamea — một thi sĩ Mỹ châu La tinh — đi lang thang trong khu phố Greenwich Village tại thành phố New York để bán những bài thơ mình làm trong các quán cà phê từ công trường Washington Square đến Sheridan Square. Ôi, mỗi bài thơ bán chỉ có một dollar cốt đủ tiền để mua sữa tươi và gà nướng ăn qua đêm. Vậy mà nhiều lúc không ai thèm mua thơ, để hai kẻ đăm đúi thơ mộng phải ngồi run lạnh dưới đèn đường. Và rồi *hai thằng bán thơ bước đi lấy lợi trong những con đường khuya tuyết rã!* (trang 127)

Tôi cũng yêu những câu thơ của các thi sĩ Châu Mỹ La Tinh được Phạm Công Thiện trích dẫn và dịch ra. Đọc những câu thơ, những bài thơ này, tự nhiên trái tim tôi nhói đau như khi mình bất chợt đụng chạm vào những hạnh phúc mỏng manh xa xăm vời vợi. Những bài thơ mình đã đọc trong những đêm tuổi trẻ nào của quá khứ đã mịt mùng, của quê nhà đã trùng trùng chia cách, bây giờ, bất chợt sống lại. Những bài thơ mình đã đọc trong những đêm tối gió thổi và mưa rơi lác rác trên sân thượng của căn nhà cũ và mùi hoa ngọc lan lẫn hoa huệ trắng cùng đủ loại hoa đại phất phơ và tha thiết trong bóng tối của tuổi mười tám, hai mươi, bây giờ, cũng như những đóa hoa, lại khe khẽ mở nhẹ từng cánh nõn nà sương đêm. Ôi, những bài thơ đã làm cho ta nhói đau. Trái tim, trái tim như một mặt hồ vỡ ánh trăng non xanh mướt. Nó rung lên, vỡ ra dịu dàng chan chứa, cùng với những bài thơ. Hãy đọc lại Federico García Lorca. *Xanh lá cây, ta muốn em xanh lá cây. Con gió xanh lá cây. Cành cây xanh xanh. Con thuyền trên biển và con ngựa trên đỉnh non cao...* (*Verde que te quiero verde. / Verde viento. Verde ramas. / El barco sobre la mar / y el caballo en la montaña...*) (Rong khúc mộng du / Somnambule Ballad). Phạm Công Thiện chỉ trích dẫn ngắn ấy câu thơ của bài thơ này và tôi đã không thể không lấy tuyển tập thơ của Lorca (*The Selected Poems of Federico García Lorca*) ra để đọc lại và để nhớ, để mộng về những ngày tuổi trẻ hoang dại của mình. Bài thơ vừa trích, rất dài và rất thơ mộng bi thiết, có thể nói là một trong những bài thơ hay nhất của Lorca. Hãy đọc thêm vài câu nữa. *Vời bóng mờ ngang eo. Nàng đứng mơ mộng trên ban công. Da thịt nàng xanh mướt và tóc nàng xanh xanh. Và đôi mắt thì màu bạc lạnh. Xanh lá cây, ta muốn em xanh lá cây. Dưới ánh trăng gipsy lang bạc, mọi vật đều nhìn ngấm nàng. Nhưng nàng chẳng thể thấy chúng...* (*Con la sombra en la cintura / ella suena en su baranda, / Verde carne, pelo verde, / con ojos de fría plata / Verde que te quiero verde. / Bajo la luna gitana, / las cosas están mirando / y ella no puede mirarlas...*) Cuối cùng, vì cuộc tình nào mà nàng chết? Một trụ băng làm bằng ánh trăng lạnh giá đã nâng thân mình nàng lên khỏi mặt nước. Đêm trở nên thân mật vỗ về như

một hình vuông nhỏ...Em ơi, *xanh lá cây, ta muốn em xanh lá cây.*

Tôi cũng rất yêu những đoạn Phạm Công Thiện nói về chữ nghĩa Việt Nam (chương 17, trang 151), về cô con gái Huế, về con phượng mái rù rì nhỏ nhẹ thiên thanh (ở nhiều chỗ), về sách vở chữ nghĩa nói chung (trang 70), về thi sĩ (trang 71, 72)...Có rất nhiều đoạn đáng yêu trong cuốn sách, và đoạn này lôi kéo hồng bẽ đan díu với đoạn kia khiến cuốn sách trở thành một sự liên tưởng thơ mộng kéo dài chẳng chịt miên man vào đêm tối của trí nhớ hoang vu. Có một chương (chương 32, trang 279), Phạm Công Thiện chỉ viết toàn những câu 4 chữ (chừng hơn 200 câu) mà kể được gần hết cái đời sống tịch mịch hồng và náo loạn của mình. Chương này, cùng với chương 8 (trang 75) là chương Phạm Công Thiện chỉ đặt những câu hỏi *Tại sao?* (chừng vài trăm câu hỏi thơ mộng và bùng vỡ), đã nói được hết cả cuộc đời, con người, và nỗi đam mê của chính tác giả. Đây là hai chương kỳ dị nhưng rất nên thơ và đầy tính phá phách, nghịch ngợm của họ Phạm.

Ngoài ra, chương sách nói về miền quê Mỹ Tho, nơi tác giả sinh trưởng (chương 23, trang 201) cũng là một chương hết sức đáng yêu. Mỹ Tho, với tất cả những đáng vẻ hồn hậu và thơ mộng của nó, được vẽ lại chen kẽ với những suy tư đầy tính lang thang và triết lý và đắm đuối thiết tha của Phạm Công Thiện. Trong đoạn này, có một câu tả cầu tàu Mỹ Tho rất đẹp. Và buồn, thật buồn. *Có những buổi chiều, cầu tàu Mỹ Tho vắng bóng người, trời đỏ hồng bên kia cù lao Rồng, nó ngồi đọc Leopardi, "Bây giờ mi có thể an nghỉ vĩnh viễn, hơi trái tim mệt mỏi của ta. Áo vụng cuối cùng đã chết...An nghỉ vĩnh viễn đi. Mi đã thôi thóp nhiều rồi(...)"*

Đoạn quê nhà Mỹ Tho sông nước này làm tôi nhớ đến lá thư của một người bạn văn nghệ tài hoa (mà tôi tình cờ quen biết trong một cuộc lũ hết sức bất ngờ). Người bạn ở Mỹ mười mấy năm mà vẫn chỉ dang dặc một nỗi nhớ nhà. Trong thư gửi cho bạn, kể chuyện đi thăm vườn cây cảnh quốc gia National Arboretum ở Washington D.C., bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông, ở đoạn mùa Hạ, chàng viết:

(...) Có năm tôi thấy trồng một giò huệ trắng nõn, đẹp và thơm như mùi thơm năm xưa vào những ngày rằm có cúng giỗ. Tất cả kỷ niệm cũ xô đẩy trở về qua mùi hương bông huệ trắng; nước mắt bỗng chảy ngược trở lại trong lòng. Trời nóng mà phải lau mặt bằng nước mát khô của ngày cũ. Năm sau, cũng vào một ngày Hè, tôi trở lại tìm giò huệ mọc chỗ này năm ngoái. Huệ cũ không thấy, mắt rần tìm chỉ thấy một đieu hiu. Đieu hiu ta hãy một đieu hiu. Ngày xưa tôi đã đi khắp xứ Mỹ và không thấy đâu trồng bông Huệ. Chẳng biết bây giờ ở California / Florida đã có người Việt nào gây giống trồng bông huệ chưa? Có những mùi hương hay làm rộn trí nhớ như hương của mái tóc gội bồ kết hay xức dầu dừa, hương của mùi mồ hôi chất mái trên chiếc áo gối nhồi bông gòn, của hơi thở một thiếu nữ ngồi cùng

chuyển đồ chạt, ngang trên nhánh sông ở Sa Đéc, vào ngày lộng gió. Tay nàng cầm một bó huệ trắng.(...) (Phạm Hiếu, thư riêng, viết vào những ngày đầu Xuân 1988 khi hoa kim hương vàng bắt đầu nở.)

3.

Để kết luận bài viết về Phạm Công Thiện, một phần nào dựa vào cuốn sách mới ra *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* của tác giả, tôi muốn nói, trước hết, rằng, Phạm Công Thiện là một nhà thơ, một nhà thơ với đúng nghĩa thơ mộng đẹp đẽ và đáng yêu đáng mến của danh vị này. Dù viết lách ở lãnh vực nào, qua chữ nghĩa và cách diễn tả, Phạm Công Thiện, như tôi nhìn thấy, vẫn nổi bật và đẹp nhất như một nhà thơ trọn nghĩa. Đây là một người Việt Nam đã từng ăn nằm với chữ nghĩa một cách hết sức chung thủy mà tôi được biết, và bởi thế, Phạm Công Thiện, theo cách nhìn của tôi, là một trong ít người sử dụng chữ nghĩa Việt một cách tinh tế, sâu sắc và hết sức điêu luyện. Ông có viết trong quyển sách là ông đang học lại tiếng Việt. Một cách nào đó, điều này đúng. Chỉ có những người luôn luôn tìm tòi, học hỏi, học mãi mới có thể làm tinh tế cái nghệ thuật mà họ theo đuổi. Tôi nghĩ Phạm Công Thiện đã coi chữ nghĩa nói chung và, đặc biệt, chữ nghĩa Việt Nam nói riêng là một nghệ thuật để ông trau dồi suốt đời. Bởi thế, tôi không lấy làm lạ khi nhận ra rằng ông có tài dùng chữ Việt Nam một cách tuyệt diệu. Hãy nhìn lại điều đó trong tất cả những cuốn sách mà ông đã viết. Chính điều này làm cho tôi yêu mến Phạm Công Thiện hơn bất cứ một điều nào khác nơi con người của ông.

Cuốn sách, không kể một vài thay đổi nhỏ trong hướng nhìn triết lý của tác giả *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* (chẳng hạn trong nhịp suy tư của tác giả về “Hư vô chủ nghĩa” khi cho nó nhập cuộc với đời sống thiết thân trong giai đoạn hiện tại của chính mình. Có giống như Hemingway trước và sau *For Whom the bell tolls?*, tác giả vẫn cho người đọc thấy một Phạm Công Thiện đắm đuối, thiết tha và bùng vỡ. Tuy nhiên, tất cả những tính chất này đã được làm cho lên men (làm dậy lên và say ngất và mềm ngọt đi) sau 47 năm tác giả đã tự để mình trôi qua trên mặt đất. Dùng đại danh từ “nó” suốt cuốn sách để nói về mình, tác giả như đã dự định làm một cuộc “tự xóa” qua một lối nhảy lui từ ngôi thứ nhất xuống...ngôi thứ ba(!). Hay đấy chỉ là một lối nhảy lui hai bước để nhảy tới ba bước khác theo một thứ tu từ pháp mới? Có những đoạn tác giả đã tự cất vấn chính thái độ sống của mình bằng một cái nhìn phúng thích có tính cách tự trào. Sự cất vấn này, dù ở mức độ nào, sắc thái nào, dù được vẽ với gam màu nào, hoặc có khi chỉ là một sự ngụ luận, ngụ trào đi chẳng nữa, cũng đã cho thấy một Phạm Công Thiện thiết tha và dịu dàng, hiểu biết với mình với người hơn. Tôi thật sự cảm thấy ông đáng yêu nhiều sau khi

tôi buông quyển sách xuống. Quyển sách ông viết vào năm bốn mươi bảy tuổi.

Bốn mươi bảy năm như khói chiều trôi qua lãng đãng. Còn lại, chỉ là một dòng mây tha thiết phất phơ. Chớ hỏi đám mây kia sẽ trôi về đâu. Hãy để lòng ta trôi xa đi cùng mây trắng, rồi, một mai, rơi xuống muôn nẻo đời xa lạ, gặp gỡ chạm mặt mọi vui buồn của cuộc sống, khóc cười đôi chút với cuộc đời, rồi lại bốc hơi bay đi. Bay đi man mác vào những đêm tối hoang vu của trần gia thi thiết.

Hãy cứ để những dòng mây trôi đi thi thiết trên cuộc đời tóc trắng này.

Bùi Vĩnh Phúc
mồng 3 Tết Kỷ Ty, 1989



NHA Y SĨ

DU' THỊ MỸ LAN

GENERAL DENTISTRY

*Kính chúc quý khách
một năm Kỷ Ty khang an, thịnh vượng*

Chữa bệnh Nướu Răng

**9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
(714) 898-6449**

Giờ làm việc:

Ngày thường: từ 10AM đến 7PM

Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM

Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

Nguyễn Hưng Quốc

Kiệt Tấn, nụ cười tre trúc

Có người nào đó, ngày xưa, từng quan niệm, một nhà văn một nhà thơ, về phương diện chủ quan, cần có ba điều kiện: tài, trí và tâm. Từ đó, nhiều người có khuynh hướng chia ra ba loại người cầm bút: một loại mạnh về tài, một loại mạnh về trí và một loại mạnh về tâm. Tôi nghi ngờ sự phân biệt rạch ròi ấy. Tôi nghĩ, thật ra, chỉ có hai. Bởi tài là yếu tố căn bản, chung nhất. Có cái tài thiên về trí, tức kỹ thuật. Có cái tài thiên về tâm, tức cảm xúc. Kiệt Tấn thuộc loại sau. Đọc Kiệt Tấn, trước khi thấy một tài năng, người ta gặp một tấm lòng. Tình yêu đối với cuộc đời, theo tôi, là yếu tố quan trọng nhất góp phần định hình nên phong cách văn học độc đáo của Kiệt Tấn. Hiếm có người nào có cách nhìn đời trù mẫn và thiết tha như vậy. Không thể tìm thấy, ở Kiệt Tấn, bất cứ một thái độ hờ hững hay đứng đưng nào. Đưa đẩy ngòi bút Kiệt Tấn không phải là lý trí mà là trái tim lúc thì rạo rực, lúc thì ngây ngất, không lúc nào không xôn xao trước vẻ đẹp của trời đất của con người. Tình yêu trong văn Kiệt Tấn giống ánh trăng trong thơ Hàn Mặc Tử. *Cả trời say nhuộm một màu trăng*. Cho dù tác giả không tả vầng trăng, cho dù tác giả chỉ tả một con ngõ, một dòng sông hay một khu vườn với những cây lá đong đưa, những nụ hoa đang âm thầm nở và tỏa hương trong khuya khoắt, thì, người ta vẫn nhận ra, đâu đó, lấp lánh, cái ánh trăng kia đang lấp lánh. *Không gian dày đặc toàn trăng cả. Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng*. Cho nên, tuy đề tài *Nụ cười tre trúc* (*) khá đa dạng, có truyện về mẹ, có truyện về quê hương, có truyện đậm đà màu sắc triết lý; thực sự là truyện tình, chỉ có hai: *Bến đò trao thơ* và *Em điên xóa tóc*, thế nhưng, đi vào *Nụ cười tre trúc*, người ta cứ ngỡ đi vào một tình yêu bát ngát.

Hãy để ý cách xưng hô trong truyện Kiệt Tấn. Lạ lắm. Đặc biệt với những người phụ nữ. Với người lớn tuổi: má. Với người trẻ trung: em. Nhắc đến một người đàn bà bán cà-rem trước cổng trường tiểu

học thuở nhỏ, Kiệt Tấn hạ bút: *"má tôi đỏ"*. Với Kiệt Tấn, một người đàn bà già nua, lam lũ và khốn khổ trên quê hương đều là "má tôi". Ông gọi họ bằng một cái tên chung: *"những bà già quê hương"* (tr. 158). Và ông coi đó là những *"Mối tình đầu"* thật sự của mình (tr. 158). Những người không phải là má thì đều là em. Vợ là em. Người tình là em. Một người con gái mất trí gặp gỡ tình cờ trong một bệnh viện tâm thần là em: *"Em điên xõa tóc"*. Ngay cả một người con gái hoàn toàn xa lạ, mãi mãi xa lạ, chỉ nhắc thấy một lần duy nhất trong công viên cũng được Kiệt Tấn gọi vợ là em, hơn nữa, "em tôi": *"Từ phía sau lùm bông ngải vàng hực, chợt một mái tóc nâu vàng óng ánh xuất hiện. Người con gái từ từ đi vào công viên, trên tay cầm trái táo xanh. Em tôi bước vào vườn cây lững thững tiến về phía tôi và Ánh đang ngồi ôm nhau yên lặng"* (tr. 200). Dĩ nhiên người con gái ấy đi qua rồi đi xa hẳn. Vĩnh viễn. Như một áng mây. Trước cặp mắt nhà văn đang ngơ ngẩn ngơ.

Với người, là thế. Với vật, cũng thế. Tất cả đều là em. Con vịt con là "em". Khi con vịt bị xe cán chết, Kiệt Tấn, lúc ấy mới sáu tuổi, đã khóc nghẹn ngào: *"Hết rồi! Em vịt vàng nhỏ của tôi ơi! em đã chết bỏ tôi thiệt rồi"* (tr. 46). Bao nhiêu năm sau, bênh bồng trên đất khách, buồn tênh trong lưu vong, Kiệt Tấn vẫn nhớ mãi cái đứa em ấy: *"Phải, năm nào mà đào chẳng nở? Đào lại nở, tôi lại nhớ em tôi, con vịt vàng nhỏ xinh xắn, tội nghiệp"* (tr. 49).

Người ta thấy gì qua những cách hô gọi như vậy? Thấy một điều. Rất rõ. Là, với Kiệt Tấn, mọi người mọi vật trên đời đều là đối tượng để yêu thương. Tất cả đều là ruột thịt, đều là thân tình. Kiệt Tấn là một tình nhân trước khi là một người cầm bút.

Trong tình yêu của Kiệt Tấn, phần nồng nàn nhất dành cho phụ nữ. *Làm sao sống được mà không yêu. Không nhớ không thương một kẻ nào.* Thơ của Xuân Diệu. Con người của Kiệt Tấn. Qua trang viết, cứ ngỡ Kiệt Tấn suốt đời là một khách tình si. Yêu sớm. Yêu nhiều. Yêu dễ dàng. Yêu cuồng nhiệt. *"Muốn chết. Thèm chết. Thèm vì quá yêu một cô gái nào đó"* (tr. 211). Yêu và được yêu. Chưa đủ. Lúc nào cũng quay quắt muốn đi đến cái tận cùng, cái tuyệt đối của tình yêu. *"Nghẹn ngào khi đi bên cạnh nàng mà còn tương tư người yêu, tương tư nàng, cùng lúc."* (tr. 93). Tình yêu trong văn Kiệt Tấn có nhiều cung bậc. Từ lặng lẽ đến xôn xao. Từ băng khuâng đến say đắm. Có nhiều sắc độ. Lúc thì hiền lành, lúc thì trắng tráo. Lúc như cơn gió, lúc như cơn bão. Tình yêu nhuộm đầy tình dục. *"Bộ phận đực là bộ phận đực, bộ phận cái là bộ phận cái, bộ phận đực cái đánh nhau là lẽ tự nhiên, hết sức tự nhiên, sự tục tĩu chỉ có trong đầu"* (tr. 144). Nhiều người cho là Kiệt Tấn viết bạo. Thêm điều này nữa: bạo nhưng không bao giờ nhóp nhúa. Thiếu cái trong sáng của Thạch Lam, tình yêu trong truyện Kiệt Tấn lại gần hơn với sự thực, với cuộc đời.

Trong tình yêu của Kiệt Tấn, phần đậm thắm nhất dành cho mẹ. *Nụ*

cười tre trúc, truyện ngắn đầu tiên trong tập, được dùng làm tựa cho cả tập, là một truyện ngắn hay. Nói là truyện ngắn, nhưng thật ra, nó chỉ là trích đoạn từ bộ trường thiên tiểu thuyết *Lớp lớp phù sa* chưa xuất bản. Lấy một bài vọng cổ làm cái cớ, Kiệt Tấn thả ký ức mình trôi giạt miên man về những quãng thời gian khác nhau, ở đâu, lúc nào cũng hiện hiện long lanh hình ảnh người mẹ tảo tần, lam làm, chịu thương chịu khó, suốt đời lo cho chồng, cho con, rồi cho cháu.

Ở Kiệt Tấn, nếu tình yêu trai gái gắn liền với tình dục thì tình yêu mẹ lại gắn liền với quê hương. Đó là lý do tại sao Kiệt Tấn lại đặt tập truyện ngắn của mình là *Nụ cười tre trúc*. “Cho dù mà tôi không cười thành tiếng, tôi vẫn nghe có tiếng rì rào thanh thoát của tre trúc rộng lượng chở che. Tôi là con trâu nhè nằm trong bóng im buổi trưa hè nắng gắt” (tr. 15). Trong tình mẹ có tiếng đàn dịu dàng của trúc lẫn bóng mát yên ả của tre. Trong tình mẹ có hình ảnh của làng xóm, của đất nước. Mà không chỉ ở mẹ mình. Kiệt Tấn coi mọi bà mẹ đều là hiện thân của quê hương. “Có lẽ tại vì tôi nhìn thấy quê hương qua những bà mẹ đó, một quê hương vừa yêu dấu vừa ngậm ngùi... Những bà già đó tượng trưng cho quê hương. Không! Những bà già đó là quê hương. Những bà già có làn da nhăn nheo thơm mùi đất, có nụ cười rì rào tre trúc, có bàn chân nứt nẻ phù sa, có trái tim từ bi vô lượng, trái tim đó đã bơm máu vào rún tôi từ trong bụng mẹ, từ lúc tôi còn nhỏ xíu lớn chưa bằng đầu ngón tay”. (tr. 152)

Không là đề tài chính của bất cứ truyện nào, song nhờ sự kết hợp trên, hình ảnh quê hương vẫn thấp thoáng, bàng bạc cùng khắp *Nụ cười tre trúc*. Trong quê hương, Kiệt Tấn tập trung ngòi bút vào ba địa điểm: Bạc Liêu, Vĩnh Long và Sài Gòn. Hai hình tượng nổi bật nhất là sông rạch và đêm trăng. Vang vang trên sông rạch, vang vang dưới đêm trăng là những câu hò, những tiếng đàn, tiếng hát, những hẹn hò và những yêu đương. Kiệt Tấn không có chủ tâm viết loại truyện phong tục, một đề tài được nhiều nhà văn đồng hương của ông khai thác triệt để. Phong cảnh trong truyện của ông, do đó, thường ít đường nét. Không một làng quê, không một thành phố, thậm chí, không một dòng sông, một con rạch nào đầy đủ chi tiết để thành một bức tranh hoàn chỉnh. Tuy nhiên Kiệt Tấn lại thành công ở một phương diện khác: ông tạo được một không khí ở đó có những con người sống thật. Truyện của Kiệt Tấn là loại truyện tâm lý pha màu sắc triết lý.

Yêu phụ nữ, yêu mẹ, yêu quê hương, không phải là cái gì riêng của Kiệt Tấn. Kiệt Tấn chỉ đặc biệt ở mức độ: mọi tình cảm ấy, ở ông, đều nồng nàn đến say đắm. Và hơn ở phạm vi: từ những đối tượng cụ thể, tình yêu của Kiệt Tấn mở rộng ra, mênh mông, bao trùm cả cuộc đời. Kiệt Tấn là một nhà văn đầy nhân ái. Cách nhìn đời của ông trong trẻo, dịu dàng và nhất là, tha thiết vô hạn. Không biết thù hận, chưa bao giờ Kiệt Tấn cho phép ngòi bút của mình dừng lại tỉ mỉ ở những sự xấu xa. Nếu Kiệt Tấn có cảm ghét điều gì thì điều đó chính là óc duy

lý và đưa con đẻ của nó: sự cuồng tín. Căm ghét vì cả hai đều là nguyên nhân trực tiếp gây ra bạo động trong xã hội, hoặc ít nhất, cũng là nguyên nhân gây ra những lầm lạc và khổ não cho từng người. *"Tôi muốn dùng lý trí thông minh để giải quyết đời sống. Thiệt lắm lắm! Một mình nó, trí thông minh không giải quyết được gì hết. Nó tạo ra vấn đề nhiều hơn là giải quyết"* (tr. 134). *"Khi chứng đúng được hành động của mình, người ta dám trở thành bạo ngược, tàn sát không gớm tay: Tần Thủy Hoàng, Hitler, Staline, Dalotôla, Pôl Pot, Việt Nam Xã Hội!"* (tr. 116). *"Chân lý? Có chăng chân lý? Mẹ rượt! Cũng vì ba cái vụ chân lý với lại....căng lý đó mà nhân loại ỉa dài dài"* (tr. 214).

Kiệt Tấn đề cao trực giác và tình cảm, đề cao cuộc sống hồn nhiên và tự nhiên. *"Ăn hủ tiếu là ăn hủ tiếu. Hết. Sống là sống. Hết. Không gì có thể giải thích được gì hết. Giải thích là sa vào mê cung. Rời khỏi mê cung này chỉ để dẫn mình vào mê cung khác"* (tr. 116). *"Đi vào kinh pháp cũng như nghệ thuật, con đường trực giác và cảm xúc là con đường thẳng. Đi vào kinh pháp cũng như nghệ thuật, con đường trí tuệ và phân tích là con đường mê cung."* (tr. 184).

Truyện *"Ngoài cửa kính"* có lẽ được sáng tác với mục đích minh họa cho các luận điểm trên. Một người nào đó, vô hình và vô danh, từ ngoài khung cửa kính, ngó vào một căn nhà. Không nghe một âm thanh nào cả. Hoàn toàn. Bần bật. Chỉ thấy những hình người di động, múa may. Như xem một màn kịch câm. Người xem phân vân đặt ra hàng trăm nghi vấn để nghi vấn nào cũng là một lửng lơ, bế tắc. Không thể hiểu được những người trong căn nhà kia làm gì, nghĩ gì, cảm xúc ra sao. Chỉ đoán. Đoán mò. Quan hệ giữa con người với con người trong cuộc đời có lẽ cũng thế. Mỗi người bị ngăn biệt bằng một khung cửa kính. Để mỗi người là một bí ẩn vô tận trước người khác. Để mọi nỗ lực giải thích về nhau đều trở thành vu vơ và hàm hồ.

Tư tưởng Kiệt Tấn không mới. Người ta đã gặp những tư tưởng ấy đây đó, nhiều lần, nhiều nơi. Nhưng không nên đánh giá một nhà văn như một triết gia. Tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá tư tưởng một triết gia là tính chất độc sáng. Tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá tư tưởng một nhà văn là sự chân thành. Mà Kiệt Tấn thì tin vào tư tưởng của mình lắm. Nó trở thành một thứ triết lý chủ đạo chi phối toàn bộ sáng tác của ông. Đó là thứ triết lý mang đậm màu sắc Thiền. Đó cũng là thứ triết lý nhân đạo: *"Mỗi người chúng ta đều đáng được chia sẻ nụ cười"* (tr. 141). Và rất lạc quan: *"Nếu biết sống, vẫn luôn luôn có một chút mặt trời đâu đó"* (tr. 125).

Trong truyện *Em điên xõa tóc*, một lần Kiệt Tấn tâm sự về chuyện viết lách của mình: *"Cả chục năm nay tôi bỏ viết. Tôi không đủ đam mê. Tôi không viết để chứng minh. Tôi viết khi cảm thấy có nhu cầu. Nếu không viết mà vẫn sống hạnh phúc, tôi sẽ không bao giờ viết, vì tôi khi đó đang ở trong trạng thái quân bình. Nếu viết, tôi đánh mất*

quân bình, khi viết, tôi như người lên đồng, lúc cười lúc khóc, vật vã, hành xác” (tr. 116). Tôi tin Kiệt Tấn. Tôi ít tin nhà văn nào như tôi đã tin Kiệt Tấn. Ở những nhà văn khác, tôi thấy tài hoa. Ở Kiệt Tấn, tôi vừa thấy tài hoa vừa thấy sự thành thật. Truyện nào của Kiệt Tấn tôi cũng có cảm giác là tự truyện. Chính Kiệt Tấn cũng công nhận trong lời giới thiệu in ở bìa sau tập *Nụ cười tre trúc*: “*Nụ cười tre trúc, một chuỗi chuyện ngắn, dù y chang chuyện thật hay thần thoại hoang đường, vẫn là tự truyện*”. Trong *Nụ cười tre trúc* có tám truyện thì sáu truyện rõ ràng là tự truyện. Và đó là sáu truyện hay. Dường như ngòi bút của Kiệt Tấn chỉ tung hoành hết sức khi nhân vật xưng “tôi”. Lúc ấy, Kiệt Tấn tha hồ đi sâu, thật sâu vào mọi ngõ ngách thăm thẳm, tế vi của tâm hồn. Có lúc Kiệt Tấn đi quá xa. Thành lan man với những liên tưởng bất tận. Làm cho khuôn khổ của truyện ngắn cơ hồ bị rạn nứt. Truyện ngắn nghiêng gần tùy bút. *Nụ cười tre trúc* và *Vườn chanh miệt biển* là những truyện ngắn pha lẫn tùy bút.

Có thể nói, những truyện ngắn hay nhất của Kiệt Tấn đều có tính chất tự truyện trong nội dung và tính chất tùy bút trong nghệ thuật.

Hai đặc điểm có lẽ là hai đặc điểm chung cho những nhà văn gốc miền Nam. Tính tình cởi mở, nhu cầu đối thoại lớn, hình như nhà văn miền Nam nào cũng có sở thích kể về mình. Nhân vật xưng “tôi” trong tác phẩm của họ nhiều “chỉ xiết kể”. Khó có thể hình dung cuộc đời và con người của các nhà văn miền Trung, miền Bắc, nếu chỉ căn cứ vào truyện của họ. Rất dễ hình dung ra cuộc đời và con người của các nhà văn miền Nam qua những truyện họ viết, ngay cả về những nhân vật không phải là họ. Đọc các nhà văn miền Trung, miền Bắc, người ta thường thấy một nỗ lực tự kiểm chế rất lớn. Để giấu đi một cái “tôi đáng ghét” (!). Đọc các nhà văn miền Nam, người ta thường thấy tác giả hiện ra lồ lộ trên từng dòng chữ. Để phơi bày đến từng chi tiết cái “tôi” tuệch toạc, xối lởi, say sưa tâm sự. Tính chất lỏng lẻo, tản mạn mà người ta hay nói về các công trình khảo luận của các nhà văn miền Nam cũng xuất phát từ nguyên nhân này: nhà văn hiếm khi để tư tưởng bó mình trong một trật tự thuần túy duy lý. Mạch văn của họ, ngay khi viết nghiên cứu, vẫn bồng bềnh trên những ngọn triều cảm hứng và liên tưởng dạt dào.

Kiệt Tấn, cũng như phần lớn các nhà văn miền Nam khác, thích tham dự trực tiếp vào câu chuyện. Câu chuyện của Kiệt Tấn không phải chỉ có các nhân vật. Cốt truyện không phải chỉ đơn thuần là diễn tiến của các nhân vật. Nhà văn không chịu là một khuất lánh hoàn toàn. Ông đi bên cạnh các nhân vật. Thỉnh thoảng ông lại lên tiếng, tán thưởng điều này, phản đối điều khác. Câu văn của các nhà văn miền Trung miền Bắc thường cố ý nén lại, bình thản đến lạnh lùng. Câu văn của Kiệt Tấn và nhiều nhà văn miền Nam khác phập phồng hơi thở của người viết ra nó, náo nức với những niềm vui của nhân vật, rung rung với những nỗi buồn của nhân vật. “*Nhà có cả thầy bảy chị em,*

chết hai còn năm: hai Phát, ba Lợi, tư Trinh, năm Lộc và sáu Kiệt tức là tôi đó" (tr. 11). "*Bà vớt xác lá chà lên đám ghê của tôi (bà con thử nghĩ!) tôi khóc hết nước mắt*" (tr. 12). "*Nếu miền Bắc có lụt sông Hồng thì miền Nam có Tết Mậu Thân (1968), chắc ai cũng nhớ*" (tr. 26)...Hẳn nhiều người sẽ cho những cách nói: "*Sáu Kiệt tức là tôi đó*", "*bà con thử nghĩ*", "*chắc ai cũng nhớ*"...là thừa thãi. Mà thừa thãi thật. Chúng không có lý do gì để tồn tại cả. Trừ lý do tâm lý: cái nhu cầu bộc bạch, tham dự của tác giả.

Nhu cầu bộc bạch, tham dự dẫn đến một đặc điểm khác về nghệ thuật: sự pha trộn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Quan hệ giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết là một quan hệ cực kỳ phức tạp. Lịch sử văn học của nước nào cũng diễn tiến giống nhau: thoát đầu văn học được hình thành từ ngôn ngữ nói. Một thời gian, sau quá trình chau chuốt, tinh lọc, một số ngôn ngữ nói biến thành ngôn ngữ viết, chúng có sự sống riêng, chủ yếu là trên trang giấy. Rồi đến lúc nào đó, người ta chợt thẳng thốt nhận thấy, loại ngôn ngữ viết ấy tuy đẹp đẽ thật, song lại là kiểu cách và mòn sáo quá, người ta lại quay về với thứ ngôn ngữ nói trần trụi, gân guốc của cuộc đời. Truyền thống văn chương miền Nam là truyền thống tôn vinh ngôn ngữ nói. Từ Nguyễn Đình Chiểu, người ta đã bắt gặp những cách nói chan chát từ trước vắng bật trong thơ văn: "*Bát cơm manh áo ở đời, mắc nợ chi cha ông nó*". "*Vân Tiên ngó lại, rằng: Ủ!*"... Có nhiều người sa lầy trong ngôn ngữ nói: tác phẩm của họ thuần túy là những câu chuyện kể nặng chất dân gian. Một ít người nâng được ngôn ngữ nói lên thành ngôn ngữ văn học: từ vựng là ngôn ngữ nói nhưng kết cấu câu văn là ngôn ngữ viết với những yêu cầu gãy gọn, chặt chẽ và trong sáng. Kiệt Tấn thuộc vào số ít ỏi đã tạo được cho ngôn ngữ nói một sắc thái thẩm mỹ độc đáo.

"Hồi đó thỉnh thoảng tôi lên vít một cục vôi nhỏ trong ô trầu của má tôi gắn lên đầu cọng lạt dừa, đưa lên vách run run như mấy trọc thần lần. Có con khờ khạo ngó thấy tưởng bỏ, định ninh là côn trùng nhào tới đớp liền. Cẩn nhằm cục vôi tá hỏa, anh chàng lúc lắc cái đầu như múa lân rồi say men vôi nồng, rớt bịch xuống đất. Tôi tính lượm lên bắt chơi thì má tôi rầy:

— Đùng con! Tội chết. Con thần lần nó hiền thấy mỗ. Nó còn ăn bớt muối trong nhà sao con hại nó làm chi?" (tr. 10).

Nhờ sử dụng nhiều ngôn ngữ nói, câu văn Kiệt Tấn thường sinh động, khỏe khoắn:

"Tôi mừng hùm, cắn một miếng ngọt sớt rồi miếng thứ hai, và cứ thế lúm hết trái mận một mình ngon lành, không bẻ cho bà một miếng" (tr. 21).

Câu văn của Kiệt Tấn nhiều động từ. Câu văn nhiều tính từ, trạng từ thường du dương mà nhẹ. Câu văn nhiều động từ thường cứng cáp và mạnh:

"Anh tôi bèn lấy vòng dây làm bẫy tóm được con các kè đem tuốt

qua sân banh quảng bỏ” (tr. 10)

“Cá ông chỉ rửa sơ, không cạo nhớt, rồi để cá sống nhả nguyên con như vậy mà đổ vào nước sôi dậy nắp lại, cá bỗng còn nhảy soi soi trong nồi lúp búp. Chập sau, ông giở nắp ra vớt cho tới hết bọt rồi mới rót nước mắm ngon vào mà nêm nếm” (tr. 41)

Cách dùng tính từ và trạng từ của Kiệt Tấn cũng lạ: luôn luôn có cái gì gay gắt, cực đoan. Như thơ Hồ Xuân Hương. Ông không mừng, ông “mừng hùm”. Ông không khoái, ông “khoái chí tử”. Ông không quên, ông “quên tuốt luốt”. Ông không hôn, ông “hun chùn chụt”. Ông không râu, ông “râu thúì ruột”. Ông không sợ, ông “sợ xanh máu mặt”... Cứ thế. Rất nhiều trạng từ và tính từ ghép vừa gợi hình vừa biểu cảm. Móm phải là “móm xòm”. Trống phải là “trống lổng”. Dài phải là “dài thồn”. Hẹp phải là “hẹp té”. Nhọn phải là “nhọn lều”. Đen phải là “đen xì”. Mập phải là “mập ú”...

Mỗi câu văn của Kiệt Tấn luôn luôn có xu hướng muốn biến thành một hình ảnh. Người khác hẳn chỉ viết: “Nhiều buổi trưa nóng, tôi cởi trần ngồi thở dốc”. Kiệt Tấn thì phải viết: “Nhiều buổi trưa nóng, tôi cởi trần ngồi le lười thở dốc”. Người khác hẳn chỉ viết: “Hai người sanh giặc với nhau, quên cả giặc Thổ đang rượt theo”. Kiệt Tấn thì phải viết tiếp: “...rượt theo sát bên đít”. Người khác hẳn chỉ viết: “Má tôi muôn dậm tìm chổng”. Kiệt Tấn thì phải viết: “Má tôi muôn dậm tìm chổng rượt theo níu cổ ông lại”. Người khác hẳn chỉ viết: “Tối đêm đó tôi trần trọc không ngủ được”. Kiệt Tấn thì phải viết: “Tối đêm đó tôi trần trọc trắng đờ con mắt”. Nhiều. Thật nhiều những định ngữ giàu hình ảnh như thế trong câu văn Kiệt Tấn.

Một hiện tượng có vẻ nghịch lý là, bên cạnh chất mộc ấy, Kiệt Tấn lại rất giàu chất thơ. Văn chương Kiệt Tấn vừa có cái sẵn sùì của cuộc sống lại vừa có cái lung linh của mộng ảo. Sự kết hợp ấy làm cho văn chương Kiệt Tấn có một khí hậu riêng, rất mực lạ lùng. Như ở trần mà như chơi vơi trong sương khói.

Khởi sự cầm bút, Kiệt Tấn là một nhà thơ. Tác phẩm đầu tay của ông là một tập thơ: “*Điệp khúc tình yêu và trái phá*” (1966). Sau gần hai mươi năm im lặng, cầm bút trở lại, Kiệt Tấn đổi tay: từ thơ ông chuyển qua văn. Thì cũng không lạ. Chuyện khá bình thường ở Việt Nam: một nhà thơ thỉnh thoảng viết văn và một nhà văn đôi lúc táy máy thử nghiệm ngòi bút của mình trong cái cõi bằng bằng trắc trắc bằng bằng. Điều độc đáo và thú vị của Kiệt Tấn là, từ thơ chuyển qua văn, ông đã giữ lại, trong văn, cái cách nhìn và cách cảm dạt dào chất thơ của một nhà thơ.

Kiệt Tấn thuộc khá nhiều thơ, hò, vè và vọng cổ. Ông thích dẫn vào giữa những câu văn của mình, một câu thơ, một lời ca. Văn xuôi Kiệt Tấn, nhờ vậy, xôn xao nhạc điệu. Hơi thơ và hơi ca đẩy hơi văn bay bành lên, lênh đênh trôi về những chân trời xa khơi của tưởng tượng. Nhưng chất thơ trong văn xuôi Kiệt Tấn không phải chỉ có thế. Nét

đặc biệt nhất của Kiệt Tấn là ở chỗ khác, chỗ ông có thói quen sử dụng nhiều biện pháp tu từ chỉ thường gặp trong thơ, vốn là đặc trưng của ngôn ngữ thơ. Ở đây, tôi chưa nói đến vấn đề hay hay dở. Chỉ nhấn mạnh một điều: ít có nhà văn nào sử dụng, trong văn xuôi, nhiều hình thức ẩn dụ và hoán dụ như Kiệt Tấn trong *Nụ cười tre trúc*. Hình thức ẩn dụ: “*Vườn chanh đang khua lá giặt rửa dưới dòng trắng*” (tr. 170); “*Ánh trắng xanh xao ngủ trên vông chanh giăng ở đầu ngọn đông đưa.*” (tr. 174); “*Cơn gió hắt hiu luồn tay chải gỡ lòa xòa giữa tóc chanh rối lá*” (tr. 181); “*Một con quạ mặc áo sa ten tuyền óng ánh đi đứng đỉnh trên bãi cỏ úa*” (tr. 212); “*Rồi Paris xuống tóc qui y trong ngôi chùa Đông Tạ*” (tr. 249)... Hình thức hoán dụ: “*Cánh đen vỗ mạnh bay lên cây*” (tr. 212); “*Tôi đưa tay bắt nải chuối mần kịch cộm của người đàn ông cao lớn*” (tr. 234)...

Nhiều câu văn của Kiệt Tấn nghe như thơ, thơ Hàn Mặc Tử: “*Ánh trắng trần truồng*” (tr. 181); thơ của những người theo thuyết Tương giao giữa màu sắc, hương vị và âm thanh (Correspondances): “*Hương chanh chín mùi*” (tr. 170); “*Ánh trắng bụi ngọt*” (tr. 92)...

Giọng văn của Kiệt Tấn, như vậy là một thứ hợp chất giữa khẩu ngữ và thi tính.

Một đặc điểm khác cũng khá phổ biến trong *Nụ cười tre trúc*: sự dí dỏm. Từ cách dùng chữ đến cách mô tả, cách kể chuyện của Kiệt Tấn dường như lúc nào cũng thấp thoáng một nụ cười tinh nghịch. Tinh nghịch một cách nhẹ nhàng và có duyên. Mà hình như đây cũng là đặc điểm chung của nhiều nhà văn miền Nam khác. Các nhà văn miền Nam, ít nhất trên trang sách, thường xuề xòa, dễ tính và vui tính. Bình Nguyên Lộc, Vương Hồng Sển, Hồ Hữu Tường... rồi Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Tấn Hưng, Võ Kỳ Điền. Sơn Nam không vui tính nhưng cũng dễ tính và xuề xòa. Chỉ có hai người cầm bút miền Nam thực sự nghiêm trang và trịnh trọng: cặp vợ chồng Đông Hồ và Mộng Tuyết. Nhưng cả hai đều bị ảnh hưởng nặng nề của văn phong miền Bắc. Khi nghiêm trang và trịnh trọng, họ phải giả giọng.

Ở trên, tôi cố gắng nhận diện những đặc trưng nổi bật nhất trong phong cách văn học của Kiệt Tấn. Cũng không giải thích được bao nhiêu. Ở Kiệt Tấn có một cái gì khác, cao hơn, vượt ra ngoài những nhận định có tham vọng khái quát ấy. Mọi tài năng thực sự thường đa dạng. Khả năng đa dạng hóa có lẽ xuất phát từ sự nhạy cảm. Kiệt Tấn là một nhà văn nhạy cảm. Ưu điểm lớn nhất của *Nụ cười tre trúc*, nghĩ cho cùng, không phải ở ngôn ngữ mộc hay thơ, cũng không phải ở phong cách pha ít nhiều tự truyện hay ít nhiều tùy bút, mà thực chất là ở khả năng khám phá nhạy bén và tinh tế những tâm lý phức tạp của con người. Trong lãnh vực này, ít người đi xa và đi sâu hơn Kiệt Tấn. Kiệt Tấn như một nhà thám hiểm đại dương, ngòi bút ông không

ngừng phát hiện từng sự thật mong manh, khuất giấu trong đáy cùng tối thâm của lòng người. Nếu Nguyễn Mộng Giác là người nhạy bén trong việc khám phá và mô tả những trạng thái tâm lý bình thường trong đời sống hàng ngày như niềm vui, nỗi buồn, sự giận hờn, sự thương nhớ...thì Kiệt Tấn lại là người cực kỳ nhạy bén trong việc khám phá và mô tả những trạng thái tâm lý bất bình thường của con người. Không ai, trong nền văn học hải ngoại hiện nay, có thể viết về một cơn điên, một giấc mơ dữ, một tình yêu cuồng nhiệt...hay hơn Kiệt Tấn.

Văn chương của người gốc miền Nam từ trước đến nay thường tập trung khai thác nhiều ở các đề tài: phong tục, lịch sử, thế sự và luân lý. *Nụ cười tre trúc* mở ra một thế giới khác, thế giới truyện tâm lý và triết lý.

Nghe nói Kiệt Tấn đang hoàn thành bộ trường thiên tiểu thuyết *Lớp lớp phù sa*. Một số đoạn trích trong đó được đưa vào tập *Nụ cười tre trúc*. Những đoạn trích ấy đều hay, đặc biệt, *Vườn chanh miệt biển*, rất hay. Nhưng giá trị của cả bộ trường thiên tiểu thuyết ấy sẽ ra sao? Dĩ nhiên là phải chờ đến lúc tác giả cho ra mắt. Riêng tôi, vừa chờ vừa thấp thỏm. Có thể, khác với *Nụ cười tre trúc*, lần này Kiệt Tấn sẽ thất bại. Kinh nghiệm: những nhà văn có giọng văn pha nhiều chất tùy bút ít khi thành công trọn vẹn trong truyện dài. Tôi nghĩ đến Nguyễn Tuân, đến Mai Thảo và đến Võ Phiến. Truyện dài của họ hay. Thì đánh là hay so với vô số những cây bút khác. Nhưng với họ, cái hay ấy, tôi có cảm giác có cái gì không trọn vẹn. Như truyện ngắn của họ. Như tùy bút của họ. Như chiều cao của họ đòi hỏi nó phải ngang tầm. Mong là Kiệt Tấn sẽ gặp may mắn.

Nguyễn Hưng Quốc

25-12-1988

Chú thích:

(*) "*Nụ cười tre trúc*" tập truyện ngắn của Kiệt Tấn, Văn Nghệ xuất bản, 1987

NHỮNG Ý KIẾN VỀ MỘT BÀI BÁO ĐĂNG TRÊN TỜ ĐOÀN KẾT

Mới đây , trên tờ Đoàn Kết của tổ chức Việt kiều do cộng sản kiểm soát tại Paris, số tháng 1.1989 có đăng bài “Gặp gỡ ở Mỹ” của Ngụy Ngũ nội dung có nhiều điều bịa đặt và xuyên tạc với hậu ý chính trị và tuyên truyền xấu, cái đích nhắm đến là một số nhà văn quen biết hiện đang hoạt động tích cực trong giới văn học tại Hoa Kỳ.

Nguyên văn đoạn có liên quan tới những nhà văn trên như sau :

“Điệp điệp trong những lời chuyện trò của họ là tên những cuốn sách, những tờ báo, những nhà xuất bản, những tên tuổi quen biết của Sài gòn cũ và những tên tuổi mới mọc lên trong thời xa xỉ, thỉnh thoảng lẫn vào những cuộc xung đột vui và không vui đâu đó của những người cùng sinh hoạt, cùng cảnh đời.

— Tự do Mỹ cũng giống như miếng thịt bò, có thể trở thành miếng bít tết ngon lành, cũng có thể trở thành thối không chịu nổi.

Một người nói có vẽ tổng kết và minh họa theo luôn một số “sắc tướng cụ thể” của cái mà anh bảo là thối không chịu nổi ấy...

Và một chuyện khác cũng là chuyện tôi không hình dung ra được nếu tôi không nghe chính giọng họ nói: Một số trong họ và một số người tôi quen và chưa quen đang nhóm lại bàn chuyện ra một tờ báo. Qua tờ báo này, họ sẽ nối lại quan hệ với đất nước. Họ hy vọng rằng trên tờ báo này sẽ thường xuyên được in các bài từ trong nước gửi sang cũng như bài họ được in trên các báo trong nước. Sở dĩ họ có dự kiến ấy và quyết bắt tay thực hiện bởi đã nhận được khá nhiều tín hiệu đáng tin cậy về một chuyển mình đổi mới của đất nước không ngớt lấp lánh tỏ hiện ở những trang báo Văn Nghệ, và những phim tài liệu Hà nội trong mắt ai, Chuyện tử tế. Riêng về phim Chuyện tử tế, có người cho biết chỉ trong buổi sáng thứ bảy ấy, đang khi nói chuyện với tôi, anh đang phải cho máy video liên tục in để kịp có sáu bản theo yêu cầu của bạn bè”.

Vì đây là một toan tính khá lộ liễu nhấm vào giới văn học như một bước dò đường cho những kế hoạch lớn về sau, nên Văn Học đã yêu cầu một số nhà văn liên hệ lên tiếng, để làm sáng tỏ vấn đề.

Theo nhận định của Văn Học, tuy Ngụ Ngữ không phải là một cây bút quan trọng trong guồng máy tuyên truyền của Hà nội, nhưng rõ ràng chuyến đi Mỹ của Ngụ Ngữ là một xếp đặt có cân nhắc tính toán. Tìm cách liên lạc với một số nhà văn hải ngoại có quen biết từ trước ở Việt Nam cũng không phải là một hành động xã giao thân tình bình thường, bằng chứng là sau khi về nước, Ngụ Ngữ đã dùng những cuộc điện đàm ấy để viết những bài văn tuyên truyền và xuyên tạc sự thật như bài “Gặp gỡ ở Mỹ” vừa đăng trên Đoàn Kết.

Khuyết điểm của những nhà văn tiếp điện thoại của Ngụ Ngữ là không cảnh giác đủ, phản ứng theo tình cảm bình thường, không tinh nhạy nhận ra những tính toán chính trị trong hành động thăm hỏi, hậu quả là để cho guồng máy tuyên truyền Hà nội có cơ hội tốt xuyên tạc và gây chia rẽ nghi kỵ trong sinh hoạt văn nghệ tại hải ngoại. Các nhà văn bị Ngụ Ngữ lợi dụng phải nhận khuyết điểm này.

Chắc chắn bài viết của Ngụ Ngữ chỉ là phát pháo đầu dò đường cho một kế hoạch qui mô hơn về sau. Nếu bài viết ấy mang được kết quả mong muốn, sẽ có những phát pháo khác trầm trọng hơn, do những cây bút nặng ký hơn Ngụ Ngữ. Cũng may là dụng ý của bài “Gặp gỡ ở Mỹ” quá lộ liễu, vô tình làm vô hiệu hoá những toan tính Hà nội sắp đem ra thực hiện về sau.

Mặc dù vậy, đây là một kinh nghiệm quý giá về sự cảnh giác, khi văn học nghệ thuật bị lợi dụng biến thành công cụ của những toan tính chính trị.

Văn Học đã trình bày các nhận định trên với ba nhà văn có tên trong Ban chủ biên Văn Học, và những người này đều công nhận mình có khuyết điểm thiếu cảnh giác về chính trị. Kết quả là ba phát biểu sau đây:

Nguyễn Mộng Giác

Thư gửi người bạn cũ

Ngữ thân mến,

Hôm qua đi làm về khuya, tôi thấy trên bàn viết có để sẵn một bì thư lớn từ Paris gửi qua. Chị Thụy Khuê, đại diện tạp chí Văn Học ở Âu Châu gửi bằng đường hàng không qua cho tôi tờ Đoàn Kết số tháng 1-1989, kèm theo lá thư ngắn trong đó có câu: “Các anh tính làm thật à? Nếu các anh bị “ông bạn quý” nào chơi khăm thì miễn bàn, còn nếu các anh định “hợp tác” thật thì có lẽ hơi sớm, vì quá lạc quan. Theo tôi, tình hình văn học bên nhà chưa sáng sủa đến cái độ họ mở rộng ra như thế. Những “sửa đổi” chỉ là bề ngoài, thực chất chế độ tư tưởng

của họ vẫn không có gì thay đổi. Những cuốn sách như “Cù Lao Tràm” Nguyễn Mạnh Tuấn viết cũng chỉ đả kích vài cái sai lầm của guồng máy, chứ chưa có một tác giả nào dám đòi hỏi tự do dân chủ thực sự, đòi bỏ chế độ đảng trị. Nhóm Nhân Văn trước kia, và tờ Văn Nghệ bây giờ mới mở màn đã bị thanh trừng ngay rồi...”

Cái gì trong tập báo mỏng này liên quan tới giới cầm bút hải ngoại mà trầm trọng thế? Trầm trọng đến nỗi chị Thụy Khuê phải vội vàng cảnh giác!

Giở tờ báo ra, thì gặp bài viết của bạn, gửi từ Sài Gòn cho tờ Đoàn Kết.

Phải thú thực nghe bạn nhắc lại những kỷ niệm chung hồi xưa, tôi không khỏi bùi ngùi. Bạn viết: *“Còn Giác thì cứ dăm ba bữa không thấy nhau ở quán cà phê lại người này đạp xe đến tìm người kia, xoay xở kiểm chút đồ nhấm, chút rượu bày ra nhâm nhi tám gẫu.”* Bạn nhắc đến cái quán cà phê ở chái đình Tân Định của Huy Tưởng chứ gì. Hồi đó bạn có việc làm, chưa lập gia đình, mà coi bộ cũng nghèo xác và lêu bêu như tình cảnh Hoàng Ngọc Tuấn, và tôi. Tội tôi vì lý lịch xấu bị đẩy giạt sang lề, bạn lý lịch tốt có việc làm mà sao trông bạn cũng không được vui. Bạn không viết hăng và viết hay như thời bạn mới xuất hiện trên tờ Văn Đền, tờ Văn. Lâu lâu thấy bạn cho đăng một cái truyện ngắn, hoặc một bài ký, và khi thấy anh em cũ đọc bài của bạn, bạn bối rối, nói trước là viết cho có viết vậy thôi, đừng đọc làm gì. Bạn có một nỗi khổ tâm riêng, tôi hiểu. Những nỗi áy náy hay lo buồn thì ai cũng có, trong đó có nỗi ray rứt của người lỡ mê viết lách. Mê dùng chữ nghĩa để bộc bạch những vui buồn sâu xa của đời mình, mê nói hộ những thống khổ của người chung quanh. Từ những truyện ngắn đầu tay, tôi thấy gần bạn vì hình như bạn chọn đứng về phía kẻ yếu, kẻ bị cái guồng máy chính trị quay cuồng điên đảo đến nỗi không còn được sống như một con người tự do, và trở thành những “con thú tật nguyên” (tên một truyện ngắn nổi tiếng của bạn).

Chắc bạn không thể ngờ cái truyện có không khí phản chiến đăng trên tạp chí Văn Đền của bạn lại có ngày giúp cho bạn được đảng hoàng chính thức leo lên máy bay qua Mỹ chơi một chuyến. Đời thật có nhiều bất ngờ oái oăm. Lúc bạn viết về những kẻ bất hạnh, và cho đăng báo trước 1975, bạn viết vì thôi thúc của lương tâm, và không hề trông chờ gì khác. Bạn đâu có ngờ mười mấy năm sau chính nhờ những “con thú tật nguyên” mà bạn được mời sang Mỹ tham dự hội nghị, với tư cách người viết truyện phim cho phim Karma dựa theo truyện ngắn của bạn. Cả các bạn viết cũ của bạn cũng không ngờ bạn được Nhà nước cho đi Mỹ. Lê Lưu được đi, điều đó bình thường. Người được chế độ nuôi nấng, viết sách viết báo hô hào cho chủ trương chính sách qua nhiều thời kỳ, Lê Lưu được cử đi Mỹ cũng chẳng khác gì đã được cử đi Nga, đi Đông Âu. Còn bạn, thì lạ quá! Anh Mai Thảo ngạc nhiên hỏi tôi Ngụy Ngũ làm lớn lắm hay sao mà

được qua đây? Tôi đáp bạn được làm việc ở xưởng phim, lâu lâu có bài được đăng báo, được xếp là cây bút trẻ tiến bộ ở đô thị, nhưng chung chung thì họ vẫn xem bạn là cháu ngoại, thế thôi. Nếu những người có trách nhiệm cứu xét cho bạn được đi dự hội nghị tại Mỹ bàn luận kỹ lưỡng, cân nhắc lợi hại trước khi cấp phép, đặt lên bàn cân cái hại gây ra nếu bạn bắt chước Họa Mĩ và cái lợi là làm kinh ngạc chúng tôi, khiến chúng tôi nghĩ các quan tuyên huấn và công an Việt Nam bây giờ “chịu chơi” hết sức, thì quả họ là những kẻ hoạch gia lão luyện. Anh em ở đây xa quê hương kẻ đã hơn mười năm, kẻ ba bốn năm, ai cũng muốn biết tin tức riêng tư của đời sống những bạn quen. Tin gia đình, tin vật giá, tin thời sự thì ai cũng biết. Nhưng đời sống riêng của các bạn cũ vẫn đều đặn tụ họp nhau mỗi sáng ở quán cà phê Huy Tưởng, thì chắc không ai rảnh hơn bạn.

Lê Lưu tìm được số điện thoại của tờ Văn Học ở thư viện đại học MAS, điện thoại cho tôi báo tin bạn qua. Tôi không tin mình nghe đúng. Vậy mà điều khó tin vẫn có thực. Ảnh bạn xuất hiện trên tờ Kinh Tế Viễn Đông cùng ảnh chụp Lê Lưu. Chúng tôi so ảnh hai ông nhà văn một Bắc, một Nam, ngậm ngùi thấy bạn ốm nhom, tóc bạc và mặt mày hom hem. Bốn mươi hai tuổi chứ mấy! Tiếng bạn nói qua điện thoại vẫn không trẻ hơn chút nào. Bạn thú thực uống quá nhiều rượu, như Trịnh Công Sơn cũng túy lúy li bì suốt ngày. Tiếng bạn khàn đục, âm thanh đượm mùi rượu và mùi thuốc lá. Tôi bật cười khi bạn rủ qua Boston nhậu với bạn một bữa! Tạm thời xa đi ít lâu những ràng buộc của đời sống bình thường, xa được những cặp mắt quan sát, tránh được những buổi kiểm thảo phê bình nặng nề, bạn hí hửng tưởng ai muốn nhậu với nhau một trận tơi bời hoa lá là được ngay. Tôi kể cuộc sống hằng ngày, bạn túi bụi từ sáng tới khuya vì tự ý đa mang quá nhiều công việc, rần giải thích một cách đơn giản vì sao không thể gặp bạn được, không muốn nói thẳng là bạn được đi Mỹ trong một tính toán chính trị dù bạn không muốn, và tôi không hề muốn vì tình bạn bè mà bị lôi kéo vào những tính toán ấy. Gặp bạn ở quán nhậu đường Pasteur hay quán cà phê Huy Tưởng khác hẳn với gặp bạn ở đây. Tôi tin là bạn hiểu điều đó.

Không biết các bạn văn khác thế nào, chứ riêng tôi, tôi sẵn sàng chịu đựng mọi khó khăn, nghịch cảnh, để rần giữ cho được lòng trung thực, giữ vị trí độc lập chứ không để cho các toan tính chính trị bịt mắt, cầm lấy quần bút sai khiến theo nhu cầu giai đoạn. Tôi không muốn bị làm công cụ cho ai cả. Bạn cũng vậy, nhưng cái thể của bạn khó khăn, tôi hiểu. Hình như bạn và tôi đều hiểu, và muốn tránh những điều không vui, cả hai đều dừng lại ở những chuyện thân tình bình thường! Mai sau có thể nhiều bạn cũ lại được Nhà nước cho qua đây công tác, có thể tôi lại nhận được những cú điện thoại bất ngờ. Như đã ngạc nhiên vui mừng khi được nghe lại giọng nói của bạn, tôi cũng sẽ ngạc nhiên vui mừng với các bạn khác. Thời gian, không gian

không làm thay đổi được thân tình quý giá. Nhưng nên dừng lại ở chỗ thân tình.

Tôi đã kể cho bạn nghe trong bảy năm sống xa quê hương tôi đã viết được bao nhiêu cuốn sách, tạp chí Văn Học ra hàng tháng không phải là công trình của cả một hội nhà văn hay một viện nghiên cứu khoa học xã hội có công quỹ tài trợ, mà chỉ là kết quả những giờ làm việc khuya và hai ngày nghỉ cuối tuần của tôi để, y như anh Mai Thảo lo tờ Văn, tôi phải làm hết mọi sự từ A tới Z. Tôi đã kể cho bạn nghe để đổi lấy món quà tự do suy nghĩ và phát biểu suy nghĩ của mình thành lời thành chữ, chúng tôi sau khi viết xong phải tự lo đánh máy, tự lo in, tự lo phát hành, mỗi chữ in lấp lánh tự do nhưng là công trình tim óc và mồ hôi của chính chúng tôi. Không ai thuê chúng tôi viết điều này điều nọ. Không ai trả lương phát gạo cho tôi cầm bút, tôi viết vào những giờ thiên hạ nghỉ ngơi, tôi in sách bằng cách xén bớt tiền sinh sống của chính tôi và vợ con, nên sách tôi viết ra, báo tôi làm ra là lòng thành của tôi, đam mê của tôi. Tôi khổ vì nó, và thấy được nó ra đời, tôi gạt mồ hôi trán mỉm cười hãnh diện về nó. Không, bạn đừng hiểu lầm (hay bạn hiểu nhưng để cho người khác viết thay cho bạn) cho rằng tôi kể đời sống của tôi như thế là tôi than khổ. Không. Tôi hãnh diện vì được trả giá để có tự do sáng tạo. Tôi chia đời sống hàng ngày của tôi làm hai: tám tiếng để lo cho cơm áo, mười sáu tiếng còn lại hoàn toàn của tôi. Mười sáu tiếng đồng hồ, trừ thời gian nghỉ ngơi, tôi vui lòng làm việc mà không cần ai trả lương, không ai thuê mà tôi chịu viết thuê trong thời gian ấy. Chẳng phải riêng tôi, mà anh em cầm bút tôi quen tại đây đều chọn lựa cách sống như thế. Một chọn lựa cam go, không dễ dàng như một số người ở quê nhà đã chọn sáng tạo theo lối “phải đạo.”

Tôi đọc tiếp bài bạn viết cho Đoàn Kết, và cũng giống như chị Thụy Khuê, tôi ngỡ ngàng. Có điều chị Thụy Khuê ngạc nhiên vì đọc bài của bạn liền tư ởng anh em cầm bút bên Mỹ bị bạn chiêu hồi rồi, sẵn sàng đáp ứng cởi mở, chuẩn bị ra báo giao lưu văn học nghệ thuật của hai chiến tuyến, còn tôi thì ngạc nhiên vì người bạn cũ không được như tôi mong ước. Sau 1975, tôi có gặp và nói chuyện với nhiều người cầm bút từ miền Bắc vào, từ những người đã nổi tiếng từ thời tiền chiến cho đến các cây bút trẻ bộ đội. Nhiều người rất có tài năng, những lúc ngồi bên ly cà phê hay tụ quanh một mâm nhậu đàm bạc, họ chứng tỏ là những người thành thật, có những khát vọng nhân bản và tự do, y như tất cả mọi văn nghệ sĩ trên trái đất. Những cơ hội ấy, họ thường đọc cho tôi nghe những truyện ngắn, những bài thơ họ làm mà không đăng được, và cũng y như bạn, họ bối rối khi tôi hỏi về những sáng tác họ được phép in. Một ông nhà văn còn thú nhận cái truyện-vừa được quay phim của ông không phải đúng như thực tế, mà sau khi “đi thực tế” về ông phải viết ngược hẳn lại những điều trông thấy để trở thành

một tác phẩm “phải đạo”, được cấp trên khen thưởng. Dường như họ muốn cho tôi thấy con người thực của họ, lương tâm chân chính của họ. Nhưng rồi để tồn tại, họ phải sống hai mặt. Nghĩ một đằng, viết một nẻo, nói và làm khác nhau. Cái mà luân lý thông thường cho là giả dối, do nhu cầu sinh tồn, lại trở thành khôn ngoan. Sống thì sống thật, nhưng viết thì luồn lách làm sao để cấp trên vừa lòng. Thảm quá! Ngũ ơ! Bài “Gặp Gỡ ở Mỹ” bạn viết trên Đoàn Kết cũng thảm y như cái truyện-vừa của ông nhà văn miền Bắc nọ. Tôi tưởng bạn lớn lên ở miền Nam, dù có bất mãn với cuộc chiến tranh vừa qua bao nhiêu đi nữa, bạn cũng phải thấy là anh em cầm bút chúng ta trước 1975 vẫn có được cái hào khí riêng. Chúng ta không hề được xã hội cũ ưu đãi, nhưng có một ưu đãi tinh thần lớn lao nhất xã hội dành cho bọn cầm bút chúng ta, là được hoàn toàn trung thực, không ai ép chúng ta viết nếu chính chúng ta không muốn. Bạn đã để mất cái hào khí đó. Đã đành “được phép” đi Mỹ thì lúc về bạn cũng phải viết cái gì “phải phép”. Một cán bộ thông tin, một viên chức ngoại giao làm việc đó, không sao. Nhưng bạn, một người cầm bút, áp lực nào buộc bạn phải biến những lời thăm hỏi thân tình giữa bạn bè cũ thành một bản tuyên truyền có đầy đủ từ “phê phán xã hội tư bản” (đoạn bạn gán vào miệng người nào đó chê tự do ở Mỹ như miếng thịt thối) đến “hô hào chính sách Glasnost” (đoạn bạn bảo một nhóm người cầm bút chuẩn bị ra tờ báo chủ trương trao đổi văn hóa) cuối cùng là “tương lai tự do dân chủ hạnh phúc ấm no của Việt Nam dưới chế độ cộng sản.”

Không biết ở Canada hay ở Miền Đông Hoa Kỳ có nhóm nào chuẩn bị ra tờ báo như bạn nói không, còn ở đây, miền Tây Hoa Kỳ, theo chỗ tôi biết, không có ai chuẩn bị ra một tờ báo như vậy cả. Anh em ở đây được đọc một số tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Mạnh Tuấn, Dương Thu Hương, Lê Lưu, Phạm Thị Hoài... trên các tờ báo của các “Hội Việt kiều Yêu Nước” như Đoàn Kết, Đất Việt, được xem hai cuốn băng video “Hà Nội trong mắt ai” và “Chuyện tử tế” của Trần Văn Thủy thực hiện, có cảm phục và lo lắng cho số phận những tác giả đó, nhưng chúng tôi còn băn khoăn chưa biết những tác phẩm ấy là tim óc của người nghệ sĩ, hay tuy vẫn là tim óc của họ, nhưng đã bị chính trị lợi dụng như một khí cụ giai đoạn. Như đã nói ở trên, chúng tôi không muốn bị người ta cho vào trò xiếc. Chúng tôi chờ xem, vừa hy vọng nghe được những lời chân chính thống thiết nói lên nỗi đau của quê hương, lại vừa hồ nghi tự hỏi liệu lần này nhà cầm quyền đã hết xem văn nghệ là tôi-đòi-ca-công hay chưa? Hay lại một loạt những sản phẩm “phải đạo,” “được phép”?

Đọc bài của bạn trên Đoàn Kết, tôi tìm được câu trả lời. Bạn được phép đi Mỹ, và trở về phải có thành tích gì để báo công cho phải phép. Bạn vẫn phải sống hai mặt, vì nhu cầu, phải bịa đặt những điều không hề có để vừa lòng kẻ ký giấy phép cho bạn đi chơi xa một chuyến.

Ngũ ơ! Bạn quên rằng tiền vé máy bay khứ hồi của bạn, và cả cái

giấy phép cho bạn sang Mỹ điện thoại thăm hỏi anh em bạn cũ, không phải là của cấp trên của bạn. Bạn được mời qua Boston là nhờ cái truyện “Con thú tật nguyền” của bạn đạo nào. Chính những con thú tật nguyền, những nạn nhân của chiến tranh và guồng máy chính trị, những người bị thế lực chính trị dày xéo (từng là nguồn cảm hứng dồi dào cho bạn) mới thực là kẻ ký giấy phép cho bạn sang Mỹ. Những người đó đòi hỏi ngòi bút của bạn phải cứng như thép, không ai bẻ cong được. Đòi hỏi bạn không được luồn lách thêm bớt để đúng phép tắc kẻ có thế.

Tôi biết lá thư này thế nào cũng đến tay bạn, cũng như lời bạn viết đã đến tôi. Mong bạn không giận. Phần tôi, tôi hoàn toàn thông cảm với hoàn cảnh của bạn. Tôi không có quyền trách bạn, vì tôi may mắn hơn. Ít ra, ở đây tôi vẫn làm chủ được tôi.

Thân,

Ý kiến của nhà văn Nhật Tiến

Tôi đã được đọc bài viết “Gặp Gỡ ở Mỹ” của Ngụy Ngữ viết từ Sài Gòn và gửi đăng trên tờ Đoàn Kết ở Pháp. Có nhiều điều trong bài ấy viết không sai, nhưng cũng có nhiều điều cần phải kiểm chứng lại hoặc cần phân tích cho minh bạch và cặn kẽ hơn.

Điều mà Ngụy Ngữ viết không sai là về mối tình cảm nồng hậu của một vài anh em đối với một người bạn văn cũ đến từ quê hương, qua những cuộc điện đàm thăm hỏi, đặc biệt là những người ở xa, trong đó có tôi. Trên quan điểm chính trị, một cuộc điện đàm thăm hỏi như thế cũng là không nên, vì nó mang một nội dung có nhiều tính cách tế nhị hơn là biểu lộ tình cảm giữa hai cá nhân riêng tư. Tuy nhiên, dù biết vậy, tôi vẫn cứ làm, cứ tự ý điện thoại hỏi thăm Ngụy Ngữ như hỏi thăm một người bạn văn trong rất nhiều người bạn văn còn ở Việt Nam mà tôi tin tưởng rằng họ vẫn có một ước mơ tốt đẹp về quê hương, về con người, mà tôi có thể chia sẻ được. Nói một cách rõ ràng hơn, tôi vẫn tin tưởng rằng rất đông anh chị em cầm bút ở quê nhà không phải là những con người cộng sản thuần túy chỉ biết lấy bạo lực làm phương tiện để dìm mãi quê hương vào trong vòng điêu tàn, khổ cực. Bây giờ thì hãy còn quá sớm để đánh giá thành quả của họ, trong công cuộc gây dựng một xã hội tự do, no ấm, và chan hòa tình người, nhưng tôi vẫn tin tưởng rằng hiện vẫn có những ước mơ ấy, những nỗ lực ấy, mặc dù nó vẫn còn đang ở trong vòng bủa vây của chuyên chính vô sản với muôn ngàn phương tiện bạo lực ở trong tay.

Ngoài những lời thăm hỏi trong cuộc điện đàm đúng ra, không còn những toan tính gì khác, hỏi toan tính gì được, khi mà mọi khả năng đàn áp vẫn còn nằm trong tay nhà nước, và người cầm bút chân chính

ở quê nhà chẳng có gì khác hơn ngoài bộ ngực trần và cái đầu đói khát tự do như Nhóm Văn Nghệ Chân Đất đã từng nói lên trong bản tuyên ngôn của họ gửi ra thế giới bên ngoài.

Có một điều đặc biệt mà tôi thấy trong bài viết của Ngụy Ngữ là anh đã tiết lộ rằng *“đã có một số người (ở hải ngoại) đang nhóm lại để bàn chuyện ra một tờ báo. Qua tờ báo này họ sẽ nối lại quan hệ với đất nước, sẽ thường xuyên in các bài từ trong nước gửi ra cũng như bài của họ sẽ được in trên các báo trong nước.”* Và theo Ngụy Ngữ, thì sở dĩ họ có dự kiến ấy và quyết bắt tay thực hiện là vì *“họ đã nhận được khá nhiều tín hiệu đáng tin cậy về cuộc chuyển mình đổi mới của đất nước không ngớt lấp lánh tỏ hiện trên tờ Văn Nghệ, và những phim tài liệu như Chuyện Tử Tế, Hà Nội trong Mất Ai.”*

Tôi thực sự ngạc nhiên về những điều kể trên mà Ngụy Ngữ đã viết ra. Trước hết là sự lạc quan hồ đồ của anh khi anh cho rằng một vài dấu hiệu đổi mới gần đây của chế độ đã thuyết phục được người cầm bút ở hải ngoại đến nỗi họ quyết tâm bắt tay vào việc thực hiện một tờ báo nối lại quan hệ với đất nước.

Là một người trong giới cầm bút, vốn cũng có nhiều mối liên lạc để biết được nhiều tin tức thuộc giới của mình ở hải ngoại, tôi chưa hề được nghe nói đến một tờ báo nào dù đang dự định xuất bản lại có một chủ trương ngây thơ đến như thế, ít ra là trong hoàn cảnh hiện tại. Bởi trong hoàn cảnh hiện tại, kẻ nào tin rằng nhà nước C.S. lại cho ấn hành tác phẩm của những cây bút như Hà Thúc Sinh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Tử Hanh... v.v... thì thật vừa ngây thơ, vừa khôi hài. Đó là chưa kể ngay chính tờ Văn Nghệ mới đăng các bài báo của các tác giả trong nước mà Ngụy Ngữ cho rằng *“lấp lánh tỏ hiện cuộc chuyển mình đổi mới”* thì nó cũng đã bị chế độ đổi giọng, trách cứ tới bởi sau một thời gian nói lỏng đôi chút tự do, và kết thúc bằng biện pháp cách chức Tổng Biên Tập Nguyễn Ngọc với lý do *“có nhiều lệch lạc nghiêm trọng.”* (quyết định của Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn ngày 2-12-88).

Vậy thì rõ ràng ước mơ của Ngụy Ngữ tuy chính đáng một cách không tưởng nhưng anh đã trở nên có ý đồ, thiếu minh bạch khi đặt nó vào thời điểm này và mập mờ nói rằng *“đang có một số người cầm bút nhóm họp để quyết tâm thực hiện tờ báo đó.”*-

Sự thiếu minh bạch này sẽ là một quả bom nổ trong hàng ngũ những nhà văn lưu vong vì tính cách gây chia rẽ và nghi ngờ giữa những người cầm bút với nhau, và vì tính cách rất dễ dàng gây xúc động tâm lý trong bối cảnh sinh hoạt cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại hiện nay với những diễn tiến chính trị đang xảy ra-

Tôi không nghĩ rằng anh Ngụy Ngữ, sau khi rời Mỹ và sau những tình cảm thăm hỏi nồng hậu mà một số bạn bè đã dành cho anh như anh đã xác nhận, để rồi lại gài một quả bom chia rẽ cho bạn bè. Có điều gì khúc mắc không ổn trong bài viết của anh (nhất là lại chỉ gửi

đăng ở ngoài nước, mà không có báo nào ở trong nước đăng tải)-- Một người đi xa trở về, không thể về với tay không. Tôi có thể hiểu được sự khó khăn của anh. Tuy nhiên đó là việc của anh và những cấp lãnh đạo liên hệ tới anh.

Vấn đề của những người cầm bút ở hải ngoại là phải làm sao gỡ được cái ngòi nổ đó một cách êm thấm. Tuy nó chưa đáng gì nhưng cũng sẽ trở thành một trò chia rẽ nguy hiểm .

Nguyễn Xuân Hoàng

Về một bài báo mới đây trên tờ Đoàn Kết, Paris

Trong thời gian gần đây, những người cầm bút hải ngoại có để tâm theo dõi một số bài viết trong nước được sáng tác trong tình hình gọi là “đổi mới,” bất ngờ được đọc truyện và ký của một số tác giả như Nguyễn Huy Thiệp, Phùng Gia Lộc, Thái Bá Tân... Có thể nói đó là những người cầm bút can đảm trong một xã hội chuyên chính.

Tuy nhiên, người đọc tinh mắt tự hỏi tại sao các sáng tác ấy được phép có mặt trên “báo chí” trong nước, vốn là cơ quan truyền thông do nhà nước cai quản, và kiểm soát. Huống chi các sáng tác ấy còn được “tuôn” ra nước ngoài nữa.

Có thể nào một người cầm bút, cầm máy, cầm cọ ở Việt Nam hiện nay, nói chung là những cán bộ văn hóa văn nghệ, ăn lương nhà nước, viết theo chỉ thị lại dám đi ngược lại đường lối chính sách và lại được công khai đưa những điều ấy lên mặt báo nếu không phải là đã “được phép”? Và sự “được phép” này chắc chắn là phải có giới hạn. Người ta biết cánh cửa chỉ hé mở đến đâu và đến lúc nào đó thì nó sẽ phải đóng lại.

Tôi nghĩ nếu nền văn chương Hà Nội trước kia, suốt 30 năm chiến tranh là một nền “văn chương phải đạo” chỉ viết về sự chiến thắng, chứ không dám viết về sự thất bại, chỉ biết tô hồng, chứ không dám vẽ đen... thì giờ đây có thể đặt cho nó một cái tên gọi mới: “nền-văn-chương-được-phép.”

Có lẽ tờ Văn Nghệ và Nguyễn Huy Thiệp đã bắt đầu đi quá lằn ranh của sự “được phép” cho nên cả tác giả lẫn người Tổng Biên Tập tờ báo giờ đây đang bị tấn công ở một số mặt.

Dù sao, phải nói rằng không phải tự nhiên mà Tờ Văn Nghệ Hà Nội lại dám đăng một truyện với nội dung “đầy những lỗi trường thi” của Nguyễn Huy Thiệp, nếu không “được phép”? Cũng không phải tự nhiên mà một người như Ngụy Ngữ, trước 75 có viết một số truyện ngắn đăng trên Văn, Văn Đề... lại được đi Mỹ, giữa bao nhiêu cán bộ văn nghệ hội đủ điều kiện hơn nhiều, nếu Ngụy Ngữ không “được phép”?

Sở dĩ phải nói dài dòng như vậy thật ra là để nói lại về một bài viết

mới đây của Ngụy Ngữ đăng trên tờ Đoàn Kết, Paris.

Trong bài nói trên, dưới tựa đề *Gặp Gỡ ở Mỹ*, Ngụy Ngữ kể lại chuyến đi Mỹ tham dự hội thảo “Văn Học về Chiến Tranh Việt Nam” tại Boston do Trung tâm William Joiner của trường Đại Học Massachusetts tổ chức. Bài viết có nhắc đến một vài người cầm bút ở Hoa Kỳ hiện nay, trong đó có tôi, mà Ngụy Ngữ có nói chuyện thăm hỏi qua đường dây điện thoại.

Nhưng bài viết không ngừng ở chỗ nói những lời thăm hỏi mà còn “sáng tác” xa hơn. Ngoài một chút tình cảm chua chát về sự quen biết cũ, Ngụy Ngữ còn viết những điều dễ gây hiểu lầm và tạo sự ly gián công phần trong anh em cầm bút hải ngoại. Tuy nhiên tôi không tin “sáng tác” ấy thành công trong mưu toan chia rẽ người cầm bút hải ngoại. Bởi vì chúng tôi thừa hiểu đâu là phần thật đâu là chỗ giả của bài viết nói trên.

Thử tưởng tượng một buổi sáng, điện thoại reo và qua đầu giây nghe tiếng một người bạn quen từ hồi còn ở Saigon, lòng ai mà không xúc động. Tình cảm mừng rỡ là có thật, nhưng nói với nhau điều gì và nói đến đâu là tùy loại bạn. Ở Saigon bây giờ những người quen cũ làm gì, sống ra sao, ai còn, ai mất. Phần tôi, là tất cả nội dung câu chuyện. Chuyện chỉ chừng ấy và không thể không là chừng ấy.

Tôi không hề chờ đợi Ngụy Ngữ viết một bài với những lời thăm hỏi vô thưởng vô phạt, nhưng tôi cũng không hề chờ đợi Ngụy Ngữ viết những điều đen trắng. Tôi đau lòng khi đọc bài báo của anh thấy không đúng sự thật trong mỗi giao tình, hơn nữa, tôi biết anh có lẽ cũng đau lòng khi viết ra những lời đó.

Có những người lúc nào cũng phải thủ trong túi nhiều chiếc mặt nạ để đeo cho sự sống còn của cá nhân mình. Điều ấy cũng là bình thường. Điều quan trọng là không nên đeo mặt nạ để gây thương tích “tật nguyên” cho người khác.

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Bùi Ngọc Đường

Quanh những sáng tác của nhà văn Nhật Tiến Chào mừng sự đối thoại

Lời Toà soạn: Những truyện ngắn và truyện dài của nhà văn Nhật Tiến hiện đang trở thành đề tài thảo luận trong giới văn học. Sau khi đăng lá thư ngỏ của nhà văn Diệu Tần trên Văn Học số Tết, Văn Học đã nhận được bài phát biểu dưới đây của anh Bùi Ngọc Đường, nên xin đăng tải ngay để quý bạn đọc tiện theo dõi và nhận định về các lối nhìn khác nhau ấy.

CUỘC ĐỐI THOẠI TRONG NỘI TÂM CỦA MỖI NGƯỜI

Cách đây không lâu, tôi có viết một bài nhận xét về khuynh hướng sáng tác mới của nhà văn Nhật Tiến (Chấn Hưng số 11 & 12, tháng 7, 1988). Trong khi viết cũng như sau khi viết xong, tôi cảm thấy muốn được đọc những bài viết khác từ những cách nhìn khác. Dĩ nhiên không phải tôi không tin những gì tôi đã viết. Mà chính vì tôi khao khát một sự đối thoại rộng lớn, nghiêm chỉnh về một vấn đề vốn đã có tính cách nghiêm chỉnh và rộng lớn. Nói là nghiêm chỉnh, bởi vì nó liên quan đến vận mệnh của đất nước, tương lai của dân tộc mà trong đó, trách nhiệm và sự nhận thức của mỗi người, đặc biệt là những người cầm bút, sẽ là một yếu tố then chốt; Gọi là rộng lớn, bởi lẽ đó là một vấn đề mà thời gian và không gian của nó không phải của một người và trong một đời mà bao gồm nhiều thế hệ.

Chính với sự khao khát đó, tôi đã cảm thấy phần khởi khi thấy nhiều bài viết liên tiếp xuất hiện để trao đổi với nhà văn Nhật Tiến về khuynh hướng sáng tác mới được thể hiện trong những truyện ngắn và truyện dài của ông. Cũng chính với sự khao khát đó, tôi thấy không quan trọng phải lưu tâm đến mục đích khen hay chê (nếu có) của người viết mà chỉ cần thiết quan tâm đến những nhận định xác đáng, hợp lý (nếu có) của bài viết. Trong đối thoại vốn đã hàm chứa sự đối nghịch. Vấn đề là giữ sự đối nghịch đó ở một mức độ cao đẹp, quân tử để nó có thể là lợi ích chung của nhiều người. Với một quá khứ lơ là, khoán trắng, bỏ mặc vận mệnh đất nước, dân tộc cho những tay ma đầu chính trị, với những trò chụp mũ, xuyên tạc, bôi nhọ đã từng xảy ra như cơm bữa trước đây, nội dung và thái độ đối thoại trong những bài viết hiện nay về những nhận thức mới của Nhật Tiến đã là những dấu hiệu rất khích lệ. Chẳng hạn, tác giả bài viết "*Trận Chiến Xót Xa*" (Người Việt, số 1421, ngày 11-2-89) ông Đỗ Thái Nhiên, dù phải mang câu chuyện *Gặp gỡ ngày cuối năm* (Thời Luận, Xuân Kỷ Ty 1989) của Nhật Tiến "*lên bàn mổ*", dù đã phải viết "*thật thẳng thắn, thật mạnh mẽ, thật chính xác*", nhưng ông cũng cảm thấy xao xuyến vì ông biết rằng "*Nhật Tiến là một nhà văn rất tự trọng. Nhật Tiến bao giờ cũng cầm bút bằng tất cả tâm óc trong sáng. Ngòi bút của Nhật Tiến không hề một lần lướt trên mặt giấy theo đòi hỏi của bất kỳ tổ chức chính trị nào....Nhật Tiến đã có thật nhiều năm bền chí trên con đường phục hoạt dân sinh. Nhật Tiến là người bạn thân thiết và thương mến nhất của những thuyền nhân khốn khổ. Nhật Tiến cũng không phải là người khách lạ đối với những vị đã ngày đêm tính chuyện trở về quê cũ qua ngò vượt biển băng rừng....* Tất cả những cái biết đó, đặc biệt được chính tác giả nêu lên, đã làm cho bài viết của ông mang tính chất một sự đối thoại nhằm mục đích tìm hiểu thay vì là một sự khẳng định. Bởi lẽ, một người với một cá tính như thế, với một quá trình đóng góp và sinh hoạt như thế, có thể bảo đảm được cho những gì mình nhận thức và viết ra là xuất phát từ thành tâm, thiện chí và ngay thẳng dù nhất thời có bị hiểu lầm. Một trường hợp khác nữa, Diệu Tân, tác giả "*Thư ngỏ gửi nhà văn Nhật Tiến*" (Văn Học, Xuân Kỷ Ty, 1989) dù rất không đồng ý nội dung và quan điểm của Nhật Tiến trong truyện ngắn "*Những sự thực cần được nói ra*" (Văn Học, Xuân Bính Thìn 1988), nhưng ông cũng muốn hàm ý nội dung bức thư ngỏ của

ông chỉ là một sự đối thoại trong vòng thân hữu và xây dựng. Ông đã kết thúc bức thư như sau: "*Anh Nhật Tiến, được biết anh là một nhà văn có tâm huyết, muốn làm một điều gì tốt đẹp cho quê hương, anh còn là một nhà hướng đạo. Một lần nữa tôi biểu tỏ sự quý mến và tôn trọng anh. Tôi rất mong nhận được hồi âm của anh, trong tình thân giữa những người cầm bút và trong tình thân xây dựng.*" Rõ ràng đó là nội dung biểu lộ một thái độ muốn đối thoại nhằm làm sáng tỏ vấn đề. Đó là cách tôi hiểu và đó là lý do tôi cảm thấy phấn khởi để viết bài này như một sự chào mừng. Dĩ nhiên, có thể có những người mỉm cười cho rằng đó chỉ là những lời xã giao cuối thư, đó chỉ là lớp đường bọc bên ngoài cho viên thuốc bớt đắng. Tôi không nghĩ như thế, bởi lẽ không có người cầm bút chân chính nào lại muốn tự hạ thấp phẩm cách của mình bằng cách viết ra những giọng ngụy ngữ, gian dối lộ liễu như thế.

Đối thoại giữa những người cầm bút nhiều khi gay gắt để trở thành những cuộc bút chiến. Nhưng dù cho gay gắt đến thế nào thì bút chiến vẫn là bút chiến, nghĩa là một cuộc trao đổi lập trường, quan điểm, thái độ về một vấn đề nào đó giữa những người cầm bút - những kẻ sĩ - vốn nhiều tự trọng. Tuyệt đối nó không thể là một cuộc bôi bẩn, một trò xuyên tạc và chụp mũ lẫn nhau. Lịch sử văn học Việt nam vẫn còn lưu lại những cuộc bút chiến sôi nổi và thích thú. Như cuộc bút chiến giữa Phan văn Trị và Tôn Thọ Tường xoay xung quanh đề tài "*Tôn Phu Nhân Quy Thục*" để tranh luận về hai quan điểm chống Pháp và hợp tác với Pháp; hoặc như cuộc tranh luận giữa hai nhóm bênh và chống nhân vật Thúy Kiều trong tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh của Cự Nguyễn Du liên quan đến vấn đề đạo đức của Kiều.

Trở lại cuộc trao đổi hay tranh luận hiện nay về những quan điểm của Nhật Tiến, theo thứ tự thời gian mà tôi đã được đọc, thì thấy có: Diệu Tân với *Thư ngỏ gửi nhà văn Nhật Tiến*, Đỗ Thái Nhiên với *Trận chiến xót xa*, và Nguyễn Mạnh Trinh với *Độc Mồ Hôi Của Đá của Nhật Tiến* (Người Việt, số 1421 ngày 11-2-89). Một cách tổng quát, Diệu Tân và Đỗ Thái Nhiên chống đối quan điểm của Nhật Tiến; Nguyễn Mạnh Trinh hậu thuẫn và chia xẻ cách nhìn của Nhật Tiến. Ngoài ra, nhân dịp nhìn lại tình hình văn học hải ngoại năm cũ 1988 trong một số báo Xuân Kỷ Ty, các tác giả của những bài viết này cũng đã đề cập đến Nhật Tiến và quan điểm của ông như là một trường hợp đặc biệt. Chẳng hạn

Bùi Bảo Trúc trong "Nhìn lại tình hình sách vở của năm 1988" (Văn Học Tết Kỷ Ty, trang 9) đã viết về cuốn *Mồ Hôi Của Đá* của Nhật Tiến: "cuốn sách viết về cuộc sống ở Việt Nam sau tháng 4 năm 1975, tổng hợp những suy tưởng của ông về đất nước, về những căn do đưa tới biến cố tháng 4 năm 1975 và những thay đổi sau đó của một nửa phần đất nước. Cuốn sách không chỉ có vậy. Nhật Tiến muốn đưa vào những giải đáp đề nghị cho đất nước. Chính điều này của cuốn *Mồ Hôi Của Đá* sẽ là đề tài của những tranh luận nhất định sẽ có trong năm nay." Hoặc trong mục Nhân Vật 88 của báo *Người Việt Xuân Kỷ Ty*, Nhật Tiến cũng được nhận định: "Với tập truyện *Mồ Hôi Của Đá* năm nay, ông đang đi tới khúc ngoặt lớn lao của một đời cầm bút nghiêm chỉnh liên tục. Đó là việc đặt nặng hơn bao giờ hết, phần tinh thần của văn chương dân thân. Bằng sĩ khí nho phong, dùng uy vũ văn chương, Nhật Tiến đang ra công xoay chuyển cả một quan niệm viết lách và nhận thức. Năm 89 sẽ thách đố gay go và đầy giông bão cho nhà văn cuối cùng của Tự Lực Văn Đoàn này." Nhận định về Nhật Tiến của năm 88 để tiên đoán về Nhật Tiến của năm 89 - và sự tiên đoán này đã bắt đầu xảy ra - những tác giả của những nhận định này đã không phải chỉ đoán mò mà thực sự đã thấy rõ chủ đề viết của Nhật Tiến chính là những "điểm nóng" của thời cuộc, những điểm "nhạy cảm" nhất của lòng người hiện nay mà dù nói ra hay không nói ra, dù đã ý thức rõ hay chỉ mới lờ mờ cảm nhận, dù đồng ý hay chống đối, dù khen hay chê, mọi người cũng thấp thoáng thấy rằng đó là một vấn đề sinh tử. Đó như là một thứ giấc mơ có thể là kinh hoàng của người này nhưng là tha thiết của người khác mà thỉnh thoảng nó vẫn trôi lên từ cõi vô thức. Đó như là một thứ mâu thuẫn giữa tình cảm và lý trí của một dân tộc triền miên trong chiến tranh, tang tóc và phân ly. Đó là một thứ thực tế kiểu như nên hay không nên gởi quà về cho thân nhân ở Việt Nam, nên hay không nên lén lút về thăm cha già mẹ yếu trước khi quá muộn. Nói chung, chủ đề viết của Nhật Tiến là một thứ đề tài có thể đã mâu thuẫn ngay chính trong nội tâm của mỗi người. Từ đó, điều tất nhiên là phải dẫn đến tranh luận và đối thoại. Nhưng đây là một cuộc tranh luận và đối thoại mà mọi người đang trông đợi như đã trông đợi từ lâu một câu trả lời cho chính lòng mình. Do đó, từ Nhật Tiến đến Diệu Tân, Đỗ Thái Nhiên, Nguyễn Mạnh Trinh và có thể có nhiều người khác nhập cuộc nữa, dù quan điểm có trái ngược

nhau, nhưng do sự tự chế và ngay thẳng, sẽ là những người khởi đầu một cuộc đối thoại công khai đầu tiên, nghiêm chỉnh và giá trị sau gần 14 năm mất nước. Và quan trọng nhất, cuộc đối thoại giữa những người cầm bút này, cũng do sự tự chế và ngay thẳng, sẽ tạo cơ hội và khích lệ để dẫn đến cuộc đối thoại trong nội tâm của từng người. Đây sẽ là một cuộc tự vấn của lương tâm. Đây sẽ là một cuộc đối thoại giữa tình cảm và lý trí, giữa tự ái cá nhân và tự ái dân tộc, giữa lịch sử và con người. Đây sẽ là dịp nhìn lại quá khứ và hoạch định tương lai của đất nước. Dù nhiều mâu thuẫn và đối nghịch, nhưng tất cả đều nhắm đến mục đích giải thoát vận mệnh Tổ quốc và Dân tộc ra khỏi vòng nghiệt ngã, oan khiên, tang tóc của những cuộc chiến tranh kéo dài ngót 4 thế kỷ qua từ những thời Mạc-Lê, Trịnh-Nguyễn mà tột cùng của vòng oan khiên, nghiệt ngã và tang tóc đó chính là chủ nghĩa phi nhân và nhà nước bạo tàn của Cộng sản hiện nay ở Việt Nam.

ĐỐI THOẠI ĐỂ HỢP NHẤT

Như đã nói ở trên, không phải là tất cả, nhưng thông thường, trong đối thoại đã hàm chứa sự đối nghịch. Nhưng mục đích cao đẹp nhất của đối thoại lại không phải để mở rộng hoặc kéo dài sự đối nghịch, mà chính là để hóa giải những đối nghịch và tiến tới hợp nhất. Dĩ nhiên, đó không phải là những cuộc đối thoại được chủ ý xử dụng như một phương tiện tuyên truyền, xuyên tạc, công kích đối phương như Cộng sản đã từng làm trước đây trong những "cuộc hòa đàm". Đó cũng không phải là những cuộc đối thoại giữa "những người điếc" được hiểu là mạnh ai nấy nói, mạnh ai nấy nghe.

Cuộc đối thoại hiện nay phát xuất từ những nhận thức được thể hiện qua những tác phẩm và những phát biểu của Nhật Tiến về vấn đề giải phóng đất nước và dân tộc thoát khỏi chủ nghĩa và chế độ Cộng Sản. Cuộc đối thoại, do đó, sẽ xoay quanh những điểm căn bản của những nhận thức đó. Vấn đề được đặt ra: Những điểm căn bản đó là gì? Những điểm căn bản đó thực sự đối nghịch với mơ ước của dân tộc, với nhu cầu giải phóng đất nước hay chỉ đối nghịch với thành kiến và thói quen, với tự ái và thù hận? Đó cũng chính là những đối nghịch của cuộc đối thoại

cần phải được hóa giải.

Theo tôi nghĩ, then chốt nhất trong những nhận thức của Nhật Tiến là ý thức chống Cộng được đặt trên căn bản **dân tộc chống ngoại xâm**. Đây là một nhận thức bao gồm ý thức dân tộc và quan niệm về Cộng sản đã chi phối toàn bộ những phát biểu và sáng tác sau này của Nhật Tiến.

1- Ý Thức Dân Tộc: Về địa dư, Việt Nam luôn luôn bao gồm cả hai miền Nam Bắc dù có những lúc, từng phần hoặc toàn phần, bị tạm chiếm và thống trị bởi những thế lực ngoại lai, phi dân tộc. Những thế lực này được hiểu là những chủ nghĩa, những chế độ, những chính quyền phục vụ cho quyền lợi tinh thần cũng như vật chất của ngoại bang và đi ngược lại truyền thống văn hóa, đạo đức, xã hội của Việt Nam. Về con người, dân tộc Việt Nam bao gồm tất cả mọi người dân ở hai miền Nam Bắc, vượt lên trên thành kiến và quá khứ chính trị, có chung một lý tưởng giải phóng tổ quốc ra khỏi chế độ Cộng sản tàn bạo, phi nhân để xây dựng một Việt Nam độc lập, tự do, thanh bình, thịnh vượng và nhân bản. Về thời gian, công cuộc giải phóng đất nước được nhìn và được đặt trong giòng sinh mệnh và giòng lịch sử bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc mà không bị giới hạn bởi những mốc thời gian như 75, 54, 45 ... mà từ đó, con người dễ bị đồng hóa với bên này hoặc bên kia mà quên đi những đổ vỡ, đau thương, tang tóc chung của dân tộc ở cả hai miền Nam Bắc.

Trong bài nói chuyện tại Vietnamese Center, Wichita ngày 20-7-1986 với nội dung là: **Một vài nhận thức về những vấn đề của quê hương**, Nhật Tiến đã nói: *"Lịch sử đã đưa dân tộc sang qua một trang mới, ở đó bao gồm đủ mọi loại thành phần, dù bên này hay bên kia, đã từng chiến đấu dưới màu cờ này hay màu cờ khác, nhưng trong thực tế đã có ít nhất là một điểm đồng dạng: Đó là sự hiểu biết sâu xa về bản chất phi nhân của chế độ Cộng sản, đó là sự nhận định về khẩu hiệu "yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội" chỉ là một sự áp đặt tư tưởng con người, cưỡng ép con người từ bỏ bản chất dân tộc để đi vào con đường ngoại lai, vong bản. Trên cơ sở của những nhận thức căn bản đó, mọi người Việt Nam đều khao khát một ước vọng chung đó là xóa bỏ chế độ Cộng sản để xây dựng một quê hương mới. Trong cuộc hành trình tiến về tương lai, nếu đã gọi là cùng chung một lý tưởng mới, thì không ai có thể độc quyền, độc tôn, độc diễn. Hãy mở rộng tâm lòng với trái tim biết cảm thông, biết thấu hiểu, biết thương yêu,*

biết xót xa trên những đổ vỡ đau thương của dân tộc, bởi chỉ có như thế, ta mới có thể tạo điều kiện cho một sự kết hợp rộng lớn của toàn thể dân tộc, một điều kiện tất yếu để chiến thắng chủ nghĩa Cộng sản..." (Chấn Hưng, số 8, tháng 12, 1986).

Từ ý thức dân tộc, trong những truyện ngắn và truyện dài của Nhật Tiến, những nhân vật của ông được tạo dựng không phải để mang những nhãn hiệu của bên này hoặc bên kia, để đại diện cho phía miền Nam hoặc phía miền Bắc, lại càng không phải để làm công tác tuyên truyền của những chế độ cũ tại miền Nam, mà nói cho cùng, đó là những chế độ đắc tội với lịch sử của dân tộc, đã tiếp tay cho Cộng sản chiếm nốt nửa phần cuối cùng của tổ quốc thân yêu. Do đó, có thể nói, Nhật Tiến chỉ nhằm tạo dựng hai nhân vật điển hình. Một nhân vật bất kể xuất xứ từ đâu, quá khứ như thế nào, mang nhãn hiệu gì nhưng hiện đang thể hiện hoài bão và lý tưởng giải phóng đất nước và dân tộc ra khỏi vòng thống trị của cộng sản để xây dựng một Việt nam độc lập, tự do, thanh bình, thịnh trị và nhân bản. Nhân vật thứ hai nhằm tiêu biểu cho chủ nghĩa cộng sản tàn bạo, lỗi thời, phi dân tộc và những kẻ tiếp tay cho chúng. Hai nhân vật điển hình này không nhất thiết phải là hai nhân vật biệt lập mà có thể được tạo dựng bởi nhiều nhân vật.

Hiểu như thế, người đọc sẽ thấy trong tác phẩm *Mồ Hôi Của Đá*, một truyện dài mới xuất bản của Nhật Tiến, những nhân vật như Nguyệt, một nữ sinh viên Văn khoa Sài gòn, đã mang lý tưởng và nhiệt huyết của nàng để mong phục vụ đất nước sau ngày "giải phóng", nhưng cuối cùng vỡ mộng khi đụng với những thực tế phũ phàng, bỉ ổi; như Năm Toả, một người vốn đứng trong hàng ngũ Mặt Trận Giải Phóng, nhưng cuối cùng phải thốt lên "*Tôi đi làm cách mạng, hy sinh cả một đời, đâu có phải để thực hiện một xã hội như thế này!*"; như một người đàn ông trung niên, đại úy trong Quân đội Việt Nam Cộng Hòa vốn đã đi trình diện cải tạo như những sĩ quan khác, nhưng sau đó trốn trại và có mặt trong hàng ngũ những người muốn xây dựng lại quê hương, thực hiện những ước mơ mà cả hai phía đều không thực hiện được; cả ba nhân vật đó đã phối hợp để tạo dựng nên nhân vật điển hình thể hiện lập trường và mơ ước chân chính của dân tộc. Ngược lại, những nhân vật như Sáu Thu, một đảng viên cao cấp Cộng sản độc ác, dâm ô; như Vũ, một sinh viên y khoa Sài gòn, trốn ra bưng mang theo nhiều nhiệt huyết và hoài bão,

nhưng rồi một mặt sợ hãi, một mặt tự đồng hóa mình với chế độ mới nên trở thành một loại tay sai của Cộng sản; như Hồng Phát, một thương gia giàu có trước đây của Sài Gòn, vì muốn tiếp tục quyền lợi và địa vị cũ nên đã cam tâm trở thành một thứ ma cô cho Sáu Thu và những tên đảng viên Cộng sản cao cấp khác; cả ba cũng đã phối hợp để tạo nên hình ảnh của một nhân vật tiêu biểu cho chủ nghĩa cộng sản tàn bạo, lỗi thời, phi dân tộc và những kẻ tiếp tay cho chúng.

Hiểu như thế, người đọc sẽ thấy trong truyện ngắn *Gặp gỡ ngày cuối năm*, người anh mang quân hàm Đại tá trong bộ đội Cộng sản Bắc Việt khi đến thăm người em nguyên là sĩ quan trong quân lực Việt nam Cộng Hòa hiện đang bị "học tập cải tạo", dù hình thức là Đại tá Cộng sản, nhưng tinh thần ông là tinh thần của một người dân tộc, nói cách khác, một người đã phản tỉnh, đã quyết định dứt khoát từ bỏ con đường bạo lực, căm hờn, sát máu, phản dân tộc mà ông đã trót đi suốt 30 năm qua và giờ đây, ông đang "toan tính một cái gì mới mẻ cho quê hương". Ông đã nói với người em: "*Hai chữ cộng sản hình như là một vấn đề ám ảnh đối với nhiều người, trong số đó có chú. Trong khi đó, thật ra đối với thế giới, nó đã trở thành lỗi thời. Nó lại càng trở nên lỗi thời đối với những người đã tích cực tham dự vào cái guồng máy ấy, như tôi chẳng hạn. Nói khác đi, chỉ những thằng ngu thì cho tới bây giờ mới vẫn còn tin tưởng rằng chủ nghĩa cộng sản sẽ đem lại ấm no và hạnh phúc cho nhân loại... Tôi cho rằng, gặp nhau để rồi vẫn thù hận về nhau thì sự gặp gỡ chẳng mang lại ý nghĩa gì. Mà tại sao ta phải làm như thế trong khi mọi sự đều đã đổi thay? Chú có một mơ ước về đời sống ấm no, hạnh phúc thì tôi cũng vậy. Và tôi tin rằng nhiều người trên giải đất này cũng đều như vậy. Tại sao không thể nhìn nhận nhau để toan tính một cái gì mới mẻ cho quê hương?*"

2- Quan niệm về Cộng sản: Cũng như tất cả những người chống Cộng khác, Nhật Tiến quan niệm Cộng sản là một chủ thuyết ngoại lai, phi nhân và mâu thuẫn triệt để với mọi giá trị truyền thống của dân tộc. Nhưng điều mà Nhật Tiến muốn nhấn mạnh và đặc biệt điều này muốn hướng về những người ở trong hàng ngũ Cộng sản và "Mặt trận Giải phóng", là phải tách biệt bản chất ngoại lai và xâm lăng của Cộng sản với những chiêu bài dân tộc và giải phóng mà họ vẫn luôn luôn sử dụng để che đậy. Thực tế không thể phủ nhận được là chính thực dân Pháp và các

chính quyền độc tài, bất công, tham nhũng, phi dân tộc tại miền Nam trước đây đã giúp phong trào Cộng sản và công cụ của chúng tại miền Nam là "Mặt trận Giải phóng" lớn mạnh. Điều này có nghĩa là trong hàng ngũ Cộng sản và "Mặt trận giải phóng" trước đây đã có không ít những người mà hoài bão tha thiết đầu tiên của họ không khác gì những hoài bão tha thiết của những thành phần dân tộc: đánh đuổi thực dân Pháp để dành lại độc lập cho tổ quốc, tranh đấu chống lại những độc tài, bất công, tham nhũng, thối nát và vọng ngoại để mang lại tự do, no ấm cho đồng bào. Từ sau 1975 đến nay, gần 14 năm trôi qua, với hoàn cảnh đất nước mà Cộng sản vẫn thường rêu rao: *đã sạch bóng quân thù*, không còn Pháp, không còn chiến tranh, không còn "Mỹ Ngụy", một mình một côi để xây dựng "thiên đường xã hội chủ nghĩa". Nhưng chính quyền Cộng sản đã xây dựng được gì. Không kể kinh tế quốc gia hoàn toàn suy sụp, đời sống dân chúng hoàn toàn lâm than, tương lai mù mịt đen tối, điều mà dân chúng và cán bộ ý thức rõ ràng là Việt Nam đang bị thống trị bởi một chủ thuyết và một chế độ ngoại lai, vong bản chà đạp và hủy diệt tất cả mọi giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Chính đó là thực trạng mà những người trước đây từng tha thiết nuôi dưỡng hoài bão giải phóng tổ quốc, mang lại tự do và no ấm cho đồng bào khi bước chân theo Cộng sản hay vào "Mặt Trận" tỉnh ngộ. Nhưng tỉnh ngộ để buông xuôi vì nghĩ rằng quá muộn, tỉnh ngộ để tự sát vì muốn chuộc lỗi lầm, hay tỉnh ngộ để bước vào con đường dân tộc, cầm súng quay lại chống kẻ thù chung và xây dựng một Việt Nam Mới độc lập, tự do, thanh bình, thịnh vượng và nhân bản. Con đường nào đã mở ra cho họ? Hay chỉ có sau lưng là ngõ cụt, trước mắt là hận thù!

Trong một bài viết nhận định về khuynh hướng sáng tác mới của Nhật Tiến trước đây, tôi đã chia xẻ và hoàn toàn tán đồng nội dung **dân tộc chống ngoại xâm** trong các sáng tác mới đây của Ông. Tôi đã viết:

"... Chưa một lần nào từ những ngày đầu chống Pháp ở thế kỷ trước, lực lượng dân tộc được vận dụng một cách đầy đủ và được chính danh cũng như được vinh danh một cách trọn vẹn và xứng đáng.

- Sự hiện diện bạc nhược, yếu hèn nhưng chính thống và hợp pháp của những vị vua cuối cùng triều Nguyễn đã không những chỉ làm bình phong cho sự đô hộ của thực dân Pháp mà tệ hại

hơn, đã một thời làm suy yếu và ngăn cản sự tập hợp và vận dụng lực lượng dân tộc trong công cuộc kháng chiến chống Pháp;

- Mối quan hệ chặt chẽ của quân chủ phong kiến, thực dân xâm lược và thể chế Quốc gia, Cộng Hòa sau này tại miền Nam mà Bảo Đại, Ngô Đình Diệm là hai gạch nối quan trọng đã làm miền Nam mất chính nghĩa và không thể tập hợp rộng lớn được lực lượng dân tộc trong công cuộc chống Cộng;

- Sự gian xảo, quỷ quyết và nham hiểm của Hồ Chí Minh và tập đoàn Cộng sản của ông trong sách lược núp sau chiêu bài giải phóng dân tộc khiến cho một số không nhỏ tiềm lực dân tộc, vì nhiệt tình yêu nước chống Pháp, đã chiến đấu bên cạnh hoặc bên trong hàng ngũ Cộng sản để cuối cùng, tự đồng hóa hoặc bị đồng hóa như là những người Cộng sản.

Nói chung, với gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp và trên 70 năm hiện diện của Đảng Cộng sản tại Việt Nam, bên cạnh những đổ vỡ đau thương do hai thế lực đó gây ra, đã tạo nên một hoàn cảnh ngang trái, nghiệt ngã cho lực lượng dân tộc mà trong đó, không phải ai cũng có thể dễ dàng chọn lựa một con đường đi thuần túy dân tộc để không ngã về phía này hoặc phía kia mà cả hai phía đều là những thế lực phi dân tộc..." (Chấn Hưng số 11 & 12, tháng 7, 1988).

Quan niệm về Cộng sản của Nhật Tiến, từ đó, nhắm mục đích gỡ bỏ mặc cảm và cổ võ cho một con đường trở về chính nghĩa dân tộc cho những người đã từng ôm ấp lý tưởng độc lập cho tổ quốc và tự do cho dân tộc nhưng vì lý do này hay lý do khác đã đứng trong hàng ngũ Cộng sản. Đây là con đường của những người như Định trong *Nhóm Lửa*, như Năm Tỏa trong *Mồ Hôi Cửa Đá*, như viên Đại tá Cộng sản trong *Gặp Gỡ Ngày Cuối Năm*, như Hoan trong *Những Sự Thực Cần Được Nói Ra...*

Về lý thuyết, ý thức chống Cộng đặt căn bản trên nhận thức dân tộc chống ngoại xâm với ý thức dân tộc và quan niệm về Cộng sản như thế, rõ ràng rất hợp tình hợp lý để tạo ra được một sự kết hợp rộng lớn lực lượng dân tộc ở cả hai miền Nam Bắc, mà theo Nhật Tiến, đó là điều kiện tất yếu để chiến thắng Cộng sản. Nhưng trên thực tế, nhận thức đó sẽ còn gặp khá nhiều trở ngại và hiểu lầm mà như tôi đã gợi ý ở phần đầu của bài này: Đó sẽ là nội dung cuộc đối thoại trong đáy lòng của mỗi người giữa tình cảm và lý trí, giữa tự ái cá nhân và tự ái dân tộc, giữa lịch sử và con người.

Nhưng dù trong đáy lòng của mỗi người hay công khai trên báo chí, nội dung cuộc đối thoại này vẫn hàm chứa những mâu thuẫn lớn nhất trong thời đại chúng ta. Đó là mâu thuẫn lịch sử, mâu thuẫn ý thức hệ, mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo. Do đó, dù mục đích của đối thoại là tìm sự đồng nhất, chúng ta vẫn biết rằng đó không phải là việc làm trong một thời gian ngắn. Nhưng đã có cất bước thì vẫn có quyền hy vọng đến nơi.

GÓP Ý VÀ ĐỀ NGHỊ

Đến đây, tôi tự thấy nên đóng góp một số ý kiến vào cuộc đối thoại đang xảy ra hiện nay và sau đó, xin nêu một vài đề nghị. Tôi cảm thấy nếu không làm chuyện này, mình có vẻ tránh né và chỉ là kẻ nói cho nhiều, nhưng chỉ thích nhìn người khác làm. Kiểu như một câu nói châm biếm trong xã hội Cộng sản: "*Lao động là vinh quang. Nhưng anh lao động, tôi vinh quang!*"

Như đã được nêu lên ở phần đầu của bài này, nội dung và thái độ đối thoại trong những bài viết nhấm vào những nhận thức mới của Nhật Tiến, đã có những dấu hiệu đáng khích lệ. Hai ông Đỗ Thái Nhiên và Diệu Tân đã cố gắng trình bày tất cả những cảm nghĩ của mình ngay cả những cảm nghĩ gay gắt nhất mà chính hai ông cũng ý thức được rằng, nếu một người nào khác viết về hai ông như vậy, hai ông cũng sẽ cảm thấy đau lòng không ít. Nói cách khác, cuộc đối thoại ngay từ bước đầu, đã được khởi đi trên một căn bản *thật thẳng thắn, thật mạnh mẽ, thật chính xác* như ông Đỗ Thái Nhiên đã xác định. Từ đó, xem như nội dung và thái độ đối thoại đã được định trước, tôi chỉ xin cố gắng hòa mình vào.

Hai truyện ngắn "*Những sự thực cần được nói ra*" và "*Gặp gỡ ngày cuối năm*" cũng như truyện dài "*Mồ hôi của đá*" mới đây của Nhật Tiến có cùng một chủ đề, đó là trả lời cho vấn đề căn bản và quan trọng nhất hiện nay: **Làm thế nào để giải phóng đất nước và dân tộc ra khỏi tai họa Cộng sản?** Câu trả lời, hay đúng hơn là một đề nghị gợi ý, của Nhật Tiến là: một sự tập hợp lực lượng dân tộc ở cả hai miền Nam Bắc nước ta, không phân biệt xuất xứ, màu cờ, sắc áo và lập trường chính trị trong quá khứ của họ, miễn là hiện nay tất cả có chung một nhận thức và mang chung một lý tưởng. Nhận thức đó là chủ nghĩa Cộng sản là một chủ nghĩa lỗi thời, phi nhân và phi dân tộc; Lý tưởng đó là

quyết tâm xóa bỏ chủ nghĩa Cộng sản để xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do, nhân bản và thịnh vượng.

Để chuyên chở một nội dung như thế, trong *Gặp gỡ ngày cuối năm*, Nhật Tiến đã tạo ra một cuộc trùng phùng sau hơn 30 năm trời xa cách giữa hai nhân vật vốn là hai anh em ruột. Không những chỉ xa cách trong thời gian, họ còn xa cách trên mọi lãnh vực, trong mọi quan niệm. Hơn nữa, họ đang ở trong hai vị trí thù nghịch nhau. Người anh hiện là một Đại tá trong bộ đội miền Bắc; Người em vốn là một sĩ quan trong quân đội miền Nam và đang là một tù cải tạo.

Nhưng người anh, thực ra, đã không đến thăm người em với tình cảm và tư tưởng của một bộ đội hoặc một đảng viên cao cấp của cộng sản dù ông đang mang trên người quân phục và quân hàm Đại tá Cộng sản. Phải hiểu rằng, **người anh đã đến thăm người em với một tâm sự chất ngất trong lòng.** Đó là kinh nghiệm chua xót về con đường bạo lực và căm hờn của Cộng sản mà ông đã theo đuổi suốt 30 năm qua để đổi lấy một hiện trạng quê hương rách nát, bần cùng, đen tối. Đó là thực tế đáng cay về chủ nghĩa và chế độ Cộng sản mà ông đã nhiệt thành tin tưởng và tận tụy phục vụ để bây giờ ông phải thốt ra rằng: *chúng nó nêu chiêu bài chống phong kiến bóc lột, nhưng trong đời sống thực tế, chúng nó phong kiến hơn ai hết. Chúng nó nêu khẩu hiệu "Không gì quý hơn Độc lập, Tự do" nhưng chúng nó tước đoạt độc lập, tự do của con người hơn ai hết. Nếu phải dùng danh từ "nguy" thì chính chúng nó nguy hơn ai hết..."* Chính đó là lý do ông nói với người em: *"Chú có một mơ ước về đời sống ấm no, hạnh phúc thì tôi cũng vậy. Và tôi tin rằng nhiều người trên giải đất này cũng đều như vậy. Tại sao không thể nhìn nhận nhau để toan tính một cái gì mới mẻ cho quê hương... Trong hàng ngũ của những kẻ mà chú coi là thù nghịch, thật ra vẫn còn ẩn chứa những nhân tố có thể đem áp dụng toán cộng chứ không phải toán trừ. Nếu cứ ôm mãi quan niệm chỉ làm tính trừ, chú sẽ chẳng bao giờ thay đổi được cái xã hội này đâu..."*

Rõ ràng tình cảm và tư tưởng của người anh đã chuyển biến để sẵn sàng đứng vào hàng ngũ dân tộc và quay mũi súng vào kẻ thù chung. Đây cũng là trường hợp ông Năm Tỏa trong *Mồ hôi của đá*, của Định trong *Nhóm Lửa*. Nói chung là những trường hợp phản tỉnh của những người đã từng đứng trong hàng ngũ Cộng sản. Nhưng với một bức tường thành hận thù, nghi kỵ mà

lịch sử đã dựng lên gần nửa thế kỷ qua giữa hai chiến tuyến Quốc gia Cộng sản, người em thoát đầu đã lạnh nhạt và vẫn tiếp tục giữ một thái độ thù nghịch với người anh. Thái độ thù nghịch dẫn đến cùng độ là ý muốn của người em, nếu có súng, sẽ bắn người anh không tiếc tay. Không ngần ngại, người anh rút khẩu súng ở sau lưng trao cho người em. Nhưng người em đã không bắn. Kết thúc câu chuyện là lời giải thích của viên Đại tá vì sao ông đã có được tự tin rằng người em sẽ không thể nào cầm súng bắn ông: *"Tôi hiểu rõ những con người đã được đào luyện và giáo dục trong xã hội tự do, nhân bản. Chú là em của tôi. Điều đó có nghĩa là dù ở hoàn cảnh nào, trong lòng chú vẫn có những tình cảm máu mủ ruột thịt. Nếu chú được sinh ra và lớn lên ở xã hội cộng sản, có lẽ tôi đã xử sự theo cách khác."* Câu chuyện được chấm dứt với tình máu mủ anh em đã được nối lại, với tinh thần nhân bản được đề cao và còn hàm ý một cuộc tập hợp lực lượng dân tộc từ những chỗ đứng thù nghịch nhau trong quá khứ là một yếu tố tất yếu để chiến thắng chủ nghĩa Cộng sản.

1- Từ bài toán cộng giữa tả và hữu đến cuộc "hồi tà" của Ông Đỗ Thái Nhiên : Nội dung truyện ngắn *Gặp gỡ ngày cuối năm* của Nhật Tiến rõ ràng như thế. Ý thức chống Cộng dựa trên căn bản dân tộc chống ngoại xâm do Nhật Tiến gợi ra minh bạch như thế. Tôi không hiểu bằng cách nào mà nhận thức của ông Đỗ Thái Nhiên đối với một nội dung như thế có thể ngược hẳn lại. Ông Đỗ Thái Nhiên đã viết:

"... Đọc "Gặp gỡ ngày cuối năm" mọi người đều nhận biết:

- Đại tá Việt Cộng, đại diện cho nhà cầm quyền cho phe tả.

- Người tù đại diện cho những người thuộc chế độ VNCH, đại diện cho phe hữu.

Bài toán mà Nhật Tiến muốn cộng chính là bài toán cộng giữa tả và hữu tại Việt Nam..."

Ở một đoạn khác, Ông Đỗ Thái Nhiên kết luận:

"Gặp gỡ ngày cuối năm" là một truyện "đầu voi đuôi chuột".

Truyện này đã mở đầu bằng bài toán cộng tả và hữu "để toan tính một cái gì mới mẻ cho quê hương" nhưng lại kết thúc bằng một cuộc làm hòa giữa hai anh em để ngay sau đó người anh dẫn người em đi "hồi tà".... "Gặp gỡ ngày cuối năm" hiển nhiên chỉ là truyện cổ võ cho một cuộc "Hồi tà".

Ngày trước, có người đã nói: *Phê bình là sáng tác.* Không hiểu khi nói câu đó, tác giả của câu nói đó có phải đã tiên tri

được trường hợp phê bình của ông Đỗ Thái Nhiên ?

Không những chỉ là *sáng tác*, nghĩa là chỉ nhận thức và phê phán khác với nội dung mà Nhật Tiến muốn truyền đạt, ở đây những nhận thức và suy luận của ông Đỗ Thái Nhiên đã ngược hẳn lại và còn hàm ý chỉ trích lập trường và thái độ chính trị của Nhật Tiến mà điều này, trong thời buổi phức tạp hiện nay, nó rất nguy hiểm và do đó, nó mang tính chất ác độc. Chẳng hạn vì không nhận ra được con người dân tộc của nhân vật Đại tá Cộng sản, cũng như không hiểu được ý nghĩa của sự *nhìn nhận nhau* giữa người anh Đại tá cộng sản và người em tù cải tạo quốc gia là hình ảnh của sự tập hợp lực lượng dân tộc gồm những người đến từ những chỗ đứng khác nhau trong quá khứ **nhưng hiện nay cùng chung một lý tưởng xóa bỏ chế độ Cộng sản để xây dựng một quê hương mới**, ông Đỗ đã cho rằng Nhật Tiến thiên vị khi *"đặt hai nhân vật trong truyện ở vào hai vị trí cao và thấp sai biệt rõ rệt: bên này là đại tá, bên kia là tù; bên này là anh, bên kia là em."* Ông Đỗ cũng ngụ ý cho rằng nhận thức của Nhật Tiến chỉ là một lời kêu gọi *xóa bỏ hận thù* giữa quốc gia và cộng sản, chỉ là *một bài toán cộng giữa tả và hữu...., một cuộc hồi tà !*" Từ đó, ông chê trách một cách sai lầm rằng *Tại sao lời kêu gọi xóa bỏ hận thù không nhắm vào CSVN mà lại nhắm vào những người tù trên rừng vớ dưới khố rách...*" Ông Đỗ quên rằng người nói ra lời kêu gọi hãy *nhìn nhận nhau* chính là viên Đại tá Cộng sản, người đang thực hiện lời kêu gọi ấy bằng cách từ bỏ chủ nghĩa cộng sản để trở về với hàng ngũ dân tộc mà trong đó phần lớn hiện nay là những người thù nghịch cũ của ông ngày trước.

Đặc biệt, ông Đỗ Thái Nhiên đánh giá những nhận thức kiểu trong *Gặp gỡ ngày cuối năm* của Nhật Tiến chỉ là *nhằm đối lấy an thân hoặc nhằm được tiếng là bao dung, là độ lượng*, hoặc chỉ là *tâm lý của những kẻ ngại chống Cộng*.

Không hiểu ông Đỗ Thái Nhiên nghĩ thế nào chứ theo tôi, cứ như hiện nay, tôi sợ không còn ai ngại chống cộng nữa. Bởi lẽ:

- Cuộc chống Cộng tuy vẫn xảy ra và tiếp diễn, nhưng người khác chịu gian khổ, tù đầy, chết chóc còn chúng ta, cùng lắm, chỉ đóng góp một ít nước bọt vì nói khá nhiều và một ít giấy mực để viết bài hô hào kẻ khác chống Cộng. Do đó, không có gì đáng ngại lắm;

- Tuy cũng mất thì giờ, nhưng thường thì dàn xếp vào cuối tuần, gọi là chống Cộng cuối tuần, đã không gian khổ mà còn vui

nữa nên cũng chẳng có gì mà đáng ngại;

- Chống Cộng như bơi xuôi theo dòng nước, chỉ nói những gì người khác thích nghe, còn Cộng sản thì ở tận bên kia trái đất không cách nào có thể làm hại mình được. Như vậy có gì nguy hiểm mà phải ngại.

Từ một thực tế chống Cộng như thế, tôi nghĩ rằng không có gì mà người ta phải ngại chống Cộng như ông Đỗ chê trách !

Do đó, vấn đề không nằm ở chỗ *nhằm đối lấy an thân hoặc nhằm được tiếng là bao dung, là độ lượng*. Điểm căn bản mấu chốt nhất trong công cuộc chống Cộng hiện nay là **làm sáng tỏ được chính nghĩa và tập hợp được lực lượng dân tộc ở cả hai miền**. Đó sẽ là một cuộc cách mạng lật đổ vĩnh viễn chế độ Cộng sản vì không phải chỉ xuất phát từ bên ngoài mà còn bùng nổ từ trong lòng của chế độ đó bởi những người đã từng nhiệt thành tin tưởng và tận tụy phục vụ.

Tôi nghĩ, đó là tất cả ước muốn của Nhật Tiến được thể hiện qua ý thức chống Cộng trên căn bản dân tộc chống ngoại xâm của ông. Và không phải *nhằm đối lấy an thân* như ông Đỗ Thái Nhiên trách, mà ngược lại, Nhật Tiến đã biết trước và sẵn sàng gánh chịu như hiện đang gánh chịu những gì đang xảy ra.

(Còn tiếp một kỳ)
BÙI NGỌC ĐƯỜNG

BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Trong hai tháng 1 & 2.1989, ngoài những bài đã đăng hoặc những bài Văn Học đã thông báo bằng thư riêng, Toà soạn đã nhận được những bài sau đây:

Tuệ Sĩ hiện thân văn hoá, Hồn thơ cô đơn, thơ của NĐ Paris; Thư ngỏ của TVCS; Tím chiều, thơ CN Toronto; Số phần truyện NTH; Đêm trắng truyện NDT; Đi B truyện PQT; Lục bác tò vò thơ NLĐ; Loạt thơ của NL; Mảnh nghìn thu vọng mãi của PNS; Hạt mưa thơ HST; Còn một chút cho quê hương, Dáng VN thơ MP; Ngoài giấc ngủ, Tuyết hoa, Bên bờ, Mái trời xanh thơ TQ Úc; Thu 88, Que diêm cho người, Hình dung, Dòng thơ, thơ DĐ.

Xin cảm tạ sự cộng tác của quý bạn. Những bài đăng được, Văn Học sẽ xin liên lạc bằng thư riêng hoặc điện thoại.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chị Em, truyện dài của Hà Thúc Sinh tác giả Đại Học Máu, do Tân Văn xuất bản. Sách dày 132 trang, giá 8 MK. Hiện có bày bán tại các hiệu sách.

Tối tháng Năm ở quán ăn đường Fifth, tập truyện ngắn đầu tay của Nguyễn Ý Thuận, do Văn Nghệ xuất bản, gồm 12 truyện ngắn đặc sắc. Giá mỗi cuốn 10 MK. Địa chỉ liên lạc : theo địa chỉ nhà xuất bản Văn Nghệ.

BÁC SĨ TRẦN TIỀN HUYỄN

M.D., F.A.C.S.

- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát (American Board of Surgery).
- Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).
- Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ (Fellow, American College of Surgeons).
- Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU

- Các bệnh trĩ và mạch lương bằng tia laser ít đau, mau bình phục
- Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột
- Sạn túi mật, vàng da, đau bụng
- Tầm ung thư ở vú và ngực
- Các loại bướu ở đầu và cổ
- Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác
- Tiểu giải phẫu : Cắt qu. đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,
- Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá
- Soi đường ruột.

MAGNOLIA CLINIC

14571 Magnolia St, Suite 207, Westminster CA 92683

By Appointment Only : (714) 898.1177

**Bạn đã say mê đọc Võ Kỳ Điền,
Hồ Trường An, Ng. Ngọc Ngạn**

Một Đời Để Học

NGUYỄN TẤN HƯNG



**Bạn sẽ không thể không mê
NGUYỄN TẤN HƯNG**

Giá 8 mỹ-kim (11 gia-kim), chi-phiếu đề .
LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont. M6M 5B9 Canada

PHUONG'S
GENERAL MERCHANDISE
TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM. XÁCH TAY.

ĐẶC BIỆT : Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA- MASTER CARD.

LAYAWAY-U.P.S.
9681 Bolsa Ave. # 11 & 12
Westminster, CA. 92683

(714) 839. 1066

(Trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)

Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM

** Cần đại lý ở các tiểu bang Kính mời*

TAM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chú nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ STUART BARASCH

Luật sư cho cộng đồng người Việt tại
California và Florida

Với sự phụ tá pháp lý của Bà
THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

*** Văn phòng tại Orange County**

9191 Bolsa Avenue, Suite 228 Westminster CA 92683

Phone: (714) 897-7878

Văn phòng Los Angeles

767 North Hill Street, Suite 203 Los Angeles CA 90012

Phone: (213) 621-7622

Văn phòng San Jose

586 North First Street, Suite 101 San Jose, CA 95112

Phone: (408) 292-7993

CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN XE CỘ

Quý vị ở xa xin gọi TOLL FREE:

1 (800) 445-2930

Ngoài tai nạn xe cộ, văn phòng còn phụ trách :

- * Tai nạn lao động, máy bay, trượt té.
- * Ly dị
- * Say rượu lái xe, trộm cắp, đánh lộn, đả thương
- * Di trú và Nhập tịch
- * Công việc chúng tôi là bảo vệ quyền lợi của quý vị.
- * Xin gọi cho tôi, tôi sẽ giải quyết vấn đề của Quý vị một cách :

NHANH CHÓNG-THÀNH TÂM-CHÍNH XÁC

- * Tham khảo miễn phí

- * Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường.

VĂN PHÒNG MỞ CỬA CẢ NGÀY THỨ BẢY

**REX
INSURANCE AGENCY
VĂN PHÒNG BẢO HIỂM
CHUYÊN NGHIỆP
TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.**

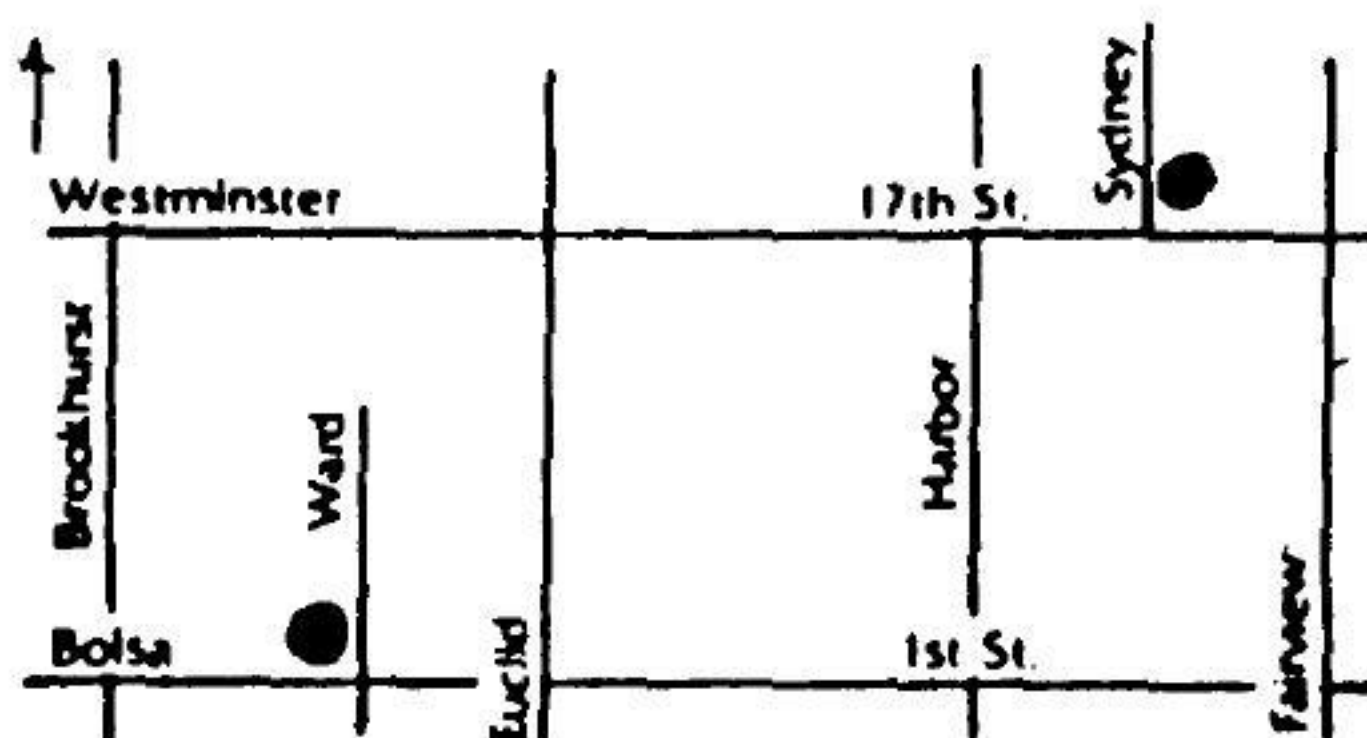
SANTA ANA OFFICE
2709 S. 17th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
(714) 554. 4742

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
(714) 531. 1341

BẢO HIỂM XE

Giá hạ cho quý vị mới có bằng lái, quý vị có quá trình lái xe không tốt, các em sinh viên học sinh.

**NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ,
BONDS, THƯƠNG MẠI**



Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quý vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

Kính chúc quý khách một năm Kỷ Tỵ khang an, thịnh vượng

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc

Địa chỉ :

Zip Code

Gia hạn từ số:.....Số thứ tự độc giả:.....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số đến

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạn tư)

Sáu tháng..... 15 MK

Một năm..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạn nhất)

Sáu tháng..... 21 MK

Một năm 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21 MK

Một năm, gửi tàu thủy 42 Mk

Sáu tháng, gửi máy bay 33 Mk

Một năm, gửi máy bay 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21 Mk

Một năm gửi tàu thủy 42 MK

Sáu tháng, gửi máy bay 40 MK

Một năm, gửi máy bay 80 MK

Đính kèm số tiền

(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international

money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên

Địa chỉ

Muốn mua : • Sáu tháng báo Văn Học

• Một năm báo Văn Học

Để tặng cho:

Địa chỉ

Đính kèm ngân chi phiếu : Mỹ kim

Văn Học số 38/136

Đọc tìm

NGUYỄN Ý THUẦN

**TÔI THẮNG NĂM
TẠI QUÁN ĂN
ĐƯỜNG FIFTH**

TẬP TRUYỆN NGẮN

Đ văn nghệ

12 Truyện ngắn, 12 mảnh đời
Việt Nam được phác họa rõ nét
dưới ngòi bút của người viết
có trái tim lớn hơn bao tử.

Giá 10 Mỹ kim.
Ngoài nước Mỹ thêm
1 Mỹ kim

P.O. BOX. 2301. WESTMINSTER, CA 92683. USA
PHONE : (714)832-8445

Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ



Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminister, CA 92683 USA

Phone: (714) 832-8445

Ngân, chỉ phiếu xin đồ VĂN NGHỆ

Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết.

□ SÁCH IN NĂM 1988:

- | | |
|--|------|
| – HOA BƯỚM BƯỚM
<i>Tiểu thuyết Võ Hồng</i> | 9MK |
| – MUÔN KIẾP CÔ LIÊU
<i>Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc</i> | 14MK |
| – TIỂU THUYẾT II
<i>Võ Phiến</i> | 15MK |
| – TÙ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY
<i>Thơ Nguyễn Ngọc Thuận</i> | 6MK |
| – NƠI TRẠI TRƯNG GIỚI
<i>Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang</i> | 10MK |
| – KIẾP NGƯỜI
<i>Tiểu thuyết W.S. Maugham
Nguyễn Hiến Lê dịch</i> | 13MK |
| – BEO GIẠT (MBĐ IV)
<i>Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác</i> | 15MK |
| – NHƯ CÁNII CHIM BAY
<i>Tiểu thuyết Võ Hồng</i> | 13MK |
| – HỒI KÍ (Tập III)
<i>của Nguyễn Hiến Lê</i> | 9MK |
| – TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT
<i>của Nguyễn Hiến Lê</i> | 7MK |
| – LONG LANH HẠT BUI
<i>Tập truyện Nguyễn thị Hoàng Bắc</i> | 10MK |
| – TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIỆT SAU 1975 | 12MK |
| – DÒNG CHIU TÂM TÌNH
<i>Tập truyện Ngô Nguyên Dũng</i> | 8MK |
| – CHÍNH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC
LĂNG MẠN CỦA KẺ LƯU ĐÀY
<i>của Lê Tuyên</i> | 10MK |
| – TIẾNG KEN
<i>Tập truyện của Nhật Tiến</i> | 8MK |
| – NGÀY N+ ...
<i>Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7
của Hoàng Khởi Phong</i> | 11MK |
| – TIỂU LUẬN
<i>của Võ Phiến</i> | 14MK |
| – NGUYỆT THỰC
<i>Tập truyện của Hồ Đình Nghiêm</i> | 7MK |

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản

Giá 3 Mỹ kim